

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH  
(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)  
(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2020)**

**(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

**Vinh, tháng 12 năm 2021**

**KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC  
- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  
**(Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**  
**của Bộ Giáo dục và Đào tạo)**  
**(Giai đoạn đánh giá: 2016 - 2020)**

**(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

**Vinh, tháng 12 năm 2021**

Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa Trường Đại học Vinh đã được các thành viên trong Đoàn Đánh giá ngoài cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn Đánh giá ngoài cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

---

*Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.*

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

TT	Họ và tên, cơ quan công tác	Trách nhiệm được giao	Chữ ký
1	GS.TS. Trần Văn Nam, Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Trưởng đoàn	
2	TS. Châu Văn Lương, Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Thư ký	
3	PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa, Nguyên Trưởng Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Đại học Huế	Thành viên thường trực	
4	TS. Nguyễn Tinh, Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	Thành viên	
5	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh, Phó Trưởng phòng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Quy Nhơn	Thành viên	
6	PGS. TS. Nguyễn Chánh Tú, Trưởng bộ môn Khoa học công nghệ tiên tiến, Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQGHN	Thành viên	

## MỤC LỤC

<b>DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....</b>	<b>X</b>
<b>PHẦN I. TỔNG QUAN .....</b>	<b>1</b>
I. Giới thiệu chung .....	1
II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài .....	2
III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài .....	3
3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo .....	3
3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của chương trình đào tạo .....	5
3.3. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài .....	8
<b>PHẦN II. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ .....</b>	<b>11</b>
I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	11
Tiêu chí 1.1. ....	11
Tiêu chí 1.2. ....	12
Tiêu chí 1.3. ....	13
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1 .....	14
II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo .....	15
Tiêu chí 2.1. ....	15
Tiêu chí 2.2. ....	15
Tiêu chí 2.3. ....	16
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2 .....	17
III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	17
Tiêu chí 3.1. ....	17
Tiêu chí 3.2. ....	18
Tiêu chí 3.3. ....	19
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3 .....	20
IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học .....	20
Tiêu chí 4.1. ....	20
Tiêu chí 4.2. ....	21
Tiêu chí 4.3. ....	22
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4 .....	23
V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học .....	23
Tiêu chí 5.1. ....	23
Tiêu chí 5.2. ....	24
Tiêu chí 5.3. ....	25
Tiêu chí 5.4. ....	26
Tiêu chí 5.5. ....	27
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5 .....	27
VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	28

Tiêu chí 6.1.....	28
Tiêu chí 6.2.....	29
Tiêu chí 6.3.....	30
Tiêu chí 6.4.....	31
Tiêu chí 6.5.....	32
Tiêu chí 6.6.....	33
Tiêu chí 6.7.....	34
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6 .....	36
VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.....	36
Tiêu chí 7.1.....	38
Tiêu chí 7.2.....	39
Tiêu chí 7.3.....	40
Tiêu chí 7.4.....	42
Tiêu chí 7.5.....	43
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7 .....	44
VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	45
Tiêu chí 8.1.....	45
Tiêu chí 8.2.....	47
Tiêu chí 8.3.....	48
Tiêu chí 8.4.....	49
Tiêu chí 8.5.....	51
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8 .....	52
IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.....	53
Tiêu chí 9.1.....	53
Tiêu chí 9.2.....	54
Tiêu chí 9.3.....	56
Tiêu chí 9.4.....	57
Tiêu chí 9.5.....	59
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9 .....	60
X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng.....	61
Tiêu chí 10.1.....	61
Tiêu chí 10.2.....	62
Tiêu chí 10.3.....	63
Tiêu chí 10.4.....	64
Tiêu chí 10.5.....	65
Tiêu chí 10.6.....	66
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10 .....	66
XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.....	67

Tiêu chí 11.1. ....	67
Tiêu chí 11.2.....	68
Tiêu chí 11.3. ....	70
Tiêu chí 11.4.....	72
Tiêu chí 11.5. ....	73
Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11 .....	74
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>75</b>
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC .....</b>	<b>76</b>
Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục, đơn vị thực hiện CTĐT và CTĐT được đánh giá .....	76
Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo .....	79
Phụ lục 3. Quyết định thành lập Đoàn đánh giá ngoài .....	82
Phụ lục 4. Lịch trình đánh giá ngoài.....	85
Phụ lục 5. Công văn phản hồi của cơ sở giáo dục có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN .....	91
Phụ lục 6. Văn bản của Đoàn ĐGN gửi cơ sở giáo dục có CTĐT được đánh giá về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN .....	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT NGUYÊN
1.	AUN-QA	ASEAN University Network - Quality Assurance
2.	BCH	Ban chấp hành
3.	CB	Cán bộ
4.	CBGV, NV	Cán bộ giảng viên, nhân viên
5.	CBQL	Cán bộ quản lý
6.	CDIO	Conceive Design Implement Operate
7.	CĐR	Chuẩn đầu ra
8.	CLB	Câu lạc bộ
9.	CNTT	Công nghệ thông tin
10.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
11.	CTDH	Chương trình dạy học
12.	CTĐT	Chương trình đào tạo
13.	CTCT&SV	Công tác chính trị và sinh viên
14.	CVHT	Cổ vấn học tập
15.	BĐCL	Bảo đảm chất lượng
16.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
17.	ĐGN	Đánh giá ngoài
18.	ĐH	Đại học
19.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
20.	GĐ	Giám đốc
21.	GS	Giáo sư
22.	GV	Giảng viên
23.	HP	Học phần
24.	KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
25.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
26.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
27.	KHXH&NV	Khoa học Xã hội và Nhân văn
28.	KPI <sub>s</sub>	Key Performance Indicator (chỉ số đánh giá năng lực thực hiện công việc)
29.	KQHT	Kết quả học tập
30.	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
31.	KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
32.	KTX	Ký túc xá
33.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
34.	NCV	Nghiên cứu viên
35.	NTD	Nhà tuyển dụng
36.	NV	Nhân viên
37.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
38.	PGS	Phó Giáo sư
39.	PPDH	Phương pháp dạy học
40.	PVCD	Phục vụ cộng đồng



41.	QLCL	Quản lý chất lượng
42.	QLKH&HTQT	Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế
43.	SM	Sứ mạng
44.	SP	Sư phạm
45.	SV	Sinh viên
46.	TC-CB	Tổ chức-Cán bộ
47.	TĐG	Tự đánh giá
48.	ThS	Thạc sĩ
49.	THPT	Trung học phổ thông
50.	TN	Tâm nhìn
51.	TS	Tiến sĩ
52.	TW	Trung ương
53.	UBND	Ủy ban Nhân dân

## PHẦN I. TỔNG QUAN

### I. Giới thiệu chung

Đoàn đánh giá ngoài (ĐGN) (sau đây gọi là Đoàn) chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (KTĐK&TĐH) Trường Đại học (ĐH) Vinh (sau đây gọi là Nhà trường/Trường) được thành lập theo Quyết định số 227/QĐ-CEA.UD ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo ngành KTĐK&TĐH của Trường Đại học Vinh. Đoàn gồm 07 thành viên, trong đó có 06 chuyên gia đánh giá ngoài và 01 cán bộ giám sát của Trung tâm, cụ thể:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Nhiệm vụ được giao
1	GS.TS. Trần Văn Nam	Nguyên Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Trưởng đoàn
2	TS. Châu Văn Lương	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Phạm Văn Đồng	Thư ký
3	PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa	Nguyên Trưởng ban Khảo thí và BĐCLGD, ĐH Huế	Thành viên Thường trực
4	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	Trường ĐH Bách khoa ĐH Đà Nẵng	Thành viên
5	TS. Nguyễn Tình	Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Huế	Thành viên
6	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Phó Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Quy Nhơn	Thành viên
7	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ, Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	Giám sát

Bản Báo cáo ĐGN khái quát quá trình triển khai ĐGN, công cụ và phương pháp đánh giá, các kết quả đạt được và những kiến nghị cải tiến chất lượng đối với CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường. Phần giới thiệu tóm tắt về Nhà trường, Viện Kỹ thuật và Công nghệ (KT&CN) và CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường được trình bày trong Phụ lục 1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá trong Phụ lục 2. Quyết định thành lập Đoàn ĐGN, Đoàn quan sát viên trong Phụ lục 3. Lịch trình ĐGN trong Phụ lục 4. Công văn phản hồi của CSGD về dự thảo báo cáo ĐGN trong Phụ lục 5. Văn bản của Đoàn ĐGN gửi CSGD trong Phụ lục 6.

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các thông tin, minh chứng và dữ liệu Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 30/6/2021.

### II. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ được sử dụng để đánh giá là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học được Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT

ngày 14/3/2016 với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí; mức đánh giá cho mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức (tương ứng với 7 điểm). Giai đoạn đánh giá là 2016-2020.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn sử dụng bao gồm: i) Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành KTĐK&TĐH do Nhà trường và Trung tâm cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ngành KTĐK&TĐH; ii) Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG CTĐT ngành KTĐK&TĐH; iii) Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan; iv) Phỏng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra CSVC, trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường; v) Đối sánh thực trạng CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường với mức chuẩn tham chiếu tối thiểu được quy định trong Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo công văn 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng để đánh giá điểm số của tiêu chí.

Đoàn đã triển khai đánh giá theo các bước cụ thể như sau:

- Nghiên cứu Hồ sơ TĐG CTĐT ngành KTĐK&TĐH: Từ ngày 10/2021: Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn và Trung tâm đã trao đổi, thống nhất dự kiến kế hoạch công tác của đoàn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trưởng đoàn và thư ký đoàn ĐGN dự thảo kế hoạch đánh giá ngoài, thảo luận với các thành viên và phân công nhiệm vụ cho các thành viên đoàn ĐGN. Các thành viên Đoàn đọc và rà soát toàn bộ cấu trúc của bản báo cáo TĐG và nghiên cứu các tài liệu liên quan, nghiên cứu kỹ nội dung báo cáo liên quan tới các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, viết nhận xét báo cáo tự đánh giá CTĐT. Đoàn đã thảo luận, thống nhất về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các nội dung, các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; công tác hậu cần để Nhà trường, Trung tâm và Đoàn cần chuẩn bị. Đồng thời, Trưởng đoàn, Thư ký, Thành viên của Đoàn thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức;

- Khảo sát sơ bộ: Ngày 24/11/2021, Trưởng đoàn, Thư ký, đại diện Thành viên của Đoàn và Giám sát viên tiến hành khảo sát sơ bộ CTĐT ngành GDTH Trường ĐH Vinh. Đoàn đã làm việc với Chủ tịch Hội đồng trường, Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG, đại diện Trung tâm KT&ĐBCL và đại diện lãnh đạo các Phòng, Ban, Trung tâm liên quan đến CTĐT ngành KTĐK&TĐH của Nhà trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG; khảo sát CSVC của Nhà trường; trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường cần bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn. Đồng thời, Trưởng đoàn và lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ khảo sát sơ bộ;

- Khảo sát chính thức: Từ ngày 14/12/2021-17/12/2020, Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường với việc thực hiện các hoạt động: Trưởng đoàn họp toàn đoàn ĐGN để quán triệt nhiệm vụ của từng thành viên, cách thức và kế hoạch làm việc; Họp với Lãnh đạo

Nhà trường, Viện KT&CN và Hội đồng TĐG CTĐT ngành KTĐK&TĐH; Kiểm tra hồ sơ, minh chứng với sự tham gia làm việc trực tiếp của các nhóm cán bộ phụ trách Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí; Thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 12 nhóm đối tượng gồm tất cả các bên liên quan của Nhà trường; khảo sát 198 SV của Nhà trường đã tốt nghiệp ngành SP Địa lý năm 2017, 2018 về tình hình việc làm sau tốt nghiệp, về việc phổ biến quy chế tổ chức ĐT, giới thiệu CTĐT, CĐR, vị trí việc làm sau tốt nghiệp, hoạt động giảng dạy của GV, CSVC và chất lượng phục vụ của CB hỗ trợ và đồng thời Đoàn ĐGN đã nhận được 20 ý kiến đóng góp thông qua phiếu khảo sát điều tra từ các bên liên quan tham dự phỏng vấn đánh giá, góp ý về các hoạt động của Nhà trường và của Viện KT&CN; thực hiện quan sát, kiểm tra ngẫu nhiên một số đầu mục sách tại Trung tâm TTTV; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động giáo dục; khảo sát về tình trạng việc làm của SV của Trường tốt nghiệp năm 2017 và 2018. Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn;

- Viết dự thảo Báo cáo ĐGN: Từ 24/12/2021-31/12/2021, sau đợt khảo sát chính thức, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và cán bộ giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường;

- Hoàn thiện Báo cáo ĐGN: Từ 07/01/2022-20/01/2022: Sau khi nhận được ý kiến phản hồi của Nhà trường về dự thảo Báo cáo ĐGN, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất về những ý kiến phản hồi của Nhà trường. Đoàn ĐGN hoàn thiện Báo cáo ĐGN, lấy chữ ký của tất cả các thành viên trong Đoàn và chính thức gửi Báo cáo ĐGN cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN cùng toàn bộ hồ sơ làm việc của Đoàn, kèm theo các file điện tử liên quan.

### **III. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài**

#### **3.1. Những điểm mạnh của CTĐT**

(1) Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐK&TĐH được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, được đánh giá bằng thang Bloom theo tiêu chí SMART; mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra hiện hành của CTĐT ngành KTĐK&TĐH được xác định rõ ràng, thể hiện đầy đủ các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, cũng như nêu rõ triển vọng về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT và mỗi học phần được xây dựng theo quy trình, được định kỳ rà soát và thể hiện được yêu cầu của các bên liên quan, được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường, của Viện, trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, đầu mỗi môn học.

(2). Bản mô tả CTĐT ngành KTĐK&TĐH có đầy đủ các phần chính theo quy định, được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Tất cả đề cương môn học có đầy đủ các thông tin cần

thiết, được cập nhật định kỳ theo kế hoạch của nhà trường. Bản mô tả CTĐT cũng như toàn bộ các đề cương được phổ biến rộng rãi qua nhiều hình thức và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

(3). CTDH ngành KTĐK&TĐH từ năm 2016 được cải tiến theo hướng tiếp cận CDIO, tiếp tục áp dụng sâu sắc hơn tiếp cận đó để xây dựng CĐR và thiết kế CTDH dựa trên CĐR. Các học phần được xây dựng theo CĐR có liên hệ với CĐR CTĐT. Cấu trúc, trình tự của các học phần được thiết kế logic, đảm bảo tính kế thừa, nâng cao từ học phần trước đến học phần sau. CTDH được thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các chuyên ngành, được định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan.

(4). Mục tiêu giáo dục được nhà trường ban hành rõ ràng, được toàn thể GV, nhân viên và người học hiểu và thực hiện; được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động giảng dạy và học tập được thực hiện đa dạng, linh hoạt, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CĐR; nhiều hoạt động dạy và học giúp người học hướng tới hình thành kỹ năng thiết yếu, năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

(5). Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về công tác kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CĐR đào tạo. Có đầy đủ các tài liệu/hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Các quy định, hướng dẫn được phổ biến rộng rãi và người học dễ dàng tiếp cận. Công tác thi được tổ chức nghiêm túc, quản lý chặt chẽ, bảo đảm khách quan công bằng. Việc phản hồi và khiếu nại kết quả học tập được quy định và được phổ biến công khai đến tất cả cán bộ GV và SV biết để thực hiện, được giải quyết đúng quy định và phản hồi kịp thời cho người học.

(6). Giai đoạn 2016-2020, Trường/Khoa/Viện đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình KTĐK&TĐH cơ bản đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Khoa/Viện tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành KTĐK&TĐH, cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn, tích cực tham gia bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết. Nhà trường có quy định cụ thể về nhiệm vụ cũng như khối lượng công việc của GV trong giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Đồng thời, định mức công việc của GV được Nhà trường quản trị và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống phần mềm có sự liên thông giữa các đơn vị, bảo đảm tính minh bạch, công bằng đối với tất cả GV.

(7). Trường có chính sách, tiêu chí cụ thể, rõ ràng để thu hút, tuyển dụng, sử dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng yêu cầu công tác. Đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành KTĐK&TĐH đảm bảo về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm NV được thực hiện theo các quy trình chặt chẽ. Khoa/Viện tuân thủ quy định của Trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Trường có hệ thống văn bản xác định năng lực và bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ. Quy trình đánh giá NV được thực hiện chặt chẽ. Kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm, công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với NV. Trường/Khoa/Viện có khảo sát, đánh giá nhu cầu và tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Những NV đủ điều kiện được Trường tạo điều kiện và khuyến khích thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

(8). Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh, trong đó đã nêu rõ chính sách, quy định tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh và các phương thức tuyển sinh sinh đúng các quy định hiện hành, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm và được công khai minh bạch. Nhà trường đã có hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học với sự hỗ trợ của Phần mềm quản lý người học (LMS) và phần mềm quản lý điểm (CMC). Tỷ lệ sinh viên ngành KTĐK&TĐH sau khi ra trường có việc làm tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2015-2020. Trung bình có 85,35% sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp. Nhà trường đã có các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo không khí thoải mái và thuận lợi cho các đối tượng trong toàn trường.

(9). Nhà trường và Viện Kỹ thuật và Công nghệ có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng đầy đủ với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào có diện tích rộng, số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án đảm bảo phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành KTĐK & TĐH. Nhà trường có hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu: nhiều phòng máy tính, sử dụng nhiều phần mềm quản lý dạy và học, trang thông tin điện tử cấp trường, Viện, bộ môn, phòng họp/học trực tuyến, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của Trường.....; Trung tâm TH-TN có đội ngũ NV kỹ thuật chuyên nghiệp, được trang bị nhiều thiết bị, máy móc đáp ứng yêu cầu dạy và học; Nhà trường đã ban hành và triển khai văn bản theo quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong Trường. Nhà trường đã có kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, hoàn thiện.

(10). Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định cụ thể nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc xây dựng và phát triển CTĐT thực hiện quy trình theo đúng các bước hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh việc sử dụng các thông tin phản hồi để thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường còn đối sánh, tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế. Trong 5 năm của giai đoạn đánh giá, Viện đã thực hiện các đề tài NCKH: 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường. Các kết quả của đề tài liên quan đến việc xây dựng CTĐT ngành KTĐK&TĐH theo tiếp cận CDIO và nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, có 03 giải thưởng NCKH cấp trường của SV. Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của CSGD. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Nhà trường giám sát, đánh giá và đã có những cải tiến về chất lượng, nâng cấp về số lượng các dịch vụ hỗ trợ nhằm phục vụ, hỗ trợ cho người học. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong và ngoài CSGD được Nhà trường thực hiện đảm bảo tính hệ thống; triển khai rà soát các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường.

(11). Nhà trường và Viện đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỉ lệ thời học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ

hài lòng của một số bên liên quan. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng 5 năm của ngành bình quân trong giai đoạn đánh giá/SV bỏ học 73,4%/27,2% Viện đã tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH và tham gia giải thưởng SVNCKH theo kế hoạch hàng năm của Trường, SV giành được 3 giải thưởng NCKH (cấp Trường), 1 bài báo ISI/Scopus. Tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tương đối ổn định, bình quân gần 80%, trong đó đa phần là khu vực tư nhân và tự tạo việc làm.

### **3.2. Những lĩnh vực cần cải tiến của CTĐT**

(1). Trong các kỳ rà soát, cải tiến tiếp theo, Viện, Bộ môn cần nâng cao chất lượng công tác khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về mục tiêu, CĐR của CTĐT, tiến hành phân tích, đánh giá ý kiến phản hồi để phục vụ điều chỉnh, cập nhật, cải tiến mục tiêu, CĐR; cần có kế hoạch đánh giá, đo lường về mức độ đạt được CĐR của người học, tiếp tục cải tiến CĐR và quy trình chuyển tải vào nội dung dạy học. Viện, Bộ môn cần tăng cường công tác truyền thông hiệu quả về CĐR của CTĐT ngành KTĐK&TĐH đến các bên liên quan.

(2). Viện, Bộ môn cần tiếp tục cải tiến cập nhật nội dung Bản mô tả CTĐT, tiếp tục hoàn thiện các hoạt động dạy học, các hình thức đánh giá, bổ sung các rubrics trong các đề cương môn học trong các lần rà soát kế tiếp.

(3). Viện, Bộ môn, GV cần tiếp tục rà soát, cải tiến để tất cả các CĐR CTĐT, CĐR học thuận lợi hơn trong đo lường đánh giá. Cần tiếp tục tập huấn chi tiết hơn cho GV để nâng cao chất lượng đề cương môn học, nắm vững việc xây dựng các CĐR môn học phù hợp với CĐR CTĐT, cách thức lựa chọn tổ hợp các công cụ kiểm tra đánh giá hiệu quả đảm bảo việc đạt được CĐR; có đầy đủ các rubrics cũng như các hình thức kiểm tra-đánh giá trong đề cương môn học. Trường, Viện, Bộ môn và GV cần xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá mức độ đạt được CĐR của CTĐT, bao gồm kết quả đầu ra của nhóm các môn học liên quan đến từng CĐR. Các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan CTDH cần được lưu trữ có hệ thống, được phân tích sâu để sử dụng cải tiến nâng cao chất lượng, thể hiện trong Báo cáo tự đánh giá.

(4). Nhà trường và Viện đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về triết lý, mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan thông qua các hình thức phong phú. Tăng cường các buổi tập huấn, sinh hoạt CLB về phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho SV. Nhà trường và Viện cần đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất để tăng cường hơn nữa các điều kiện thực hành, nghiên cứu. Nhà trường và Viện cần có các biện pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ chuyên ngành cho SV.

(5). Viện, Bộ môn cần tiếp tục hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá mức độ đạt được CĐR và tập huấn cho GV nâng cao chất lượng xây dựng đề cương. Viện và Bộ môn cần xây dựng kế hoạch phân tích, đánh giá đề thi một cách đầy đủ theo các chuẩn đầu ra và theo từng câu hỏi; xây dựng/bổ sung và tăng cường việc thi trắc nghiệm từ ngân hàng đề thi đủ lớn. Nhà trường, Viện cần cải tiến thời gian phản hồi khiếu nại về điểm thi cuối kỳ cũng như quy trình phúc khảo theo hướng thuận lợi hơn cho sinh viên.

(6). Nhà trường/Viện cần có chiến lược/kế hoạch cụ thể hơn nữa trong công tác phát triển đội ngũ GV của các bộ môn. Nhà trường cần ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình, định mức cụ thể đối với từng hoạt động chuyên môn khác để đo lường, đánh giá và giám sát hoạt động này hiệu quả hơn; cần ban hành văn bản quy định cụ thể các hoạt động PVCĐ (trong đào tạo, bồi dưỡng, CGCN, các hoạt động tình nguyện, nhân đạo...) để giám sát, đánh giá và phát triển năng lực đóng góp cho cộng đồng của đội ngũ GV đầy đủ và hiệu quả hơn; cần tiếp

tục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ phù hợp hơn theo từng đối tượng GV, có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy GV học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ hiệu quả. Nhà trường cần ban hành Quy định (chính thức) về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường với quy trình khảo sát bao gồm đầy đủ các bước: Lập kế hoạch, thực hiện, báo cáo tổng kết, cải tiến chất lượng sau đánh giá (PDCA). Viện cần có biện pháp cụ thể hỗ trợ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động NCKH của đội ngũ GV với nhiều loại hình nghiên cứu đa dạng, chú trọng thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp, các nghiên cứu ứng dụng, hoạt động CGCN giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương, khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

(7). Trường, Viện cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung các yêu cầu đối với từng vị trí việc làm của đội ngũ NV ở các đơn vị hành chính, các vị trí TLĐT, TL QLSV, CVHT trong Đề án vị trí việc làm trong đó xem xét ý kiến của các đơn vị về tiêu chuẩn, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể, đặc thù theo từng lĩnh vực; cần có chính sách hỗ trợ/đãi ngộ cho đội ngũ CVHT, TLĐT, TL QLSV tốt hơn để bảo đảm chất lượng hoạt động hỗ trợ người học. Trường cần khảo sát mức độ hài lòng của GV, Cựu SV, .. đối với đội ngũ NV; cần điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá NV có tính định lượng hơn để đánh giá được năng lực theo từng vị trí việc làm; sớm ban hành hoặc bổ sung các tiêu chí đánh giá đối với GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đào tạo; nên thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển NV để có cải tiến phù hợp; cần khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ NV về việc quản trị công việc, việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp để cải tiến công tác quản lý của Trường; cần triển khai cho tất cả NV xây dựng kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

(8). Nhà trường nên khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng ngoài Trường để có cơ sở khách quan hơn trong việc điều chỉnh, bổ sung quy chế tuyển sinh và chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. Nhà trường cần có giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường nói chung và của ngành KTĐK&TĐH nói riêng. Để hệ thống giám sát về sự tiến bộ học tập và rèn luyện của người học được rõ ràng, hiệu quả, Nhà trường nên ban hành các văn bản quy định rõ trách nhiệm chính của từng bộ phận trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể. Nhà trường nên có kế hoạch triển khai giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cũng như trong hoạt động chuyên môn.

(9). Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung mới cho các phòng học mà bàn ghế quá cũ, bị hư hỏng, bổ sung thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập. Cần có kế hoạch và tăng cường kinh phí để cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo nhiều hơn, cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và chuyên ngành KTĐK & TĐH. Nhà trường có kế hoạch đánh giá, nâng cấp và hợp nhất hệ thống phần mềm, số hóa CSDL cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hiệu quả hơn.

(10). Các thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm thiết kế và phát triển CTDH cần có đầy đủ các bên liên quan cần thiết. Các ý kiến phản hồi cần được phân tích, đối sánh để chọn lọc được các thông tin cần thiết, đảm bảo độ tin cậy để làm cơ sở cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Bên cạnh đó, Nhà trường cần có các biện pháp để giám sát sự cải tiến của các đơn vị sau khi thu thập kết quả phản hồi từ các bên liên quan. Các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến



phản hồi các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cần có sự phân tích, đánh giá và so chiếu giữa các năm học để thấy được những điểm đã cải tiến, những nội dung cần khắc phục trong thời gian đến, làm cơ sở cho các đơn vị chức năng có kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng. Nhà trường và Viện cần bổ sung lĩnh vực nghiên cứu giáo dục vào chiến lược khoa học công nghệ của Trường và Viện; cần có các chính sách để khuyến khích GV thực hiện các đề tài thuộc lĩnh vực này, đồng thời có thêm các chính sách để GV sử dụng các kết quả NCKH vào các nội dung dạy và học, cải tiến PPDH. Bên cạnh đó, Nhà trường, Viện cần có sự hợp tác NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước.

(11). Nhà trường, Viện cần có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo,... nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, khuyến khích SV đăng kết quả trên báo KH, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan. Cần đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện tốt CDR của CTĐT.

**3.3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá ngoài**  
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**(Theo Thông tư 04/2016)**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN & TỰ ĐỘNG HÓA**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								
Tiêu chí 1.1	5	4	5,00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 1.2	5	4						
Tiêu chí 1.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								
Tiêu chí 2.1	5	4	5,00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 2.2	5	4						
Tiêu chí 2.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								
Tiêu chí 3.1	5	4	5,00	3	100%	3,67	2	66,67%
Tiêu chí 3.2	5	4						
Tiêu chí 3.3	5	3						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								
Tiêu chí 4.1	5	4	5,00	3	100%	4,00	3	100%
Tiêu chí 4.2	5	4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 4.3	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								
Tiêu chí 5.1	5	4	4,80	5	100%	4,00	5	100%
Tiêu chí 5.2	5	4						
Tiêu chí 5.3	4	4						
Tiêu chí 5.4	5	4						
Tiêu chí 5.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								
Tiêu chí 6.1	5	4	4,57	7	100%	4,28	7	100%
Tiêu chí 6.2	5	4						
Tiêu chí 6.3	4	5						
Tiêu chí 6.4	4	4						
Tiêu chí 6.5	5	5						
Tiêu chí 6.6	4	4						
Tiêu chí 6.7	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>								
Tiêu chí 7.1	4	4	4,20	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 7.2	4	4						
Tiêu chí 7.3	4	4						
Tiêu chí 7.4	4	5						
Tiêu chí 7.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>								
Tiêu chí 8.1	4	4	4,40	5	100%	4,00	5	100%
Tiêu chí 8.2	4	4						
Tiêu chí 8.3	5	4						
Tiêu chí 8.4	4	4						
Tiêu chí 8.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>								
Tiêu chí 9.1	5	5	4,60	5	100%	4,20	5	100%
Tiêu chí 9.2	4	4						
Tiêu chí 9.3	5	4						
Tiêu chí 9.4	4	4						
Tiêu chí 9.5	5	4						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>								
Tiêu chí 10.1	4	4	4,33	6	100%	4,00	6	100%

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí		Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
	TĐG	ĐGN	TĐG			ĐGN		
			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt	Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chí 10.2	4	4						
Tiêu chí 10.3	5	4						
Tiêu chí 10.4	5	4						
Tiêu chí 10.5	4	4						
Tiêu chí 10.6	4	4						
<b>Tiêu chuẩn 11</b>			4,40	5	100%	3,80	4	80%
Tiêu chí 11.1	4	4						
Tiêu chí 11.2	5	4						
Tiêu chí 11.3	4	4						
Tiêu chí 11.4	4	3						
Tiêu chí 11.5	5	4						
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>			<b>4,66</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>	<b>4,04</b>	<b>48</b>	<b>96%</b>

## PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

### I. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.**

#### 1. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (KTĐK&TĐH) trực thuộc Viện kỹ thuật và Công nghệ (KTCN) thành lập năm 2017 trên cơ sở hợp nhất Khoa Vật lý, Khoa Điện tử Viễn thông và Khoa Công nghệ thông tin, bắt đầu đào tạo từ năm 2012. Trong chu kỳ đánh giá, Hiệu trưởng Trường ĐHV đã ký các Quyết định số 3357/QĐ-ĐHV ngày 15/9/2015, 1002/QĐ-ĐHV ngày 30/8/2016, 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 và 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/09/2019 ban hành chương trình đào tạo. Mục tiêu chung của CTĐT được ban hành ngày 27/4/2017 theo QĐ số 747/QĐ-ĐHV được xác định rõ ràng “*Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa có khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các thiết bị, hệ thống đo lường, điều khiển và tự động hoá trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*” với các mục tiêu cụ thể “*M1: Áp dụng kiến thức nền tảng và lập luận ngành trong lĩnh vực Điều khiển tự động hóa; M2: Áp dụng kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; M3: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; M4: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống Điều khiển tự động hóa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội.*”

Mục tiêu CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Viện KTCN “*Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh, là đơn vị giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*”, phù hợp với Tầm nhìn đến năm 2030 của Viện “*Viện Kỹ thuật và Công nghệ trở thành Trường Kỹ thuật và Công nghệ trực thuộc Đại học Vinh, có một số ngành đào tạo bậc đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế*”. Mục tiêu CTĐT phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*”, phù hợp với Tầm nhìn của Nhà Trường “*Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*”. Mục tiêu CTĐT có nhấn mạnh đến năng lực tự chủ và sáng tạo trong hoạt động chuyên môn, thể hiện chu trình phát triển: hình thành ý tưởng - thiết kế hoạt động - triển khai thực hiện và vận hành theo định hướng CDIO.

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành KTĐK&TĐH cũng phù hợp Luật giáo dục đại học cũng như phù hợp và khung năng lực trình độ quốc gia.

#### 2. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về CTĐT trong đó có mục tiêu đào tạo còn hạn chế về số lượng lẫn chất lượng và chưa được tiến hành một cách thường xuyên.

#### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Cần tăng cường chất lượng và số lượng ý kiến khảo sát của các bên liên quan, đặc biệt là doanh nghiệp, nhà tuyển dụng và cựu sinh viên trong quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã ban hành chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT ngành KTĐK&TĐH theo QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017, Quy định chuẩn đầu ra kỹ năng mềm năm 2019 theo QĐ số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019.

CĐR CTĐT ngành KTĐK&TĐH được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, được xác định rõ ràng, bao gồm 4 nhóm chính như sau

1. Kiến thức và lập luận ngành, gồm 4 chủ đề con cấp 2:

1.1 Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật (có 4 chỉ số cấp 3);

1.2 Kiến thức khoa học cơ bản và kỹ thuật cơ sở (có 6 chỉ số cấp 3);

1.3 Kiến thức cơ sở ngành (có 10 chỉ số cấp 3);

1.4 Kiến thức chuyên ngành (có 4 chỉ số cấp 3).

2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, gồm 5 chủ đề con cấp 2:

2.1. Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề kỹ thuật (có 4 chỉ số cấp 3);

2.2. Thực nghiệm và khám phá tri thức (có 4 chỉ số cấp 3);

2.3. Tư duy tầm hệ thống (có 4 chỉ số cấp 3);

2.4. Kỹ năng và thái độ cá nhân (có 7 chỉ số cấp 3);

2.5. Kỹ năng và thái độ nghề nghiệp (có 4 chỉ số cấp 3).

3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, gồm 3 chủ đề con cấp 2:

3.1. Làm việc nhóm (có 5 chỉ số cấp 3);

3.2. Giao tiếp (có 6 chỉ số cấp 3);

3.3. Giao tiếp bằng tiếng Anh (có 3 chỉ số cấp 3).

4. Năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá và cải tiến trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội, gồm 6 chủ đề con cấp 2:

4.1. Bối cảnh xã hội và môi trường (có 5 chỉ số cấp 3);

4.2. Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh (có 4 chỉ số cấp 3);

4.3. Hình thành ý tưởng kỹ thuật và quản lý (có 4 chỉ số cấp 3);

4.4. Thiết kế (có 6 chỉ số cấp 3);

4.5. Triển khai (có 6 chỉ số cấp 3);

4.6. Vận hành (có 6 chỉ số cấp 3).

Các chỉ số cấp 3 trong CĐR được đo bằng thang Bloom theo nguyên tắc SMART.

Các CĐR đã xác định rõ các yếu tố về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm mà SV tốt nghiệp ngành KTĐK&TĐH đạt được sau khi tốt nghiệp; có nêu triển vọng vị trí việc làm của SV sau khi ra trường: a) Các vị trí kỹ sư vận hành, chuyên viên tư vấn, thiết kế, phân tích mô phỏng tại các doanh nghiệp, nhà máy ở các khu công nghiệp; b) Kỹ sư lập trình ứng dụng cho hệ vi xử lý, các bộ điều khiển lập trình; c) Chuyên gia hệ thống phân tích nhu cầu về hệ thống điện, tự động hóa của các công ty, nhà máy, tập đoàn trong và ngoài nước; d) Giảng viên công tác tại các trường đại học, cao đẳng; cán bộ nghiên cứu hoặc kỹ thuật viên ở các cơ sở NCKH - công nghệ, các phòng thực hành, thí nghiệm liên quan đến Công nghệ Điện-Tự động hóa.

2. Điểm tồn tại TC 1.2

Số lượng các chủ đề CĐR cấp 2 là 18, số lượng các chỉ số cấp 3 là 92 so với thực tế triển khai là nhiều dẫn đến việc phát triển CĐR vào đề cương học phần khó đảm bảo sự đồng bộ và gây lúng túng khi thực hiện.

Qua phỏng vấn, một số giảng viên tỏ ra khó khăn, chưa hiểu rõ nội dung CĐR cũng như quy trình chuyển tải CĐR vào học phần, gây lúng túng và khiên cưỡng khi thực hiện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường, Viện, Bộ môn cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện CĐR theo hướng dễ chuyển tải vào nội dung dạy học.

Tăng cường tập huấn để toàn bộ giảng viên nắm vững quy trình và thực hiện đồng bộ, chất lượng việc chuyển tải CĐR vào nội dung học phần.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.***

1. Điểm mạnh

Trong chu kỳ đánh giá, CĐR được cập nhật theo hướng tiếp cận CDIO vào năm 2016, được ban hành năm 2017, được rà soát vào năm 2019. Việc rà soát CTĐT cũng như CĐR nói riêng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan như SV sắp tốt nghiệp, cựu SV, GV, nhà tuyển dụng dưới các dạng hội thảo, khảo sát gián tiếp. CĐR của CTĐT ngành KTĐK&TĐH phản ánh yêu cầu các bên liên quan.

CĐR của CTĐT đã được rà soát, cải tiến ban hành vào 2015, 2017 và 2019. CĐR được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo, được nghiệm thu cấp trường trước khi ban hành. Trong phiên bản cải tiến năm 2019, CĐR được rà soát quy định rõ ràng thành 4 nhóm chính, trong đó có các chủ đề CĐR cấp 2 và các chỉ số con cấp 3 như đã nêu trong Tiêu chí 1.2.

CĐR của CTĐT ngành KTĐK&TĐH được công bố công khai, rộng rãi tới doanh nghiệp, người sử dụng lao động, GV tham gia giảng dạy, SV trong Khoa bằng các hình thức khác nhau

như đăng tải trên trang thông tin điện tử, phổ biến tại các buổi sinh hoạt đầu khóa, gặp mặt tân SV, các buổi hội thảo doanh nghiệp và khảo sát ý kiến về CTĐT. Ngoài ra, CĐR học phần được các GV phổ biến cho SV khi bắt đầu mỗi học phần, được cố vấn học tập tư vấn.

## 2. Điểm tồn tại

Số lượng khảo sát trong các lần rà soát, cải tiến CĐR còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, nhất là với đối tượng doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên cuối khóa. Qua phỏng vấn, có sinh viên chưa nắm rõ các CĐR, còn nhầm lẫn CĐR với mục tiêu đào tạo.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện, Bộ môn cần rà soát, cải tiến chuẩn đầu ra trong lần điều chỉnh kế tiếp dựa trên ý kiến các bên liên quan được khảo sát với số lượng và chất lượng tốt hơn. Viện, Bộ môn cũng nên có thêm các hình thức để phổ biến CĐR cho SV để SV nắm rõ hơn về CĐR.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí TC1.3: Đạt (mức 4/7)

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1:**

#### - Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Mục tiêu của CTĐT ngành KTĐK&TĐH được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, được đánh giá bằng thang Bloom theo tiêu chí SMART; mục tiêu cụ thể thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra hiện hành của CTĐT ngành KTĐK&TĐH được xác định rõ ràng, thể hiện đầy đủ các khối kiến thức và kỹ năng chung, kỹ năng chuyên biệt, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, cũng như nêu rõ triển vọng về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT và mỗi học phần được xây dựng theo quy trình, được định kỳ rà soát và thể hiện được yêu cầu của các bên liên quan, được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường, của Viện, trong các buổi sinh hoạt đầu khóa, đầu mỗi môn học.

#### - Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Việc khảo sát, thống kê, phân tích ý kiến các bên liên quan, nhất là doanh nghiệp, cựu sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra trong các lần rà soát, cải tiến còn chưa đầy đủ, hệ thống và chất lượng; số lượng các chủ đề cấp 2 và chỉ số cấp 3 của CĐR CTĐT còn nhiều so với thực tế triển khai để đảm bảo hiệu quả và đồng bộ vào các đề cương môn học; hiệu quả truyền thông về CĐR của CTĐT ngành KTĐK&TĐH chưa cao, còn có GV và SV chưa nắm rõ về CĐR của CTĐT.

#### - Kiến nghị đối với CTĐT:

Trong các kỳ rà soát, cải tiến tiếp theo, Viện, Bộ môn cần nâng cao chất lượng công tác khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về mục tiêu, CĐR của CTĐT, tiến hành phân tích, đánh giá ý kiến phản hồi để phục vụ điều chỉnh, cập nhật, cải tiến mục tiêu, CĐR; cần có kế hoạch đánh giá, đo lường về mức độ đạt được CĐR của người học, tiếp tục cải tiến CĐR và quy trình chuyển tải vào nội dung dạy học. Viện, Bộ môn cần tăng cường công tác truyền thông hiệu quả về CĐR của CTĐT ngành KTĐK&TĐH đến các bên liên quan.

## II. Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

### *Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.*

#### 1. Điểm mạnh

Trong phiên bản hiện hành năm 2019 (QĐ 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/09/2019), bản mô tả CTĐT được cập nhật theo cách tiếp cận CDIO, có đầy đủ các phần chính, bao gồm: Thông tin chung; Hình thức đào tạo chính quy tập trung với thời gian đào tạo 5 năm; Số tín chỉ là 151; Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; CĐR của CTĐT; Cấu trúc và nội dung CTĐT; Kế hoạch giảng dạy; Ma trận các môn học và kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được CĐR); Hướng dẫn thực hiện CTĐT; Mô tả và đề cương chi tiết của 55 học phần.

Chương trình đào tạo ngành KTĐK&TĐH bắt đầu đào tạo từ năm 2012. Trong chu kỳ đánh giá, CTĐT được ban hành vào các năm 2015 (QĐ 3357/QĐ-ĐHV ngày 15/9/2015), năm 2017 (QĐ 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017) và 2019 (QĐ 2486/QĐ-ĐHV ngày 17/09/2019). Các lần rà soát cải tiến đều được thực hiện theo quy trình do Trường triển khai, có quyết định ban hành. Trong các lần cập nhật, Bản mô tả CTĐT luôn được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. Phiên bản 2017, CTĐT đã được cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp CĐR các học phần, các học phần trong CTĐT đã bổ sung thêm CĐR, phương pháp đánh giá; CTĐT được xây dựng theo cách tiếp cận phát triển năng lực. Phiên bản 2019 tiếp tục hoàn chỉnh theo hướng bổ sung các nội dung mới, đổi mới phương pháp dạy học.

#### 2. Điểm tồn tại

Việc cập nhật các phiên bản của Bản mô tả CTĐT cần được Trường và Viện quản lý, ban hành một cách hệ thống, kế thừa và nhất quán trong các bản in, được lưu trữ bài bản và cần mô tả rõ trong Bản báo cáo tự đánh giá. Quá trình rà soát cải tiến CTĐT chưa sử dụng hiệu quả ý kiến của các bên liên quan để kịp thời cập nhật.

#### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện, Bộ môn cần quản lý, lưu trữ các phiên bản của Bản mô tả CTĐT một cách hệ thống, kịp thời bổ sung cập nhật dựa trên ý kiến rộng rãi và có chất lượng của các bên liên quan.

#### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không có

#### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

### *Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.*

#### 1. Điểm mạnh

Đề cương các môn học ngành KTĐK&TĐH được ban hành cùng với các phiên bản CTĐT, được sử dụng thống nhất mẫu chung từ năm 2019, gồm có: Thông tin về giảng viên và thông tin về học phần; Mô tả học phần; Mục tiêu học phần; Chuẩn đầu ra học phần; Đánh giá học phần; Nội dung giảng dạy; Kế hoạch giảng dạy bao gồm hình thức dạy học; Tài liệu tham khảo. Hầu hết các đề cương đều có ma trận thể hiện sự liên kết giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra, giữa các hình thức đánh giá và CĐR, giữa nội dung giảng dạy và CĐR.

Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020, CTĐT đã thực hiện hai lần rà soát và cập nhật theo kế hoạch của trường trong các năm 2017 và 2019, trong đó có rà soát, cập nhật cho tất cả các đề cương học phần (ĐCHP). Qua nghiên cứu minh chứng và phỏng vấn giảng viên,



việc rà soát mỗi ĐCHP được tiến hành từ các GV cùng giảng dạy học phần và thông qua tổ bộ môn trên cơ sở có tham khảo thực tế dạy và học. Các thay đổi, điều chỉnh đều được thông qua bằng biên bản theo quy định.

## 2. Điểm tồn tại

Đề cương môn học tuy có đầy đủ các thành phần chính nhưng qua xem xét, vẫn còn một số đề cương còn sơ sài khi thiết kế phần nội dung dạy học gắn với CDR học phần, chưa thể hiện rõ các hình thức kiểm tra, đánh giá, chưa có các rubrics đánh giá kỹ năng. Các đề cương từ sau 2017 chưa được cập nhật một cách đồng bộ và có chất lượng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trong các lần rà soát cải tiến sau, CTĐT cần tiếp tục được rà soát đồng bộ và có chất lượng các đề cương, hoàn chỉnh, cập nhật các cấu phần của đề cương theo hướng thuận lợi cho người học (bổ sung hình thức kiểm tra đánh giá và các rubrics) và đảm bảo tính khách quan khi có nhiều GV cùng giảng dạy một học phần.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

### 1. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành KTĐK&TĐH, sau khi xây dựng hoặc rà soát, điều chỉnh, bổ sung đều được công khai thông qua nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Viện KT&CN, trên trang đăng ký học của SV, có hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV, được giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học.

Các đề cương chi tiết môn học được cung cấp cho SV khi đăng ký môn học, thông qua Hệ thống quản lý học tập trực tuyến LMS của trường (Learning Management System- LMS), đặc biệt SV được giảng viên phụ trách môn học phổ biến trực tiếp ngay buổi học đầu tiên của môn học đó, bên cạnh hoạt động tư vấn của cố vấn học tập. Qua hệ thống LMS rất thuận lợi của Trường, đề cương môn học dễ dàng được tiếp cận, được thảo luận thường xuyên trong quá trình học tập.

Nhà trường đã công bố rộng rãi bản mô tả CTĐT trên website Trường, Viện, bảo đảm các bên liên quan như SV, cựu SV, GV, nhà sử dụng lao động, các tổ chức xã hội nghề nghiệp,... đều có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn được gửi cho các bên liên quan (cựu SV, GV, doanh nghiệp) trong quá trình thực hiện khảo sát đánh giá CTĐT. Bản mô tả CTĐT được phổ biến và lưu trữ ở các phòng ban, các cấp quản lý khác nhau như Phòng đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm ĐBCL, Hội đồng khoa học và đào tạo Viện KT&CN.

### 2. Điểm tồn tại

Còn có sinh viên, qua phỏng vấn, chưa nắm kỹ về cách thức tiếp cận Bản mô tả CTĐT. Một số sinh viên và doanh nghiệp chưa nắm được đề cương, nội dung của một số môn học mới cập nhật.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường, Viện, Bộ môn cần có nhiều hoạt động trao đổi nội dung CTĐT với doanh nghiệp, đặc biệt là các môn học hoặc nội dung mới được cập nhật.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Bản mô tả CTĐT ngành KTĐK&TĐH có đầy đủ các phân chính theo quy định, được cập nhật những vấn đề mới có liên quan. Tất cả đề cương môn học có đầy đủ các thông tin cần thiết, được cập nhật định kỳ theo kế hoạch của nhà trường. Bản mô tả CTĐT cũng như toàn bộ các đề cương được phổ biến rộng rãi qua nhiều hình thức và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số đề cương môn học của các khóa hiện hành còn sơ sài khi thiết kế thiếu các hoạt động dạy học ứng với các CĐR, chưa rõ các hình thức đánh giá, thiếu các rubrics. Việc cập nhật các đề cương còn chưa đồng bộ và có chất lượng.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Viện, Bộ môn cần tiếp tục cải tiến cập nhật nội dung Bản mô tả CTĐT, tiếp tục hoàn thiện các hoạt động dạy học, các hình thức đánh giá, bổ sung các rubrics trong các đề cương môn học trong các lần rà soát kế tiếp.

**III. Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.***

**1. Điểm mạnh**

CTDH ngành KTĐK&TĐH từ năm 2016 được cải tiến theo hướng tiếp cận CDIO, tiếp tục áp dụng sâu sắc hơn tiếp cận đó để xây dựng CĐR và thiết kế CTDH dựa trên CĐR. CTDH từ năm 2017 được thể hiện sâu sắc hơn việc xây dựng dựa trên chuẩn đầu ra. Các CĐR CTĐT cũng như từng môn học được xây dựng tương thích với nhau, dựa trên 4 nhóm chính phản ánh 03 lĩnh vực về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm. Nội dung, cấu trúc CTDH, trình tự giảng dạy các môn học, cách thức thực hiện CTDH cũng như phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá quá trình, đánh giá tốt nghiệp CTĐT đều thiết kế dựa trên CĐR.

Đề cương tất cả các môn học trong CTĐT 2019 đã thiết kế theo mẫu chung, bao gồm tổ hợp các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá hướng tới đạt được các CĐR của môn học. Mỗi môn học đều có nêu các phương pháp dạy và học khác nhau, phương pháp kiểm tra đánh giá gồm đánh giá quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ, đánh giá sự chuyên cần và thái độ. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện với nhiều hình thức khác nhau như bài tập và tiểu luận, kiểm tra nhanh hàng tuần, thuyết trình, báo cáo bài tập nhóm. Thi cuối kỳ có thể thực hiện bằng trắc nghiệm, thực hành trên máy, vấn đáp hoặc tự luận.

**2. Điểm tồn tại**

Mặc dù tất cả các đề cương đều có tổ hợp phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhưng một số đề cương còn có CĐR chưa thực sự dễ đo lường hoặc chưa thiết kế rõ các hình thức dạy học tương ứng. Một số đề cương liệt kê quá nhiều chủ đề chuẩn đầu ra con

hoặc có những chuẩn đầu ra con kết hợp cùng lúc các mức tư duy không đồng cấp trong thang Bloom.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

CTDH cần tiếp tục được cải tiến để tất cả các CĐR đều dễ đo lường đánh giá, kèm theo các phương pháp dạy học có tính hiệu quả cao, trình bày chi tiết hơn các hoạt động giảng dạy, kèm theo các rubrics để áp dụng trong kiểm tra đánh giá.

### 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

## ***Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.***

### 1. Điểm mạnh TC 3.2

CTDH năm 2019 đã được xây dựng dựa trên CĐR, được thiết kế theo quy trình tiếp cận CDIO, được cải tiến qua nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường. Mặc dù chỉ số cấp 3 có số lượng khá nhiều là 92, mỗi chỉ số đều thể hiện các mức độ theo thang đo Bloom qua các động từ hướng đến việc có thể đo lường đánh giá. Từ đó, CTDH đã chuyển tải các chủ đề CĐR vào các học phần thông qua việc xây dựng các CĐR học phần cũng như hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá tương thích.

Mỗi môn học được phân bổ một số CĐR con của CTĐT, có mối liên hệ với CĐR môn học thể hiện bằng ma trận các môn học và kỹ năng. Ma trận này liên kết CĐR CTĐT với các CĐR các học phần trong CTDH, được xếp theo các khối kiến thức với mong muốn mỗi môn học đóng góp vào việc đạt được CĐR.

Các môn học cũng có xác định tổ hợp các phương pháp dạy và học, các phương pháp kiểm tra-đánh giá theo các CĐR. Trong kế hoạch giảng dạy của từng học phần cũng có CĐR kèm theo bài đánh giá, tương thích với từng nội dung học phần.

### 2. Điểm tồn tại

Qua nghiên cứu các đề cương học phần, tồn tại một số vấn đề như sau. Đa số các đề cương có xây dựng đầy đủ hoạt động dạy học kèm theo từng nội dung học phần, vẫn còn có những đề cương thiếu các hoạt động này, dẫn đến việc xác định các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá không rõ, khiên cưỡng. Một số học phần có quá nhiều các CĐR hoặc có CĐR không kèm theo phương pháp kiểm tra, đánh giá; một số học phần có hình thức kiểm tra, đánh giá không phù hợp với chuẩn đầu ra đã nêu của học phần đó; có nhiều nội dung dạy học kèm theo các chuẩn đầu ra, các bài kiểm tra, đánh giá không chính xác, không rõ ràng, mang tính hình thức, khiên cưỡng; thiếu các rubrics đánh giá phù hợp với CĐR.

Qua phỏng vấn, còn có GV chưa thực sự nắm vững cách xây dựng các CĐR học phần có chất lượng để chuyển tải các CĐR CTĐT, chưa nắm vững cách thiết kế các công cụ hiệu quả như rubrics để đánh giá cho các CĐR kỹ năng. Việc xây dựng quy trình và công cụ đo lường mức độ đạt được từng CĐR của CTĐT cũng chưa được triển khai đầy đủ.

Các kết quả khảo sát GV, SV, SV mới tốt nghiệp đánh giá về việc đạt được CĐR mặc dù có thực hiện nhưng chưa hệ thống và chưa được phân tích thống kê theo các tiêu chí rõ ràng để đưa ra các kết luận cải tiến.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện, Bộ môn, GV cần tiếp tục rà soát, cải tiến để tất cả các CDR CTĐT, CDR học phần thuận lợi hơn trong đo lường đánh giá.

Cần tiếp tục tập huấn chi tiết hơn cho GV để nâng cao chất lượng đề cương môn học, nắm vững việc xây dựng các CDR môn học phù hợp với CDR CTĐT, cách thức lựa chọn tổ hợp các công cụ kiểm tra đánh giá hiệu quả đảm bảo việc đạt được CDR; có đầy đủ các rubrics cũng như các hình thức kiểm tra-đánh giá trong đề cương môn học. Trường, Viện, Bộ môn và GV cần xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá mức đạt được CDR của CTĐT, bao gồm kết quả đầu ra của nhóm các môn học liên quan đến từng CDR và việc sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát các bên liên quan để cải tiến CTDH.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa Đạt (mức 3/7)

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

1. Điểm mạnh

CTDH 2019 ngành KTĐT&TĐH gồm 151 tín chỉ được thiết kế thành các khối: kiến thức giáo dục đại cương (50 tín chỉ), kiến thức cơ sở ngành (47 tín chỉ), kiến thức chuyên ngành (54 tín chỉ), trong đó thực tập và khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ). Trong mỗi khối kiến thức có những học phần bắt buộc và tự chọn. Có 55 môn học được cấu trúc vào các khối kiến thức tạo thành thể thống nhất, liền mạch.

Tất cả các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên (các học kỳ 1,2,3). Sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (các học kỳ 3,4,5), cung cấp kiến thức nền tảng cho SV tiếp cận các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành (các học kỳ 6,7,8). Tất cả các học phần đều có nêu rõ các học phần tiên quyết, song hành, thời lượng và thời điểm/học kỳ diễn ra.

Trong chu kỳ đánh giá, CTDH được cập nhật cải tiến vào các năm 2017, 2019. Bên cạnh việc rà soát, cập nhật CTDH, các đề cương môn học cũng thường xuyên được cập nhật, tính tích hợp được thể hiện rõ hơn trong các phiên bản sau.

CTDH ngành KTĐT&TĐH được tham khảo đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước qua các lần rà soát cải tiến năm 2017 và 2019. CTDH 2019 hiện hành được đối sánh với nhiều CTĐT tương ứng trong và ngoài nước như ĐH Bách khoa Hà Nội, Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh, ĐH Quốc gia Singapore, ĐH Công nghệ Nanyang, Singapore.

2. Điểm tồn tại

CTDH chưa có các môn học giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh hoặc song ngữ để tăng khả năng ngoại ngữ và tăng tính quốc tế hóa; chưa có môn ngoại ngữ chuyên ngành. Tính tích hợp đào tạo thông qua thực tập và làm đồ án tốt nghiệp tại doanh nghiệp cũng chưa được phát triển. Qua khảo sát cựu sinh viên, sinh viên và doanh nghiệp, các bên liên quan đều có những ý kiến đề nghị cải thiện về những vấn đề nêu trên. Các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về tính hợp lý của cấu trúc, nội dung của CTDH cũng như tính linh hoạt, tích hợp chưa được phân tích sâu để sử dụng cải tiến nâng cao chất lượng.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

CTĐT cần được tăng cường các môn giảng dạy bằng ngoại ngữ hoặc song ngữ, tăng cường ngoại ngữ chuyên ngành đáp ứng nhu cầu người học. Các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về tính hợp lý của cấu trúc, nội dung của CTDH cũng như tính linh hoạt, tích hợp cần được lưu trữ có hệ thống, được phân tích sâu để sử dụng cải tiến nâng cao chất lượng, thể hiện trong Báo cáo tự đánh giá.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

CTDH ngành KTĐK&TĐH từ năm 2016 được cải tiến theo hướng tiếp cận CDIO, tiếp tục áp dụng sâu sắc hơn tiếp cận đó để xây dựng CĐR và thiết kế CTDH dựa trên CĐR. Các học phần được xây dựng theo CĐR có liên hệ với CĐR CTĐT. Cấu trúc, trình tự của các học phần được thiết kế logic, đảm bảo tính kế thừa, nâng cao từ học phần trước đến học phần sau. CTDH được thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các chuyên ngành, được định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số học phần có quá nhiều các CĐR hoặc có CĐR không kèm theo phương pháp kiểm tra, đánh giá tương thích; một số học phần có hình thức kiểm tra, đánh giá không phù hợp với chuẩn đầu ra đã nêu của học phần đó; thiếu các rubrics đánh giá phù hợp với CĐR. Các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan chưa được lưu trữ khoa học, chưa được phân tích thống kê theo các tiêu chí rõ ràng để đưa ra các kết luận cải tiến.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Viện, Bộ môn, GV cần tiếp tục rà soát, cải tiến để tất cả các CĐR CTĐT, CĐR học thuận lợi hơn trong đo lường đánh giá. Cần tiếp tục tập huấn chi tiết hơn cho GV để nâng cao chất lượng đề cương môn học, nắm vững việc xây dựng các CĐR môn học phù hợp với CĐR CTĐT, cách thức lựa chọn tổ hợp các công cụ kiểm tra đánh giá hiệu quả đảm bảo việc đạt được CĐR; có đầy đủ các rubrics cũng như các hình thức kiểm tra-đánh giá trong đề cương môn học. Trường, Viện, Bộ môn và GV cần xây dựng quy trình, tiêu chí đánh giá mức đạt được CĐR của CTĐT, bao gồm kết quả đầu ra của nhóm các môn học liên quan đến từng CĐR. Các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan CTDH cần được lưu trữ có hệ thống, được phân tích sâu để sử dụng cải tiến nâng cao chất lượng, thể hiện trong Báo cáo tự đánh giá.

**IV. Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

1. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của Trường ĐH Vinh được nêu trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh 2011-2020, được rà soát và ban hành trong Kế hoạch chiến lược phát triển 2018 – 2025, đó là “*Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công*”.

Mục tiêu giáo dục được phổ biến rộng rãi qua các cuộc họp của Trường như Hội nghị cán bộ viên chức, sinh hoạt cho tân sinh viên, các buổi hội thảo. Mục tiêu giáo dục của Trường cũng được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện như website của Trường, sổ tay sinh viên, ... Mục tiêu giáo dục của Trường được triển khai qua mục tiêu của CTĐT cũng như thể hiện trong phương pháp dạy học, trong các hoạt động dạy học, phục vụ cộng đồng và sinh hoạt đoàn thể.

Mục tiêu Trường Đại học Vinh, cùng với các nguyên tắc chủ đạo dạy và học của ngành KTĐK&TĐH được công bố rộng rãi, phổ biến đến các bên liên quan như người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên thông qua nhiều hình thức tọa đàm, hội thảo của Trường, Viện; qua các phiếu khảo sát; công bố trên Website của Trường, Viện; trong sổ tay sinh viên và các phương tiện thông tin đại chúng trong các dịp quan trọng.

## 2. Điểm tồn tại

Dù đã được công bố công khai đến các đối tượng có liên quan nhưng qua phỏng vấn, một số DN, cựu sinh viên, sinh viên chưa hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Trường. Các hoạt động phổ biến, lấy ý kiến các bên liên quan cũng chưa được làm một cách thường xuyên và hiệu quả.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng .

Nhà trường và Khoa đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan thông qua các hình thức phong phú, sáng tạo và hiệu quả hơn.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

### ***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.***

#### 1. Điểm mạnh

Môi trường học tập và giảng dạy được Viện, Bộ môn tổ chức đa dạng theo nhiều hình thức phong phú và phù hợp với nội dung và CDR của môn học như: giảng tại lớp học lý thuyết, thực hành tại phòng Lab, bài tập, đồ án môn học; tham quan và thực tập doanh nghiệp, các buổi sinh hoạt bồi dưỡng kiến thức, sinh hoạt chuyên đề hoặc giải đáp thắc mắc; các hoạt động có đại diện các doanh nghiệp kết hợp GV. Đặc biệt tất cả các môn học trong CTĐT của nhà Trường đều sử dụng Hệ thống giảng dạy trực tuyến (LMS) để nâng cao chất lượng dạy học, đặc biệt là theo dõi sát quá trình học tập của người học.

Các hoạt động dạy học được Viện và Giảng viên tổ chức chú trọng đến tính thực tiễn và đóng góp cộng đồng theo tinh thần của mục tiêu giáo dục. Đa số các môn học được tạo điều kiện để thực hành (trên máy tính) nhằm rèn luyện kỹ năng chuyên môn, tư duy giải quyết vấn đề, nâng cao khả năng thiết kế, phân tích và thực hiện các chương trình ứng dụng. Người học được rèn luyện nhiều kỹ năng: làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày báo cáo dự án, các bài tập tại lớp, bài thực hành tại phòng Lab,... cũng như tham gia chủ động, tích cực trên Hệ thống giảng dạy trực tuyến LMS. Nhiều kỳ thi, hội thảo dành cho SV được Trường/Viện tổ chức như hội thi: “*Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp*” để đánh giá sự ảnh hưởng của các hoạt động đổi mới trong dạy-học và hoàn thiện trong ý thức của sinh viên.

Mỗi học kỳ, NH được khảo sát ý kiến đánh giá lớp học phần về các hoạt động dạy và học, các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV, khả năng tiếp thu bài của NH. Ngoài ra, SV có thể phản hồi qua các kênh thông tin phản hồi khác như tiếp xúc trực tiếp với Ban lãnh đạo Viện/Bộ môn, qua các buổi sinh hoạt lớp với GV chủ nhiệm và cố vấn học tập. GV cũng

được thường xuyên trao đổi, khảo sát các ý kiến về hoạt động dạy học thông qua các cuộc họp chuyên môn ở Bộ môn, báo cáo môn học.

## 2. Điểm tồn tại

Qua phỏng vấn GV, doanh nghiệp và SV, nhiều sinh viên năm 1 chưa thật sự thích nghi với phương pháp học ở ĐH; nhiều sinh viên chưa năng động và chưa chủ động trong hoạt động thực tế tại doanh nghiệp.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Viện cần tăng cường các buổi tập huấn, hội thảo cho SV đặc biệt là SV năm 1 để nhanh chóng có phương pháp học tập phù hợp cũng như ý thức chủ động trong học tập, chuyển tải thành công mục tiêu tiếp cận CDIO.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### 1. Điểm mạnh

Tất cả đề cương môn học trong CTĐT hiện hành của ngành KTĐK&TĐH đều xây dựng các phương pháp dạy và học nhằm thúc đẩy người học rèn luyện kỹ năng thiết yếu trong học tập, năng lực nghiên cứu cũng như các kỹ năng mềm. Đa số môn học từ cơ sở ngành đến chuyên ngành đều có giờ học thực hành trên phòng Lab, kết hợp với các hình thức báo cáo, thuyết trình để đạt được các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm.

Tất cả đề cương đều nêu yêu cầu người học về việc tự học, tự nghiên cứu để rèn luyện các kỹ năng đó, hướng đến khả năng học tập suốt đời.

Trong thực tế, CTĐT triển khai hoạt động dạy-học đa dạng giúp người học nắm được các chiến lược học tập khác nhau. Trong một số môn học ở năm cuối, GV tổ chức để SV báo cáo trên lớp online, tạo tình huống cho SV giải quyết vấn đề. Tất cả các môn học, bên cạnh việc dạy và học trên phòng học hay phòng thực hành, được tổ chức trên Hệ thống học tập trực tuyến LMS, thông qua đó, NH được rèn luyện các kỹ năng mềm, năng lực tự học, nghiên cứu. CTĐT còn đề cao việc thực hành thực tế tại DN. Bên cạnh chương trình chính quy, các hoạt động ngoại khóa như các buổi sinh hoạt chuyên môn, CLB, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, các cuộc thi giúp NH có thêm những cơ hội nâng cao kỹ năng, rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

### 2. Điểm tồn tại

Qua phỏng vấn GV và SV, năng lực tự học, ngoại ngữ của sinh viên còn yếu và không đồng đều gây khó khăn trong phương pháp dạy học và hình thành năng lực học tập suốt đời. Qua phỏng vấn SV, GV và doanh nghiệp, có GV phản ánh cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ cho việc tổ chức thực hành tại phòng lab hoặc làm các dự án thực tế; các hội thảo dành cho sinh viên trao đổi về phương pháp tự học, phương pháp NCKH còn hạn chế; việc thực hành còn ít và chưa tương xứng với số tín chỉ trong CTĐT.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng .

Trường, Viện cần tăng cường các buổi tập huấn, hội thảo, sinh hoạt CLB SV, đặc biệt là SV năm 1 về phương pháp tự học, tự nghiên cứu, hình thành động lực học tập. Nhà trường và Viện cần đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất để tăng cường hơn nữa các điều kiện thực hành, nghiên cứu. Nhà trường và Viện cần có các biện pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ chuyên ngành cho SV.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4:***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Mục tiêu giáo dục được nhà trường ban hành rõ ràng, được toàn thể GV, nhân viên và người học hiểu và thực hiện; được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động giảng dạy và học tập được thực hiện đa dạng, linh hoạt, giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt CDR; nhiều hoạt động dạy và học giúp người học hướng tới hình thành kỹ năng thiết yếu, năng lực tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Hiệu quả truyền thông về mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan như sinh viên, doanh nghiệp,... còn chưa thật phong phú và hiệu quả. Sinh viên chưa chủ động trong hoạt động thực tế tại doanh nghiệp, còn hạn chế về kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ, năng lực nghiên cứu và các kỹ năng mềm khác. Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đầy đủ cho việc tổ chức thực hành tại phòng lab hoặc làm các dự án thực tế.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Nhà trường và Viện đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông về triết lý, mục tiêu giáo dục đến các bên liên quan thông qua các hình thức phong phú. Tăng cường các buổi tập huấn, sinh hoạt CLB về phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho SV. Nhà trường và Viện cần đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất để tăng cường hơn nữa các điều kiện thực hành, nghiên cứu. Nhà trường và Viện cần có các biện pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ, nhất là ngoại ngữ chuyên ngành cho SV.

**V. Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học**

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

1. Điểm mạnh

Trường ĐH Vinh có đủ các quy định về việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) người học từ khâu tuyển sinh, kiểm tra đầu vào đến quá trình học tập và tốt nghiệp. Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013), Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường ĐH Vinh (Quyết định số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014), Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017), Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ



thông tin chỉ tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017). Riêng công tác tuyển sinh được thực hiện theo đề án của từng năm. Riêng công tác tuyển sinh được thực hiện theo đề án tuyển sinh của từng năm.

Từ các văn bản trên, Nhà trường đã ban hành thêm nhiều Quy trình hoặc hướng dẫn để các đơn vị và GV triển khai thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các phương pháp công cụ kiểm tra đánh giá cũng được trình bày trong Mô tả CTDH, trong đề cương môn học. Đánh giá thực tập tốt nghiệp Khóa luận tốt nghiệp hoặc các chuyên đề tốt nghiệp đều có các văn bản triển khai cho từng khóa, phù hợp với các CDR tương ứng. Ngoài điểm tích lũy đủ các tín chỉ thì chứng chỉ ngoại ngữ, tin học là điều kiện bắt buộc trong CTĐT để người học được nhận tốt nghiệp.

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế tương đối phù hợp trong đề cương môn học để đo lường được mức độ đạt CDR.

## 2. Điểm tồn tại

Một số đề cương môn học chưa có phương pháp kiểm tra/ đánh giá hoàn toàn phù hợp để đạt được các chuẩn đầu ra về kỹ năng, chưa dùng các rubrics hiệu quả. Các hoạt động dạy học gắn liền với nội dung dạy học trong một số đề cương cũng chưa được mô tả rõ ràng, phù hợp.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

CTĐT cần tiếp tục hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá mức độ đạt được CDR và tập huấn cho GV triển khai đều khắp. Trong xây dựng đề cương, GV cần có chiến lược kiểm tra đánh giá chính xác hơn từng CDR, tổng hợp điểm đánh giá theo từng chuẩn đầu ra của học phần; GV cần hoàn thiện các rubrics đánh giá các chuẩn đầu ra kỹ năng và đưa vào đề cương học phần.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.***

### 1. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học được Nhà trường, Viện và các đơn vị thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín cũng như những quy định khác về tổ chức thi, quản lý ngân hàng đề thi, về chấm và trả kết quả thi, về phản hồi khiếu nại điểm thi,... như đã nêu trong Tiêu chí 5.1. Từ đó, việc kiểm tra, đánh giá kết quả người học được các Phòng chức năng hướng dẫn cụ thể và được GV xác định trong đề cương về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan khác. Theo Quy định 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017, điểm đánh giá HP bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ, trong đó điểm đánh giá quá trình chiếm trọng số 50% (điểm đánh giá ý thức học tập của NH 10%, điểm đánh giá hồ sơ HP 20%, điểm đánh giá giữa kỳ 20%), điểm đánh giá cuối kỳ chiếm trọng số 50%.

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm thi, đảm bảo việc quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác. Kết quả các điểm thành phần và điểm học phần đều được thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân.

Tất cả các quy định về đánh giá KQHT của người học đều được công bố công khai tới người học bằng các hình thức như phổ biến cho SV vào đầu khóa học, được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, Viện, trong Sổ tay Sinh viên. Đối với từng học phần cụ thể, việc kiểm tra đánh giá được nêu trong đề cương học phần. SV nhận được đề cương ngay sau khi đăng ký học phần hoặc qua LMS. Qua phỏng vấn, hầu hết sinh viên và cựu sinh viên nắm được các nội dung chính của đánh giá kết quả học tập bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan khác.

## 2. Điểm tồn tại

Các hình thức đánh giá kỹ năng trong các đề cương còn chưa đầy đủ và dễ hiểu cho người học tiếp thu và lập kế hoạch.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện/Khoa cần xây dựng hoàn chỉnh các rubrics đánh giá KQHT rõ ràng và đầy đủ cho tất cả các đề cương.

## 4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

## 1. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được Nhà trường thực hiện theo Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017), Quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường ĐH Vinh (Quyết định số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017). Dựa vào CĐR của mỗi học phần, GV sử dụng những phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT đa dạng bao gồm bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình...

Tất cả bài kiểm tra, bài thi đều phải thực hiện theo quy trình, hướng dẫn chặt chẽ về ra đề, đáp án, chấm, phản hồi,... Các môn thi trắc nghiệm trên máy tính được chấm bằng phần mềm trắc nghiệm. Đề thi và đáp án thi kết thúc học phần được xét duyệt bởi Trưởng bộ môn đảm bảo độ tin cậy, được đánh giá và rà soát sau mỗi kỳ thi bởi GV và bộ môn. Quy trình xây dựng đề thi của các học phần theo CTĐT tiếp cận CDIO được thực hiện theo Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 đã tăng cường đáng kể độ giá trị và độ tin cậy cho đề thi kết thúc học phần. Việc chấm khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo tiêu chí đánh giá, có các rubrics với các tiêu chí khác nhau. Hàng năm, Phòng CTCT-HSSV tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV trong đó có kiểm tra đánh giá. Qua phỏng vấn, đa số sinh viên hài lòng về tính công bằng và rõ ràng của các tiêu chí kiểm tra-đánh giá KQHT.

## 2. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa có các rubrics cần thiết để đảm bảo tốt độ tin cậy và công bằng trong đánh giá các CDR về kỹ năng và các môn thực hành, đồ án. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được Nhà trường, Bộ môn thực hiện đầy đủ, do đó việc đánh giá mức độ tin cậy còn hạn chế.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Khoa và Viện cần xây dựng kế hoạch, công cụ để phân tích, đánh giá đề thi một cách đầy đủ hơn theo các chuẩn đầu ra và theo từng câu hỏi; xây dựng, bổ sung và tăng cường việc thi trắc nghiệm từ ngân hàng đề thi đủ lớn. GV nên bổ sung, hoàn chỉnh các rubrics, tăng độ tin cậy khi đánh giá.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

#### 1. Điểm mạnh

Dựa trên Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, việc phản hồi KQHT cho người học được thực hiện chặt chẽ và kịp thời. Theo đó, điểm quá trình được GV công bố ngay khi kết thúc lên lớp trước khi gửi điểm về văn phòng Viện để nhập vào hệ thống. Đối với bài thi cuối kỳ, Quy định nêu rõ việc chấm và nhập điểm vào hệ thống không quá 09 ngày và thông báo cho SV không quá 20 ngày sau khi thi.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV thông qua các văn bản quy định và được nhắc nhở từ các Phòng chức năng trong quá trình đào tạo. Đối với SV, các quy định về phản hồi kết quả học tập được công khai đầu năm học thông qua cố vấn học tập, qua hệ thống website của TT Đảm bảo chất lượng và của Viện, được GV thông báo đầu môn học.

Qua việc nghiên cứu hồ sơ và phỏng vấn, người học đã được phản hồi KQHT kịp thời. Điểm quá trình và cuối kỳ được công bố kịp thời cho SV đã giúp sinh viên sử dụng để cải thiện việc học tập.

#### 2. Điểm tồn tại

Việc thông báo điểm quá trình và điểm cuối kỳ thông qua tài khoản cá nhân còn bị tình trạng nghẽn mạng vào giờ cao điểm. Một số SV phản ánh vẫn còn tình trạng GV công bố KQHT cá nhân trong cùng một danh sách chung cho cả lớp. Việc khảo sát SV về mức độ hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá chưa được thống kê và phân tích một cách hệ thống để kịp thời cải thiện lĩnh vực này.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường, Viện cần có những biện pháp nâng cấp đường truyền và hoàn chỉnh hệ thống số để người học thuận lợi hơn trong việc tiếp nhận KQHT, kịp thời cải thiện việc học tập. Cần triển khai việc phân tích có hệ thống kết quả phản hồi của sinh viên, sinh viên tốt nghiệp về công tác kiểm tra, đánh giá và phản hồi KQHT.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Chưa Đạt (mức 4/7)

**TC 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.**

1. Điểm mạnh

Việc kiểm tra, điều chỉnh KQHT của người học được nêu ở Điều 17: Kiểm tra, điều chỉnh kết quả điểm đánh giá học phần trong Quyết định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần. Việc khiếu nại điểm thi được thực hiện theo Quyết định QĐ 706/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2016 ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại Trường Đại học Vinh. Theo các quy định này, việc điều chỉnh, khiếu nại KQHT của người học được quy định như sau. Đối với điểm quá trình, người học có thể nộp đơn cho Bộ phận một cửa không quá 15 ngày sau khi nhận điểm trên trang cá nhân. Bộ phận một cửa sẽ chuyển cho Khoa/Viện quản lý CTĐT, Khoa/Viện xử lý và chuyển về Trung tâm ĐBCL trong vòng 5 ngày. Đối với kết quả thi cuối kỳ, SV có thể gửi đơn cho Bộ phận một cửa trong vòng 10 ngày sau khi có kết quả thi. Bộ phận một cửa gửi hồ sơ cho Trung tâm ĐBCL giải quyết và công bố kết quả trong vòng không quá 30 ngày sau khi có đơn của SV. Người học có thể dễ dàng tiếp cận các quy định, quy trình về điều chỉnh, khiếu nại KQHT thông qua website Trường, trên cổng thông tin SV, trong Sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân, thông qua các buổi sinh hoạt lớp,...

Kết quả kiểm tra giải quyết điều chỉnh kết quả thi của SV từ 2015 đến 2020 được Trung tâm ĐBCL thực hiện, tổng hợp đầy đủ và lưu trữ theo quy định theo từng học kỳ, từng năm học. Qua tiếp cận hồ sơ của Trung tâm ĐBCL và phỏng vấn sinh viên, việc khiếu nại về kết quả học tập của ngành HTTTQL giai đoạn 2015-2020 hầu như không có và tất cả sinh viên được phỏng vấn đều hài lòng về hoạt động này của Trường và Viện. Sinh viên sử dụng các phản hồi về KQHT để cải thiện việc học tập.

2. Điểm tồn tại

Việc quy định 30 ngày để TT ĐBCL phản hồi kết quả khiếu nại điểm cuối kỳ cho sinh viên là tương đối lâu. Việc chăm phúc khảo chỉ được thực hiện qua công tác thanh tra cũng chưa thực sự thuận lợi cho sinh viên. Viện và Bộ môn chưa tiến hành thống kê, phân tích số liệu về điều chỉnh kết quả điểm thi (đánh giá quá trình và cuối kỳ) hàng năm để đề ra các biện pháp cải tiến quá trình kiểm tra, đánh giá, phản hồi kết quả học tập.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường cần điều chỉnh thời gian trả lời khiếu nại điểm thi cuối kỳ của sinh viên và cho phép việc chăm phúc khảo cho sinh viên theo một quy trình thuận lợi hơn cho SV. Viện, Bộ môn cần có quy trình/bộ phận theo dõi, xem xét, phân tích xử lý thông tin điều chỉnh, khiếu nại điểm thi của SV và sử dụng để cải tiến chất lượng kiểm tra đánh giá trong đào tạo.

4. Những điểm chưa rõ (nếu có): Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5:**

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về công tác kiểm tra đánh giá hướng tới đạt CDR đào tạo. Có đầy đủ các tài liệu/hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương

pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan. Các quy định, hướng dẫn được phổ biến rộng rãi và người học dễ dàng tiếp cận. Công tác thi được tổ chức nghiêm túc, quản lý chặt chẽ, bảo đảm khách quan công bằng. Việc phản hồi và khiếu nại kết quả học tập được quy định và được phổ biến công khai đến tất cả cán bộ GV và SV biết để thực hiện, được giải quyết đúng quy định và phản hồi kịp thời cho người học.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Một số đề cương môn học chưa có phương pháp kiểm tra/ đánh giá thật sự phù hợp để đạt được các chuẩn đầu ra. Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi, kết quả thi chưa được Bộ môn thực hiện đầy đủ, do đó việc đánh giá mức độ tin cậy còn hạn chế. Việc khảo sát SV về mức độ hài lòng với công tác kiểm tra đánh giá chưa được thống kê và phân tích một cách hệ thống để kịp thời cải thiện lĩnh vực này. Thời gian phản hồi kết quả khiếu nại điểm thi và chấm phúc khảo còn chưa thực sự thuận lợi cho sinh viên.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Viện, Bộ môn cần tiếp tục hoàn thiện các công cụ kiểm tra đánh giá mức độ đạt được CĐR và tập huấn cho GV nâng cao chất lượng xây dựng đề cương. Viện và Bộ môn cần xây dựng kế hoạch phân tích, đánh giá đề thi một cách đầy đủ theo các chuẩn đầu ra và theo từng câu hỏi; xây dựng/bổ sung và tăng cường việc thi trắc nghiệm từ ngân hàng đề thi đủ lớn. Nhà trường, Viện cần cải tiến thời gian phản hồi khiếu nại về điểm thi cuối kỳ cũng như quy trình phúc khảo theo hướng thuận lợi hơn cho sinh viên.

## **VI. Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

### **1. Điểm mạnh**

Trên cơ sở sứ mệnh, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030. Viện KT&CN đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành KTĐK&TĐH. Việc quy hoạch đội ngũ GV được Viện thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hằng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn. Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của các khoa/Viện, Nhà trường đã ban hành kế hoạch đào tạo giảng viên giai đoạn 2016-2020 (QĐ số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức chủ yếu được lấy từ nguồn tài chính của Trường (NSNN cấp). Kết quả và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức được Nhà trường tổng kết và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (CV số 97/ĐHV-TCCB ngày 30/01/2018).

Hằng năm, thông qua các văn bản hướng dẫn của Nhà trường về việc xây dựng Kế hoạch năm học, Viện KT&CN xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ và có báo cáo tổng kết hằng năm về công tác này. Giai đoạn 2015-2020, đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành KTĐK&TĐH có sự gia tăng về trình độ chuyên môn (2015-2016: **03** PGS, **02** TS, 13 ThS; năm 2016-2017: **04** PGS, **06** TS, 19 ThS; năm 2017-2018: **02** PGS, **08** TS, 22 ThS; năm 2018-2019: **03** PGS, **07** TS, 20 ThS; năm 2019-2020: **03** PGS, **12** TS, 18 ThS). Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên tham gia giảng dạy ngành KTĐK&TĐH trong giai đoạn 2015-2020 tăng từ 23,8% (2015-2016) đến 44,1% (2019-2020). Độ tuổi trung bình của đội ngũ GV tương đối trẻ và khá cân bằng (dưới 30

chiếm 6,82%; từ 30 - 40 chiếm 54,55%; từ 41 - 50 chiếm 31,82%; từ 51 - 60 chiếm 4,55%; trên 60 chiếm 2,27%). Cơ cấu nhân sự của Ngành bảo đảm tỉ lệ NH/GV theo quy định.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2015-2020, đội ngũ GV ngành KTĐK&TĐH còn có GV chưa nâng cao trình độ chuyên môn trong nhiều năm, mặc dù được bố trí làm trợ giảng.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường/Viện cần hoàn thiện đề án bồi dưỡng năng lực GV, có kế hoạch phát triển đội ngũ GV phù hợp, bảo đảm tất cả giảng viên được nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu theo quy định.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

## 1. Điểm mạnh

Tỉ lệ SV/GV của ngành KTĐK&TĐH được bảo đảm đúng quy định của Bộ GD&ĐT, với tỉ lệ SV/GV (hệ chính quy, không có hệ VLVH) tương đối thấp và không vượt quá 20 SV/GV: năm học 2015-2016: **14,1**; 2016-2017: **7,9**; 2017-2018: **6,9**; 2018-2019: **6,6** và 2019-2020: **4,7**.

Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) trong đó có quy định *định mức giờ chuẩn giảng dạy* theo hệ số lương (HSL): 270 giờ đối với tất cả các HSL, *định mức giờ NCKH* được xác định theo từng mức lương cụ thể: từ 165 đến 315 giờ tương ứng với các HSL từ  $\geq 2,34$  đến  $\geq 6,20$ ; *định mức giờ dành cho các hoạt động chuyên môn khác* (báo cáo viên hội nghị, hội thảo khoa học, biên soạn bài giảng, cập nhật tài liệu mới, rà soát, xây dựng CTĐT, hoạt động đoàn thể, họp, học tập nâng cao trình độ...) tương ứng theo HSL:  $\geq 4,40$  đến  $\geq 6,20$ : 120 giờ, HSL  $\geq 4,32$ : 100 giờ, HSL  $\geq 3,33$ : 90 giờ, HSL từ  $\geq 2,34$ : 70 giờ.

Căn cứ Bản mô tả vị trí việc làm của GV, sự phân công cụ thể của BCN Viện hằng năm, cùng với Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường, khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao trong công tác ĐT, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được quản trị, giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống phần mềm của Nhà trường, có sự liên thông nhất quán giữa các đơn vị, đảm bảo minh bạch, công bằng đối với tất cả GV.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, khối lượng giờ giảng và NCKH của GV ngành KTĐK&TĐH được thống kê đầy đủ để tính thù lao và thanh toán tiền giờ vượt định mức, làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét thi đua khen thưởng. Giai đoạn 2015-2020, hầu hết GV ngành KTĐK&TĐH hoàn thành đủ/vượt định mức giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn khác. Kết quả thực hiện khối lượng công việc của GV ngành KTĐK&TĐH được tổng hợp trong Báo cáo tổng kết hằng năm để giám sát và đối sánh.

## 2. Điểm tồn tại

Bên cạnh việc định mức khối lượng giờ giảng dạy, NCKH của GV, Nhà trường cũng xác định các hoạt động có chuyên môn khác đối với GV thông qua phần mềm, tuy nhiên Nhà trường chưa có văn bản quy định rõ ràng, cụ thể các loại hình cũng như định mức đối với từng hoạt động chuyên môn khác, đặc biệt là cụ thể hóa các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình cũng như xác định định mức cụ thể đối với từng hoạt động chuyên môn khác, trong đó có các nội dung về hoạt động phục vụ cộng đồng của GV để đo lường, đánh giá và giám sát hoạt động này hiệu quả hơn.

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều động được xác định và phổ biến công khai.***

#### 1. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn để bổ nhiệm, điều động đội ngũ GV được Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản: Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1386/2015, QĐ số 1016/2018), Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh (QĐ số 1128/2016), Quy định tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức (QĐ số 1185/2018). Quy trình tuyển dụng của Nhà trường được tổ chức chặt chẽ, có thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn đối với cán bộ giảng dạy. Căn cứ KHCL giai đoạn 2015-2020 và các văn bản liên quan, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ GV giai đoạn 2016 – 2020 (Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) trên cơ sở đề xuất của các Khoa/Viện trong đó có ngành KTĐK&TĐH. Khoa/Viện tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư..) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định, trong đó, nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động viên chức quản lý trong Khoa/Viện được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Việc bổ nhiệm Lãnh đạo Khoa/Viện dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của cán bộ và dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Khoa/Viện và Trường.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều chuyển cũng như các chính sách về nhân sự khác được Trường phổ biến và thông báo công khai bằng văn bản giấy và trên Trang thông tin điện tử của Phòng Tổ chức cán bộ.

#### 2. Điểm tồn tại

Các thông báo, tiêu chí, quy trình tuyển dụng chưa được phổ biến rộng rãi, công khai trên website của Trường Đại học Vinh, của các đơn vị Khoa/Viện một cách thường xuyên hằng năm nhằm thu hút nhiều hơn số lượng ứng viên tham gia dự tuyển. Tại thời điểm đánh giá ngoài các thông tin liên quan đến tuyển dụng nhân sự trên website của Trường Đại học Vinh, Phòng Tổ chức cán bộ còn bị lỗi kết nối, không truy cập được thông tin.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Bên cạnh việc công khai các thông báo, tiêu chí, quy trình, kết quả tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động... và các chính sách nhân sự bằng văn bản đến các đơn vị, Nhà trường cần công khai các thông tin này trên website của Trường, Phòng Tổ chức cán bộ, Viện KT&CN (nên có mục tuyển dụng riêng) đồng thời bảo đảm tính kết nối, cập nhật thông tin từ các trang web một cách thường xuyên. Viện nên phối hợp với Nhà trường công khai các thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn qua nhiều kênh khác nhau như cựu SV, nhà sử dụng lao động để thu hút số lượng ứng viên dự tuyển đáp ứng yêu cầu.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức /7).

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

1. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định trong hệ thống các văn bản của Nhà trường: Quy chế về công tác cán bộ (QĐ số 1128/2016), Quy định tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức (QĐ số 1185/2018), Quy định về đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức (QĐ số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017), Quy chế chi tiêu nội bộ (QĐ số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016), Quy định về thi đua, khen thưởng và các văn bản liên quan khác. Khối lượng công việc của GV được Nhà trường quản trị và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống phần mềm, có sự liên thông, nhất quán giữa các đơn vị, đảm bảo sự minh bạch, công bằng đối với tất cả GV. Giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV bộ môn KT&TK&TĐH tích cực tham gia bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết để hỗ trợ cho việc giảng dạy đạt được CDR của CTĐT đã công bố. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và các số liệu thống kê cho thấy, hầu hết đội ngũ GV ngành KT&TK&TĐH hằng năm đạt/vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn. Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, giai đoạn 2016-2020, đội ngũ GV ngành KT&TK&TĐH đã thực hiện được các sản phẩm KHCN: 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường; xuất bản 02 giáo trình, 01 sách tham khảo; 10 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, 02 bài đăng trên tạp chí/tập san của Trường; có 02 báo cáo tại các hội nghị quốc tế, 06 báo cáo tại các hội nghị trong nước; tổ chức 17 seminar chuyên môn; có 03 giải thưởng NCKH SV.

Việc đánh giá, xếp loại GV được Nhà trường triển khai thực hiện hằng tháng, hằng năm làm cơ sở cho việc chi trả thu nhập tăng thêm và thi đua khen thưởng. Cuối mỗi học kỳ hoặc khi kết thúc năm học GV tự nhận xét, chấm điểm theo hướng dẫn của Trường (Quy định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017 về đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức và các văn bản hướng dẫn khác), được đồng nghiệp trong Tổ bộ môn/Khoa/Viện nhận xét, bình bầu, đánh giá theo các tiêu chí thi đua cá nhân. Kết quả nghiên cứu hồ sơ cho thấy, hầu hết GV ngành KT&TK&TĐH được đánh giá, xếp loại thi đua Lao động tiên tiến hằng năm. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV vào cuối mỗi HK và năm học được Nhà trường xem xét trong công tác thi đua, khen thưởng. Kết quả khảo sát của Trường và của Đoàn ĐGN (phỏng vấn) đối với các đối tượng SV và Cựu SV cho thấy người học hài lòng với đội ngũ GV ngành KT&TK&TĐH.

2. Điểm tồn tại



Giai đoạn 2016-2020, ngành KTĐK&TĐH chưa có các sản phẩm phục vụ cộng đồng trong công tác đào tạo, nghiên cứu chuyển giao công nghệ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường và của Viện.

GV ngành KTĐK&TĐH chưa thực sự chú trọng việc thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp, giai đoạn 2015-2020, ngành chưa thực hiện được các đề tài cấp Nhà nước, cấp tỉnh, số lượng đề tài cấp bộ, cấp trường còn ít. Việc xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình, tham khảo, hướng dẫn.. cũng còn hạn chế. Năng lực ngoại ngữ cũng như hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước của đội ngũ GV ngành KTĐK&TĐH còn hạn chế, trong 5 năm ngành chưa có bài báo được công bố quốc tế (ISI, Scopus), các bài báo được công bố trong nước cũng không nhiều, hoạt động hướng dẫn SV NCKH cũng chưa có nhiều giải thưởng.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện/Ngành cần đẩy mạnh các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng trong công tác đào tạo, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương, khu vực và cả nước, nhằm thực hiện được sứ mạng, tầm nhìn của Trường/Viện đã đề ra.

Trường/Viện/Ngành cần có cơ chế khuyến khích, thúc đẩy GV hơn nữa trong công tác NCKH. Bên cạnh đó, chú trọng thực hiện các biện pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV; có cơ chế khen thưởng thích đáng cho GV có thành tích trong hoạt động KHCN cũng như có bài báo công bố quốc tế (ISI, Scopus, ...)

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.***

#### 1. Điểm mạnh

Nhà trường có triển khai khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV từ các Khoa, Viện, từ đó xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng hàng trăm lượt cho đội ngũ GV (Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020, Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2019-2023, Số 1374/ĐHV-TCCB ngày 30/11/2018; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hàng năm).

Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được Trường/Khoa/Viện xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, trong đó có xác định nội dung đào tạo, bồi dưỡng, đối tượng, số lượng, thời gian học.... Về đào tạo GV: đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, lý luận chính trị cao cấp, trung cấp. Về bồi dưỡng GV (BD): BD nâng cao trình độ Tiếng Anh (B2 và tương đương), BD kiến thức Quốc phòng-An ninh (dành cho đối tượng 3, 4), BD kiến thức quản lý hành chính nhà nước (GV I, II, III & CBQL), BD nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí công việc (BD chức danh nghề nghiệp cho GV hạng I, II, III, BD và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, tập huấn, hội thảo, hội nghị trong và ngoài nước), bồi dưỡng tin học (cho toàn thể GV). Trong những năm qua, nhiều văn bản liên quan đến quy định và trách nhiệm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của GV đã được Nhà trường

ban hành, đặc biệt là năng lực thực thi Chương trình giáo dục đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 747/QĐ-ĐHV Ngày 27/4/2017).

Giai đoạn 2015-2020, ngành KTĐK&TĐH có tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ trở lên tăng từ 23,8% (2015-2016) đến 44,1% (2019-2020). Hầu hết GV tham gia giảng dạy ngành KTĐK&TĐH đã tích cực học tập, bồi dưỡng theo kế hoạch của Nhà trường như: bồi dưỡng CDNN giảng viên chính (18 người), lý luận chính trị cao cấp (01 người), lý luận chính trị trung cấp (08 người), quản lý nhà nước (01 người), nghiệp vụ sư phạm (30 người), Tiếng Anh B2 (04 người), CNTT (02 người), quốc phòng an ninh (08 người),... Kinh phí Trường đã chi hỗ trợ cho GV ngành KTĐK&TĐH đi học tập, nâng cao trình độ trong giai đoạn 2017-2020 tăng hằng năm: năm 2017: 46.350.000 đ, 2018: 56.290.000 đ, 2019: 88.050.000đ, 2020: 114.560.000đ.

Bên cạnh đó, quá trình triển khai kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn cho đội ngũ GV cũng được Trường/Viện thống kê, giám sát hằng năm thông qua các báo cáo tổng kết năm học. Trường có chính sách khen thưởng dành cho các GV có thành tích trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn: thi đạt chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, được công nhận học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư,...(Phụ lục 8 quy chế chi tiêu nội bộ kèm theo quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016).

## 2. Điểm tồn tại

Mặc dù Trường đã có các chính sách cũng như mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV, nhưng năng lực ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đạt được yêu cầu do hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy chưa phù hợp với từng đối tượng GV, một số GV chưa có động lực để nâng cao trình độ ngoại ngữ.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp hơn theo từng đối tượng GV. Đồng thời, Viện/Ngành cũng cần có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy GV nâng cao trình độ ngoại ngữ để phục vụ tốt hơn yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu và PVCĐ.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5/7).

**Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### 1. Điểm mạnh

Nhà trường có qui trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn (báo cáo viên hội nghị, hội thảo khoa học, biên soạn bài giảng, cập nhật tài liệu mới, rà soát, xây dựng CTĐT, hoạt động đoàn thể, họp, học tập nâng cao trình độ...). Quá trình xây dựng các tiêu chí, qui trình đánh giá hiệu quả công việc được lấy ý kiến của các GV trong Nhà trường. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn của GV được xác định cụ thể tại Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Vinh. Các loại hình, kết quả NCKH, việc đánh giá và khen thưởng được xác định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, GV. Bên cạnh đó, kết quả giảng dạy và NCKH của các GV được kê khai và quản lý online trên phần mềm, có yêu cầu minh chứng kèm theo đối với các sản phẩm NCKH (như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học...). Hàng năm, Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, trong đó có kê khai các hoạt động của GV, đánh giá GV và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của GV được thực hiện công khai từ cấp cơ sở. Trong những năm qua, Khoa/Ngành KTĐK&TĐH luôn có kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cụ thể hàng năm của đội ngũ GV từ cấp bộ môn.

Trường có các quy định về đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật làm cơ sở cho việc bình xét các hình thức thi đua, khen thưởng khác nhau. GV có nhiều bài báo công bố quốc tế được đặc cách tăng lương hoặc xét thi đua, khen thưởng. Đối với các công trình khoa học đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành có chỉ số trích dẫn cao, Trường có các mức thưởng từ 3.000.000 đ đến 10.000.000 đ/công trình (Quy chế chi tiêu nội bộ trường ĐH Vinh ban hành theo quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016). Năm 2020, Trường cũng đã ban hành quy định về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm KH&CN chất lượng cao (QĐ số 40/QĐ-ĐHV ngày 10/01/2020). Mặt khác, những trường hợp không hoàn thành định mức giảng dạy và NCKH được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ và không được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm. Các chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học của GV của Viện/Ngành.

Kết quả đánh giá viên chức hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 cho thấy, hầu hết GV ngành KTĐK&TĐH được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và đạt danh hiệu thi đua “Lao động tiên tiến”. Nhìn chung, đội ngũ GV hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của giảng viên của Trường và các cấp có thẩm quyền.

## 2. Điểm tồn tại

Việc đánh giá hoạt động phục vụ cộng đồng của GV (trong đào tạo, nghiên cứu chuyên giao công nghệ, tình nguyện,...) chưa được chú trọng đúng mức.

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa có bước giám sát các hoạt động cải tiến chất lượng giảng dạy của GV sau đánh giá.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần chú trọng xây dựng các tiêu chí, chỉ báo đánh giá, khen thưởng, công nhận các kết quả hoạt động đóng góp phục vụ cộng đồng (thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu chuyên giao công nghệ, tình nguyện, nhân đạo) của đội ngũ GV để tạo động lực và hỗ trợ GV trong việc thực hiện nhiệm vụ PVCĐ.

Nhà trường cần ban hành Quy định (chính thức) về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường (cũng như khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên), với quy trình khảo sát bao gồm đầy đủ các bước Lập kế hoạch, thực hiện, báo cáo tổng kết, cải tiến chất lượng sau đánh giá (PDCA).

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

## 1. Điểm mạnh

Trường có qui định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động KHCN GV phải đảm nhận tùy theo chức danh và vị trí công tác. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KHCN các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức các seminar chuyên môn, tham dự hội đồng tư vấn khoa học công nghệ. Nhà trường có qui định giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN này (QĐ số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016). GV các ngành được tham gia góp ý xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc, các quy định về quản lý hoạt động NCKH của CB, GV, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả NCKH.

Nhà trường và Khoa/Viện có hệ thống giám sát, đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động KHCN của đội ngũ GV ở các Khoa/Viện. Khối lượng các hoạt động NCKH của GV được quản lý trên phần mềm của Trường. Kết quả hoạt động hướng dẫn SV NCKH được đánh giá thông qua hội nghị SV NCKH các cấp (Khoa/Viện, Trường và Bộ). Các seminar khoa học được thông báo qua website của Trường và có biên bản ở bộ môn. Hằng năm, các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát, đánh giá chất lượng bởi Hội đồng KH&ĐT của Khoa/Viện/Trường. Số giờ NCKH theo quy định của Nhà trường được tính theo hệ số lượng (HSL) của GV: HSL  $\geq 6.2$  là 315 giờ, HSL  $\geq 5.76$  là 260 giờ, HSL  $\geq 4.40$  là 220 giờ, HSL  $\geq 4.32$  là 200 giờ, HSL  $\geq 3.33$  là 175 giờ, HSL  $\geq 2.34$  là 165 giờ. Hằng năm, Khoa/Viện tiến hành tổng kết, đánh giá, đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của đội ngũ GV trong toàn Khoa/Viện. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, giai đoạn 2016-2020, phần lớn GV ngành KTĐK&TĐH hoàn thành hoặc vượt mức giờ chuẩn NCKH với các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu: 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường; xuất bản 02 giáo trình, 01 sách tham khảo; 10 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, 02 bài đăng trên tạp chí/tập san của Trường; có 02 báo cáo tại các hội nghị quốc tế, 06 báo cáo tại các hội nghị trong nước; tổ chức 17 seminar chuyên môn; có 03 giải thưởng NCKH SV. Các sản phẩm NCKH và thành tích nghiên cứu của GV được cập nhật, bổ sung vào Lý lịch khoa học/Hồ sơ năng lực của GV trên hệ thống phần mềm giúp GV có thể nắm bắt và đối sánh các loại hình NCKH của GV qua nhiều năm.

## 2. Điểm tồn tại

Giai đoạn 2016-2020, GV ngành KTĐK&TĐH chưa có các hoạt động chuyển giao công nghệ cũng như nguồn thu từ hoạt động này, chưa có các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Viện cần có biện pháp cụ thể hỗ trợ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động chuyển giao công nghệ giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương, khu vực Bắc Trung bộ và cả nước nhằm thực hiện tốt hơn sứ mạng, tầm nhìn của Trường/Viện trong đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng trong thời gian tới.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

### ***Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6***

#### **- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Giai đoạn 2016-2020, Trường/Khoa/Viện đã có kế hoạch/quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình KTĐK&TĐH cơ bản đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH và PVCĐ. Khoa/Viện tuân thủ đúng các quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Phó giáo sư) cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng/Phó Bộ môn do Nhà trường quy định. Đội ngũ GV tham gia giảng dạy ngành KTĐK&TĐH, cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn về bằng cấp chuyên môn, tích cực tham gia bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết. Nhà trường có quy định cụ thể về nhiệm vụ cũng như khối lượng công việc của GV trong giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Đồng thời, định mức công việc của GV được Nhà trường quản trị và giám sát chặt chẽ thông qua hệ thống phần mềm có sự liên thông giữa các đơn vị, bảo đảm tính minh bạch, công bằng đối với tất cả GV.

#### **- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:**

Nhà trường chưa có văn bản quy định rõ ràng, cụ thể các loại hình cũng như định mức đối với từng hoạt động chuyên môn khác. Nhà trường chưa có văn bản quy định cụ thể các hoạt động phục vụ cộng đồng (trong đào tạo, CGCN, tình nguyện...) do đó việc đánh giá và phát triển năng lực đóng góp cho cộng đồng của GV chưa được đầy đủ và phát huy hiệu quả. Năng lực ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đạt mục tiêu đề ra do hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy chưa mang lại hiệu quả cao, một số GV chưa có động lực để nâng cao trình độ ngoại ngữ. Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên qua ý kiến phản hồi của các bên liên quan chưa có bước giám sát các hoạt động cải tiến chất lượng giảng dạy của GV sau đánh giá. Giai đoạn 2016-2020, GV ngành KTĐK&TĐH chưa có các đề tài cấp Nhà nước, cấp tỉnh; các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường cũng còn ít, việc xuất bản sách, giáo trình chưa nhiều, chưa có các hoạt động chuyển giao công nghệ cũng như nguồn thu từ hoạt động này, chưa có các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế.

#### **- Kiến nghị đối với CTĐT:**

Nhà trường/Viện cần có chiến lược/kế hoạch cụ thể hơn nữa trong công tác phát triển đội ngũ GV của các bộ môn. Nhà trường cần ban hành văn bản quy định cụ thể về các loại hình, định mức cụ thể đối với từng hoạt động chuyên môn khác để đo lường, đánh giá và giám sát hoạt động này hiệu quả hơn; cần ban hành văn bản quy định cụ thể các hoạt động PVCĐ (trong đào tạo, bồi dưỡng, CGCN, các hoạt động tình nguyện, nhân đạo...) để giám sát, đánh giá và phát triển năng lực đóng góp cho cộng đồng của đội ngũ GV đầy đủ và hiệu quả hơn; cần tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ phù hợp hơn theo từng đối tượng GV, có chính sách hỗ trợ, thúc đẩy GV học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ hiệu quả. Nhà trường cần ban hành Quy định (chính thức) về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường với quy trình khảo sát bao gồm đầy đủ các bước: Lập kế hoạch, thực hiện, báo cáo tổng kết, cải tiến chất lượng sau đánh giá (PDCA). Viện cần có biện pháp cụ thể hỗ trợ, thúc đẩy mạnh mẽ hơn hoạt động NCKH của đội ngũ GV với nhiều loại hình nghiên cứu đa dạng, chú trọng thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp, các nghiên cứu ứng dụng, hoạt động CGCN giúp giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương, khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

## VII. Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.**

### 1. Điểm mạnh

Theo Đề án tái cấu trúc Trường ĐHV (số 04/ĐA-ĐHV ngày 31/3/2017), đội ngũ viên chức hỗ trợ (trợ lý hành chính) được dự báo, xác định nhu cầu trong cơ cấu tổ chức của Khoa/Viện bao gồm: Trợ lý đào tạo, Trợ lý Quản lý SV, văn phòng khoa (bố trí theo quy mô của Khoa/Viện), các CVHT (phân bổ theo số lượng SV) để đảm bảo các hoạt động. Đề án vị trí việc làm của Trường (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018) có xác định cụ thể số lượng người làm việc, tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ của từng vị trí việc làm trong đó có vị trí chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên hỗ trợ ở các đơn vị hành chính, các đơn vị đào tạo. Hằng năm, Nhà trường có các văn bản hướng dẫn tổng kết năm học, qua đó nhu cầu về phát triển đội ngũ nhân viên cũng được các đơn vị đề xuất với Nhà trường thông qua kế hoạch năm học, các tờ trình tuyển dụng.

Trường có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên xác định trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (QĐ số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016), Quy định tuyển dụng, sử dụng cán bộ, viên chức (QĐ số 1185/2018), Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016) và một số các văn bản khác.

**Đề án vị trí việc làm của Trường (Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018) có xác định cụ thể số lượng người làm việc, tiêu chuẩn, yêu cầu trình độ của từng vị trí việc làm trong đó có vị trí chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên hỗ trợ ở các đơn vị hành chính, các đơn vị đào tạo. Hằng năm, Nhà trường có các văn bản hướng dẫn tổng kết năm học, qua đó nhu cầu về phát triển đội ngũ nhân viên cũng được các đơn vị đề xuất với Nhà trường thông qua kế hoạch năm học, các tờ trình tuyển dụng.**

Chương trình đào tạo ngành KTĐK&TĐH được hỗ trợ bởi đội ngũ chuyên viên, nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm (đơn vị hành chính) như: Phòng Công tác chính trị và học sinh SV, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị và Đầu tư, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm hỗ trợ SV và QHDN, .... Nhà trường cũng đã có văn bản phân công viên chức ở các đơn vị phòng ban chức năng phụ trách và hỗ trợ các đơn vị đào tạo (QĐ số 1279/QĐ ngày 28/12/2018). Đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên các đơn vị hành chính (phòng ban và các trung tâm) hỗ trợ cho Viện CN&KT phần lớn có trình độ đại học/thạc sĩ, được tuyển chọn đáp ứng các tiêu chí của Trường, cơ bản bảo đảm về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhiệm vụ ĐT, NCKH và PVCĐ. Phần lớn đội ngũ này hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ở cấp Khoa/Viện, bên cạnh các trợ lý hành chính ngành KTĐK&TĐH gồm có: 01 Trợ lý đào tạo (GV kiêm nhiệm) có trình độ tiến sĩ, 01 Trợ lý QLSV, 01 phụ trách văn phòng có trình độ thạc sĩ, ngành KTĐK&TĐH còn có 07 kỹ thuật viên (KTV) làm việc tại các phòng thí nghiệm thuộc Trung Tâm Thực hành - Thí nghiệm phục vụ trực tiếp cho công tác thực hành của SV ngành KTĐK&TĐH. Tất cả các KTV đều có trình độ chuyên môn từ cử nhân trở lên thuộc lĩnh vực KTĐK&TĐH. Ngành còn có 01 cố vấn học tập (GV kiêm nhiệm) có trình độ

tiên sĩ. Nhìn chung, đội ngũ hỗ trợ cho ngành KTĐK&TĐH ở cấp Khoa/Viện có tinh thần trách nhiệm cao, thái độ phục vụ tốt, hằng năm được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ. Qua Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học định kỳ hằng năm của Trường cho thấy đa số người học hài lòng với sự phục vụ, hỗ trợ của đội ngũ nhân viên các đơn vị, bộ phận trong Trường và của Khoa/Viện/Ngành KTĐK&TĐH. Kết quả phỏng vấn của Đoàn đánh giá ngoài cũng cho thấy phần lớn người học hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên của Trường, Viện/Ngành KTĐK&TĐH.

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường không có các tiêu chí, công cụ đánh giá chất lượng công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo của các GV kiêm nhiệm ở các vị trí Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV, Cố vấn học tập.

Nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên Thư viện (trẻ, có năng lực về CNTT) chưa được Nhà trường đáp ứng kịp thời nhằm thực hiện có hiệu quả các yêu cầu phát triển, quản lý hệ thống học liệu số của Thư viện Trường.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Trường, Khoa, Viện cần chú trọng hơn vai trò của cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV trong công tác hỗ trợ SV sát sao hơn về nhiều mặt, có sự phân nhiệm rõ ràng, hợp lý và có các chính sách hỗ trợ/đãi ngộ cho đội ngũ này tốt hơn để bảo đảm chất lượng hỗ trợ SV. Đồng thời, Trường cần có các tiêu chí, công cụ đánh giá chất lượng công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo của các GV kiêm nhiệm ở các vị trí này.

Trường cần quan tâm hơn nữa đến nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT tại Thư viện để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Nhà trường.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### 1. Điểm mạnh

Trường có Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHV (Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016). Quy chế này quy định công tác tuyển dụng, sử dụng, nâng lương, đào tạo, bồi dưỡng, chuyển đổi công tác; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý và kéo dài thời gian làm việc đối với cán bộ, viên chức và người lao động. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường nói chung và của ngành KTĐK&TĐH nói riêng được xác định rõ ràng, ngoài các tiêu chí như có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt, ... chuyên viên cần có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học đáp ứng theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị trong Trường trước khi ban hành và phổ biến, công khai bằng nhiều hình thức như thông qua các cuộc họp, hội nghị, hệ thống quản lý văn bản và điều hành eOffice, website của Trường/của Phòng Tổ chức cán bộ. Để đảm bảo tính chính xác, khách quan trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, hằng năm Trường đều thành lập các Hội đồng có liên quan và thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên theo các quy trình, quy định

chặt chẽ. Các kết quả xét duyệt được công bố công khai, rõ ràng và minh bạch. Kế hoạch và các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng. Chức năng nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả trên Website của đơn vị. Việc điều chuyển nhân viên hành chính được thực hiện theo kế hoạch và quy định về công tác cán bộ.

Qua phỏng vấn, kiểm tra minh chứng cho thấy trong giai đoạn đánh giá, Viện KT&CN tuân thủ đúng các quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên. Viện có văn bản phân công nhiệm vụ cho đội ngũ hỗ trợ. Trong giai đoạn 2016-2020, không có khiếu kiện, khiếu nại tồn đọng liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, chuyển đổi công tác đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên của Trường.

## 2. Điểm tồn tại

Các tiêu chuẩn, tiêu chí yêu cầu đối với từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên ở các đơn vị hành chính cũng như các vị trí Trợ lý đào tạo, Trợ lý Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập ở đơn vị đào tạo trong Đề án vị trí việc làm của Nhà trường chưa được rà soát, điều chỉnh, bổ sung một cách cụ thể và thường xuyên theo yêu cầu thực tế của từng lĩnh vực công tác.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường, Khoa cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí yêu cầu đối với từng vị trí việc làm của đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên ở các đơn vị hành chính cũng như các vị trí Trợ lý đào tạo, Trợ lý Quản lý sinh viên, Cố vấn học tập ở đơn vị đào tạo trong Đề án vị trí việc làm trong đó có xem xét các ý kiến đề xuất của các đơn vị chức năng về các tiêu chuẩn, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể, đặc thù theo từng lĩnh vực nhằm đáp ứng tốt hơn các nhu cầu phát triển của Nhà trường.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7).

### ***Tiêu chí 7.3: Năng lực của đội ngũ chuyên viên và nhân viên được xác định và được đánh giá***

#### 1. Điểm mạnh

Kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và minh chứng cho thấy, năng lực của đội ngũ nhân viên đã được xác định rõ trong Đề án vị trí việc làm của Trường và của các đơn vị, trong đó có Viện Kỹ thuật và Công nghệ cũng như trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường. Trong các văn bản trên có các tiêu chí đánh giá viên chức hành chính (*Đề án vị trí việc làm - Ban hành theo Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018; Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh – Ban hành theo Quyết định số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016*). Hiện tại bên cạnh đội ngũ nhân viên thuộc phòng, ban chức năng của Nhà trường, Viện còn có 02 nhân viên chuyên trách làm nhiệm vụ văn phòng và quản lý sinh viên. Bên cạnh đó, Viện còn cử 2 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập và trợ lý đào tạo. Các nhân viên chuyên trách và kiêm nhiệm đã được phân công nhiệm vụ rõ ràng (*Quyết định số 2534/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2011 về quy định chức năng, nhiệm vụ cán bộ văn phòng khoa và trợ lý quản lý sinh viên, Các quyết*



*định cử Trợ lý đào tạo, Quy định về chức năng nhiệm vụ cố vấn học tập – Ban hành theo Quyết định số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012).*

Hàng tháng các đơn vị, trong đó có Viện KT&CN, tổ chức đánh giá xếp loại viên chức đối với các nhân viên để làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm (*Danh sách xếp loại hàng tháng của nhân viên hành chính hằng năm*). Vào cuối mỗi năm học Viện/Trường thực hiện việc đánh giá năng lực của nhân viên (*Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường Đại học Vinh – Ban hành theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017; Kế hoạch đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên 2015-2020*). Quy trình đánh giá được thực hiện chặt chẽ qua các bước: Nhân viên tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối cán bộ hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ; Cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Trên cơ sở đó, Khoa/Viện (Phòng /Trung tâm) và Trường sẽ lần lượt đánh giá, thông qua các cuộc họp của Hội đồng Thi đua, đưa ra kết quả xếp loại năng lực của từng nhân viên (*Biên bản Hội đồng Thi đua Khoa/Viện; Biên bản Hội đồng thi đua Đại học Vinh 2015-2020; Các Quyết định về công nhận danh hiệu thi đua các năm 2015-2020; Tiêu chí thi đua cá nhân đánh giá công chức, viên chức 2015-2020; Phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho nhân viên 2015-2020*). Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy đội ngũ nhân viên của Trường/Viện luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt nhu cầu của công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát ý kiến người học cho thấy hầu hết hài lòng về đội ngũ nhân viên của Trường (*Quy định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của Nhà trường; Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học; Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của đơn vị hành chính và các hoạt động của Trường Đại học Vinh*).

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên (chỉ mới khảo sát lấy ý kiến của người học).

Nhà trường chưa ban hành bộ tiêu chí đánh giá đối với các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo của Nhà trường tại các đơn vị.

Kết quả xem xét hồ sơ cho thấy, các tiêu chí đánh giá dùng cho đội ngũ nhân viên chủ yếu mang tính định tính nên chưa đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp với từng vị trí việc làm.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Bên cạnh việc lấy ý kiến của người học, Nhà trường cần mở rộng đối tượng khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn.

Nhà trường nên ban hành bộ tiêu chí hoặc bổ sung các tiêu chí đánh giá đối với các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ hoạt động đào tạo của Nhà trường tại các đơn vị để đảm bảo tính chính xác và công bằng cho đội ngũ này.

Nhà trường /Viện cần điều chỉnh bổ sung các tiêu chí đánh giá dùng cho đội ngũ nhân viên sao cho mang tính định lượng hơn để đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên phù hợp với từng vị trí.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (4/7).

**Tiêu chí 7.4: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

1. Điểm mạnh

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và minh chứng cho thấy, dựa trên Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường cũng như nhu cầu của từng đơn vị, Nhà trường và Viện đã tiến hành khảo sát và đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ chuyên viên để phục vụ cho CTĐT toàn trường nói chung và ngành KT&TK&TDH nói riêng. Việc khảo sát được bắt đầu từ Bộ môn của Viện và các phòng ban chức năng, trung tâm vào đầu năm học. (*Văn bản khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng viên chức năm 2016- 2020; Kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; Bảng đăng ký của nhân viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm 2016-2020*).

Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường và Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đến từng vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên. Trong kế hoạch đã thể hiện rõ các nội dung như: Đối tượng và số lượng bồi dưỡng; Nội dung bồi dưỡng, Thời gian bồi dưỡng; Kinh phí bồi dưỡng, Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện (*Kế hoạch hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức các năm 2016-2020*).

Hằng năm, thực hiện kế hoạch, Nhà trường đã tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị), nghiệp vụ quản lý (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý), ngoại ngữ, tin học, quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - An ninh (*Các quyết định cử đi học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, các văn bằng, chứng chỉ của nhân viên được cử đi học trong giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Vinh*). Những nhân viên đủ điều kiện đã được Nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích thi thăng hạng (*Kế hoạch thi thăng hạng nhân viên hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước trong giai đoạn 2015-2020*). Nhà trường đã tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên được học lên bậc thạc sĩ và tiến sĩ. Trong vòng 5 năm qua (2015-2020), toàn trường đã có hơn 100 lượt nhân viên được cử đi đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong nước và nước ngoài. Điển hình là Trung tâm Thực hành –Thí nghiệm đã có 03 tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài, 22 thạc sĩ (trong đó có 2 người đang làm NCS). Ban giám đốc và 05 Tổ trưởng của Trung tâm đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính, Quốc phòng-An ninh. Việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn được nâng cao theo từng năm (*Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức hằng năm của Trường ĐHV - Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức; Bảng thống kê các hoạt động đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giai đoạn 2015-2020*).

Nhà trường đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nhân viên thông qua việc hỗ trợ về chế độ chính sách theo Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường cũng đã phân bổ ngân sách dành riêng cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân viên. Trong vòng 4 năm gần đây (2017-2020) Nhà trường đã chi 1.228.702.000 đ (bình quân hơn 300 triệu đồng/năm) dành riêng cho công tác đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ nhân viên của Trường (*Báo cáo thống kê kinh phí đào tạo, bồi dưỡng dành cho các bộ hành chính giai đoạn 2017-2020*). Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCD.

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường/Viện chưa tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên để có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường/Viện nên tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên để có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp và hiệu quả hơn.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 5/7)

***Tiêu chí 7.5: Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### 1. Điểm mạnh

Kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và minh chứng cho thấy, Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên (*Phân công nhiệm vụ cán bộ, viên chức các khoa, viện, phòng ban, trung tâm các năm 2015-2019; Đề án vị trí việc làm của Đại học Vinh – Ban hành theo Quyết định số 1217/QĐ-ĐHV ngày 14/12/2018; Bản mô tả vị trí công việc của đội ngũ nhân viên; Quyết định số 1160/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2016 về việc quy định thời gian làm việc giờ hành chính đối với cán bộ tham gia công tác quản lý*). Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về việc theo dõi giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Các quy định về khen thưởng và công nhận danh hiệu của nhân viên (*Quy định đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức Đại học Vinh – Ban hành theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017; Quyết định số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015 về Quy định thi đua-khen thưởng Đại học Vinh; Về tiêu chí thi đua cá nhân đánh giá công chức, viên chức Đại học Vinh*).

Nhà trường đã thường xuyên tổ chức giám sát, theo dõi đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công thông qua hoạt động của phòng Thanh tra-Pháp chế (*Báo cáo kết quả kiểm tra nền nếp dạy học và làm việc của cán bộ, viên chức và các đơn vị trong toàn Trường trong các năm 2016-2020*), thông qua bảng chấm công hằng tháng bảng tổng hợp kết quả đánh giá và xếp loại đội ngũ nhân viên hằng tháng theo hiệu quả công việc được phân công với các mức A, B, C, D làm cơ sở cho việc chi trả lương tăng thêm vào tháng sau liền kề. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hằng tháng là cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng cuối năm (*Bảng chấm công hằng tháng thành 2015-2020; Biên bản đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; Danh sách khen thưởng hằng tháng 2015-2020*). Khoa/Viện luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ tại Khoa/Viện nhằm tạo động lực để các nhân viên này hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tại đơn vị.

Cuối năm học, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có kết quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng (*Báo cáo tổng kết năm học của các năm 2015-2020; Hồ sơ đánh giá CBCC hàng năm 2015- 2020; Biên bản họp Hội đồng Thi đua khen thưởng các năm 2015-2020; Các Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua các năm học*).

Tất cả nhân viên đã được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình Nhà trường xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, nhân viên (*Văn bản số 970/ĐHV-HCNH ngày 18/8/2017 về xin ý kiến góp ý của các đơn vị về tiêu chí đánh giá thi đua, quy định xếp loại cán bộ; Góp ý quy trình xây dựng quy định đánh giá viên chức hằng năm*).

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua đã được Nhà trường thông báo rộng rãi, công khai trong toàn Trường. Các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên đã được Nhà trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và thông qua Hội nghị viên chức toàn Trường hằng năm. Kết quả ý kiến phản hồi cho thấy, hầu hết nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc cũng như việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường (*Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua các năm 2015-2020; Biên bản các Hội nghị viên chức hằng năm giai đoạn 2015-2020*).

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường, Viện và các cấp có thẩm quyền (Chỉ mới lấy ý kiến phản hồi thông qua các Hội nghị viên chức hằng năm).

Tất cả nhân viên chỉ dựa vào kế hoạch và lịch công tác của Trường cũng như bảng phân công nhiệm vụ của đơn vị để thực hiện công việc của mình, chứ chưa có kế hoạch cụ thể riêng cho từng cá nhân.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường, Viện và các cấp có thẩm quyền. Kết quả khảo sát sẽ là cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Nhà trường trong những năm tiếp theo.

Trên cơ sở bản phân công nhiệm vụ cán bộ, viên chức các khoa, viện, phòng ban, trung tâm hằng năm, Nhà trường cần triển khai cho tất cả các nhân viên xây dựng kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7**

#### **- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:**

Trường có chính sách, tiêu chí cụ thể, rõ ràng để thu hút, tuyển dụng, sử dụng, phát triển đội ngũ NV đáp ứng yêu cầu công tác. Đội ngũ NV hỗ trợ CTĐT ngành KTDK&TĐH đảm bảo

về số lượng, có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm NV được thực hiện theo các quy trình chặt chẽ. Khoa/Viện tuân thủ quy định của Trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Trường có hệ thống văn bản xác định năng lực và bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá năng lực của đội ngũ NV hỗ trợ. Quy trình đánh giá NV được thực hiện chặt chẽ. Kết quả đánh giá làm cơ sở cho việc thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm, công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với NV. Trường/Khoa/Viện có khảo sát, đánh giá nhu cầu và tổ chức triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Những NV đủ điều kiện được Trường tạo điều kiện và khuyến khích thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Các tiêu chuẩn yêu cầu đối với từng vị trí việc làm của đội ngũ NV ở các đơn vị hành chính, các vị trí Trợ lý đào tạo, Trợ lý QLSV, CVHT trong Đề án vị trí việc làm của Trường chưa được rà soát, điều chỉnh, bổ sung cụ thể và thường xuyên theo yêu cầu lĩnh vực công tác. Trường chưa khảo sát ý kiến, mức độ hài lòng của các bên liên quan khác như GV, Cựu SV,.. đối với đội ngũ NV. Bộ tiêu chí đánh giá đội ngũ NV chưa đánh giá đầy đủ năng lực của đội ngũ NV theo từng vị trí việc làm. Trường chưa ban hành bộ tiêu chí đánh giá đối với các GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đào tạo; chưa tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển NV để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp; chưa khảo sát mức độ hài lòng của NV về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp. Các NV chưa có kế hoạch công tác cụ thể để theo dõi, giám sát việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Trường, Viện cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung các yêu cầu đối với từng vị trí việc làm của đội ngũ NV ở các đơn vị hành chính, các vị trí TLĐT, TL QLSV, CVHT trong Đề án vị trí việc làm trong đó xem xét ý kiến của các đơn vị về tiêu chuẩn, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cụ thể, đặc thù theo từng lĩnh vực; cần có chính sách hỗ trợ/đãi ngộ cho đội ngũ CVHT, TLĐT, TL QLSV tốt hơn để bảo đảm chất lượng hoạt động hỗ trợ người học. Trường cần khảo sát mức độ hài lòng của GV, Cựu SV, .. đối với đội ngũ NV; cần điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí đánh giá NV có tính định lượng hơn để đánh giá được năng lực theo từng vị trí việc làm; sớm ban hành hoặc bổ sung các tiêu chí đánh giá đối với GV kiêm nhiệm công tác hỗ trợ đào tạo; nên thường xuyên tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển NV để có cải tiến phù hợp; cần khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ NV về việc quản trị công việc, việc thi đua khen thưởng, công nhận của Trường và các cấp để cải tiến công tác quản lý của Trường; cần triển khai cho tất cả NV xây dựng kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện rõ khối lượng tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực, hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

## **VIII. Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

***TC 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

1. Điểm mạnh:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và minh chứng cho thấy, ngành KTĐK&TĐH đã thực hiện tuyển sinh theo đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (*Từ Số 03/2015/TT-BGDĐT*

ngày 26/02/2015 đến số 09/2020 TT-BGDĐT ngày 07/5/2020), và theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Vinh (*Các Đề án tuyển sinh hệ đại học chính quy các năm 2015-2020*) Đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường được cập nhật và công bố công khai trên website của Trường. Từ năm 2017 đến thời điểm đánh giá, Nhà trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT; Xét tuyển học bạ THPT bằng cách lấy tổng điểm các môn theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (6 học kỳ); Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm ưu tiên được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường trong đó có ngành KTĐK&TĐH đã được xác định rõ ràng, công khai minh bạch trong các Thông báo tuyển sinh, xét tuyển của Nhà trường và trên Website của Trường: (*Cổng thông tin điện tử tuyển sinh: <http://vinuni.edu.vn/tuyen-sinh>*), trong cuốn “*Những điều cần biết về tuyển sinh đại học*”, trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh do Nhà trường tổ chức, trong đó đã ghi rõ các mục như: Hình thức, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu, quy trình thi tuyển, xét tuyển; Đối tượng, hồ sơ, thời gian đăng ký, đối tượng ưu tiên, đối tượng tuyển thẳng, đối tượng người nước ngoài, các quy định đối với các thí sinh khuyết tật, lệ phí xét tuyển xét. Quy trình xét tuyển được thực hiện rõ ràng qua các khâu như: Nhà trường ra Thông báo tuyển sinh trong đó nêu rõ chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành, bao gồm ngành KTĐK&TĐH, tổ hợp các môn xét tuyển. Kết quả thi, xét tuyển được Nhà trường thông báo công khai trên Cổng thông tin tra cứu điểm thi tuyển sinh Nhà trường. (*Thông báo điểm trúng tuyển đại học hệ chính quy các năm 2016-2020; Chỉ tiêu và ngưỡng xét tuyển đại học hệ chính quy đợt 2 các năm 2016-2020; Thông báo quy định về việc xét tuyển học bạ THPT hoặc tương đương vào đại học hệ chính quy; Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy Đại học Vinh các năm từ 2065-2020*). Hằng năm, dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh (*các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học điểm chuẩn của các ngành*), thông qua các hội nghị về công tác tuyển sinh cũng qua đánh giá tình hình thực tiễn, Nhà trường điều chỉnh đề án, kế hoạch tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành học đồng thời đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh những năm tiếp theo.

Trong quá trình xây dựng Đề án tuyển sinh, chính sách tuyển sinh của Nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan (*Văn bản về việc lấy ý kiến góp ý Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển thẳng vào đại học chính quy các năm 2016-2020; Văn bản về việc xin ý kiến đóng góp dự thảo Đề án tuyển sinh đại học chính quy hằng năm; Cơ sở dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm tại Phòng Đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020.*)

## 2. Điểm tồn tại:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ cho thấy, việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về Quy chế tuyển sinh và chính sách tuyển sinh chưa được Nhà trường thực hiện rộng rãi, chỉ mới dừng lại ở mức khảo sát ý kiến đóng góp của Trường các đơn vị trong toàn Trường.

Kết quả thống kê cho thấy, trong các năm gần đây, số lượng tuyển sinh của ngành KTĐK&TĐH giảm đáng kể, cụ thể: Từ 101 SV (năm 2016) xuống còn 55 SV (năm 2020).

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Bên cạnh việc lấy ý kiến đóng góp của các Trường đơn vị trong Trường về quy chế tuyển sinh và chính sách tuyển sinh, Nhà trường /Viện nên khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng ngoài Trường để có cơ sở khách quan hơn trong việc điều chỉnh, bổ sung quy chế tuyển sinh và chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường.

Nhà trường và Viện cần tiếp tục phân tích dự báo nhu cầu nguồn nhân lực ngành KTĐK&TĐH sát với đối tượng mà Viện đang đào tạo để có những điều chỉnh trong đề án tuyển sinh hằng năm. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng nên mở rộng hơn nữa các mối quan hệ với các đơn vị bên ngoài thông qua các hoạt động NCKH, trao đổi sinh viên, hội nghị, hội thảo nhằm quảng bá hình ảnh Nhà trường, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường nói chung và của ngành KTĐK&TĐH nói riêng.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí Đạt (mức 4/7)

***TC 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

1. Điểm mạnh:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và minh chứng cho thấy, hằng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, dựa vào nhu cầu của xã hội, Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh (*Đề án tuyển sinh đại học chính quy Đại học Vinh 2014-2020*). Trong đó, Nhà trường và Viện đã xác định rõ tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học và công bố công khai trên website của Trường và trên các thông tin đại chúng. Năm 2016 công tác tuyển sinh được Nhà trường thực hiện theo Quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT. Theo đó Nhà trường đã xây dựng phương án tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia. Việc xét tuyển của ngành KTĐK&TĐH dựa theo chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm và lấy điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu với tổ hợp các môn xét tuyển: A00 (Toán, Lý, Hóa), A01 (Toán, Lý, Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh), D01 (Toán, Văn, Anh). Từ năm 2017 đến thời điểm đánh giá, Nhà trường áp dụng các phương thức tuyển sinh sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT; Xét tuyển học bạ THPT bằng cách lấy tổng điểm các môn theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (6 học kỳ), trừ các ngành Sư phạm. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Điểm ưu tiên được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Phương thức tuyển chọn người học Nhà trường/Viện xác định rõ ràng và được quy định trong Đề án tuyển sinh cũng như Kế hoạch tuyển sinh hằng năm. Riêng đối với ngành KTĐK&TĐH theo các phương thức như: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn đối với các tổ hợp môn thi theo ngành đào tạo, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Mức chênh lệch điểm giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp và hai khu vực kế tiếp được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT

Tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Nhà trường được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo từng năm (*Cơ sở dữ liệu thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm tại Phòng Đào tạo của Trường giai đoạn 2016-2020.*), đồng thời có lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (*Văn bản về việc lấy ý kiến góp*

*ý Đề án tuyển sinh và Quy chế tuyển thẳng vào đại học chính quy các năm 2016-2020; Văn bản về việc xin ý kiến đóng góp dự thảo Đề án tuyển sinh đại học chính quy hằng năm 2016-2020.*

2. Điểm tồn tại:

Việc rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Nhà trường chưa được rõ ràng, đầy đủ các bước cần thiết, chỉ mới dừng lại ở mức thống kê, đối sánh các số liệu là chính.

Kết quả kiểm tra hồ sơ cho thấy, Nhà trường chỉ mới khảo sát lấy ý kiến về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Nhà trường đối với các Trường đơn vị trong Trường mà chưa lấy ý kiến của các đối tượng ngoài Trường.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Việc rút kinh nghiệm và điều chỉnh, bổ sung về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Nhà trường nên được thể hiện rõ ràng, đầy đủ qua các bước cần thiết. Bên cạnh việc thống kê đối sánh các số liệu, Nhà trường nên tiến hành đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển sinh thông qua việc phân tích tổng hợp kết quả khảo sát từ đó có cơ sở cho việc bổ sung cải tiến phù hợp, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của SV và thị trường lao động.

Để có cơ sở cho việc điều chỉnh bổ sung về tiêu chí và phương pháp tuyển sinh, Nhà trường và Viện cần tiến hành khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan rộng rãi hơn. Bên cạnh việc khảo sát ý kiến của các Trường đơn vị trong Trường, nên khảo sát ý kiến của các đối tượng ngoài Trường (các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng, các cơ quan, các tổ chức v.v.) để có kết quả khách quan hơn và đáng tin cậy hơn.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***TC 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

1. Điểm mạnh:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và minh chứng cho thấy, hệ thống giám sát cấp Trường và Viện về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được ghi rất rõ trong Quy định đào tạo đại học của Trường đại học Vinh (*Quy định số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017 về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập tiếp cận CDIO; Quy định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017, Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO*). Hệ thống giám sát của ngành CNTP được thực hiện bởi giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm cũng như đội ngũ nhân viên khác của các phòng, ban, trung tâm, tổ chức đoàn thể liên quan trong Viện và Trường.

Quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thực hiện thông qua cơ chế báo cáo định kỳ mỗi tháng một lần và thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban lãnh đạo Viện, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tạo, quản lý sinh viên và Liên chi đoàn Viện (*Biên bản họp liên tịch giữa Lãnh đạo Viện, Trưởng Bộ môn, trợ lý đào tạo, Quản lý sinh viên và Liên chi đoàn Viện*). Bên cạnh đó Viện cũng thường xuyên chỉ đạo các lớp sinh hoạt định kỳ mỗi tháng một lần với sự tham gia của giảng viên chủ nhiệm lớp nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học (*Biên bản họp lớp trong giai đoạn 2016-2020*).



Bên cạnh đó, giảng viên phụ trách môn học cũng được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Viện có cơ chế phản hồi kết quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức như thông báo trên trang thông tin sinh viên tại [http:// student.vinhuni.edu.vn](http://student.vinhuni.edu.vn), thư gửi kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên cho phụ huynh (*Kế hoạch thông báo kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên cho gia đình của Phòng CTCTHSSV các năm 2016-2020*).

Trường, Viện có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp trên phần mềm quản lý điểm (CVC) và phần mềm quản lý người học (LMS). Từ năm 2010, để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học, Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý CMC. Hệ thống này hỗ trợ Nhà trường quản lý và giám sát các nội dung về quá trình đăng ký và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ và các hoạt động ngoại khóa đồng thời thông qua phần mềm quản lý này Nhà trường chuyển đến người học các thông báo các nội dung như thời khóa biểu, lịch thi, kết quả đánh giá về học tập và rèn luyện của người học (*Phần mềm quản lý điểm CMC và Phần mềm quản lý người học LMS*).

## 2. Điểm tồn tại:

Việc phân công, phối hợp giữa các bộ phận của Viện và các đơn vị của Nhà trường trong hệ thống giám sát về sự tiến bộ học tập và rèn luyện của người học chưa được rõ ràng, hiệu quả phối hợp chưa cao.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Bên cạnh Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường, để việc phân công, phối hợp giữa các bộ phận của Viện và các đơn vị của Nhà trường trong hệ thống giám sát về sự tiến bộ học tập và rèn luyện của người học được rõ ràng, hiệu quả, Nhà trường nên ban hành các văn bản quy định rõ trách nhiệm chính của từng bộ phận trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***TC 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

## 1. Điểm mạnh:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và minh chứng cho thấy, người học được tư vấn hỗ trợ kịp thời có hiệu quả về học tập, sinh hoạt ngoại khóa và các hoạt động thi đua khác bởi Cố vấn học tập và đội ngũ giảng viên chủ nhiệm các lớp (*Quyết định số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập, cán bộ văn phòng khoa, trợ lý QLSV; Các Quyết định về cử cố vấn học tập; Các Quyết định về việc cử giảng viên phụ trách lớp hành chính*). Bên cạnh đó Nhà trường còn có đội ngũ trợ lý QLSV, các đơn vị chức năng như Trung tâm HTSV&QHDN, Phòng CTCTHSSV, Phòng Đào tạo và các tổ chức đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội SV và các câu lạc bộ. Trong các đơn vị chức năng trên, Trung tâm HTSV&QHDN của Trường là đơn vị chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ sinh viên trong đó có các chương trình hướng nghiệp, tư vấn việc làm cho người học. Ngoài ra, cán bộ

giảng viên của Viện còn tư vấn hướng nghiệp cho SV trong quá trình giảng dạy, trong các Hội nghị tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên.

Nhà trường và Viện luôn có kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của sinh viên. Hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thực hiện tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa để giới thiệu về cơ cấu tổ chức của Trường/Viện cũng như các hoạt động của Nhà trường (Kế hoạch tổ chức chào đón sinh viên các năm 2015-2020). Bên cạnh đó, hằng năm Trường/Viện đều tổ chức Hội nghị dân chủ sinh viên nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và việc hỗ trợ người học khi gặp khó khăn, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập (*Kế hoạch tổ chức Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên*). Bên cạnh đó, Viện còn chỉ đạo cho các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hằng tháng có sự tham gia của Lãnh đạo Viện, cố vấn học tập giảng viên chủ nhiệm lớp để kịp thời giải quyết những vướng mắc và hỗ trợ SV giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện (*Kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp hằng tháng, Biên bản sinh hoạt lớp*).

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên của Trường/Viện cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để giúp sinh viên cải thiện việc học tập và kỹ năng tìm kiếm việc làm (*Kế hoạch tổ chức Chương trình Ngày môi trường thế giới; Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu sinh viên tốt nghiệp làm việc tại Nhật; Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp; Kế hoạch tổ chức chương trình Tết ấm cho sinh viên Kỳ Hội 2019*). Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã kết hợp với Viện thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho sinh viên. Trong đó có các hoạt động như: Hội diễn văn nghệ, TĐTT, giao lưu văn hóa, các chương trình giáo dục pháp luật, an toàn giao thông. Qua các hoạt động này sinh viên được trau dồi và rèn luyện các kỹ năng sống và nghề nghiệp. Đặc biệt đối với sinh viên ngành KTĐK&TĐH Nhà trường có tổ chức các hoạt động tháng rèn nghề.

Hằng năm Nhà trường, Trung tâm HTSV&QHDN và Viện đều có kế hoạch và tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên (Liên hệ thực tập, thực tế, trao đổi hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm...). Để thực hiện kế hoạch trên, Trường và Viện lập danh sách các đơn vị thực tập phù hợp với ngành đào tạo để sinh viên lựa chọn. Mặt khác, sinh viên cũng có thể chủ động lựa chọn, tìm kiếm các đơn vị thực tập theo mong muốn và có sự hướng dẫn của giảng viên trong quá trình thực tập. Bên cạnh đó, Trường còn có Trung tâm Nghiên cứu-Khởi nghiệp và Sáng tạo. Trung tâm này cũng đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm như: Tổ chức Hội thảo tư vấn và giới thiệu việc làm (*Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu sinh viên tốt nghiệp làm việc tại Nhật; Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp*).

Những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ sinh, các hoạt động ngoại khóa các hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ trên đã góp phần cải thiện việc học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp cho thấy có 78,21% trả lời hài lòng với chất lượng, hiệu quả các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường. Tỷ lệ sinh viên ngành KTĐK&TĐH sau khi ra trường có việc làm tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2015-2020. Trung bình có 85,35% sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp (*Phụ lục 41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT*).

2. Điểm tồn tại:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và kết quả phỏng vấn các cựu sinh viên của ngành KTĐK&TĐH và các doanh nghiệp cho thấy, thời điểm triển khai các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp muộn và thời gian đi thực tập cuối khóa còn ít nên hiệu quả chưa cao. Mặt khác, năng lực giao tiếp và sử dụng tiếng Anh, nhất là tiếng Anh chuyên ngành còn hạn chế.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Nhà trường và Viện nên tiếp tục rà soát CTĐT cũng như kế hoạch đào tạo, nhất là phần thực thực tế và thực tập tốt nghiệp sao cho phù hợp, nên triển khai sớm các hoạt động đi thực tế và tăng thời lượng cho học phần thực tập tốt nghiệp. Bên cạnh việc giảng dạy các học phần tiếng Anh cơ bản, Nhà trường nên có kế hoạch triển khai giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cũng như trong hoạt động chuyên môn.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***TC 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

1. Điểm mạnh:

Kết quả tìm hiểu hồ sơ và minh chứng cho thấy, Phòng CTCTHSSV, Phòng Đào tạo và các tổ chức đoàn thể (Đoàn thanh niên, Hội SV và các câu lạc bộ) là những đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học, trong đó có sinh viên của ngành KTĐK&TĐH. Bên cạnh đó, để hỗ trợ sinh viên về các mặt công tác nêu trên, còn có sự tham gia của các cố vấn học tập, đội ngũ trợ lý QLSV và đội ngũ giảng viên chủ nhiệm các lớp (*Quyết định số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10/12/2012 về việc ban hành Quy định tạm thời về chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập, cán bộ văn phòng khoa, trợ lý QLSV; Các Quyết định về cử cố vấn học tập; Các Quyết định về việc cử giảng viên phụ trách lớp hành chính*).

Nhà trường có Trung tâm HTSV&QHĐN. Trung tâm này là đơn vị chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ tư vấn việc làm cho người học, trong đó có sinh viên của ngành KTĐK&TĐH. Hằng năm Trung tâm HTSV&QHĐN và Viện tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên (*Liên hệ thực tập, thực tế, trao đổi hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm...*). Bên cạnh đó, Trường còn có Trung tâm Nghiên cứu-Khởi nghiệp và Sáng tạo. Trung tâm này cũng đã tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm như: Tổ chức Hội thảo tư vấn và giới thiệu việc làm (*Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu sinh viên tốt nghiệp làm việc tại Nhật; Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp hằng năm giai đoạn 2016-2020*).

Nhà trường và Viện luôn có kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để giúp cải thiện việc học tập của sinh viên của Trường. Hằng năm Nhà trường đều có kế hoạch và tổ chức thực hiện tuần sinh hoạt sinh viên đầu khóa để giới thiệu về cơ cấu tổ chức của Trường và của Viện cũng như các hoạt động của Nhà trường (*Kế hoạch tổ chức chào đón sinh viên các năm 2015-2020*). Nhà trường cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Hội nghị dân chủ sinh viên nhằm tập

trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và việc hỗ trợ người học khi gặp khó khăn, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập (*Kế hoạch tổ chức Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên, Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên*). Bên cạnh đó, Viện còn chỉ đạo cho các lớp xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp hằng tháng có sự tham gia của Lãnh đạo Viện, cố vấn học tập giảng viên chủ nhiệm lớp để kịp thời giải quyết những vướng mắc và hỗ trợ SV giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện (*Kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp hằng tháng, Biên bản sinh hoạt lớp giai đoạn 2016-2020*).

Nhà trường và Viện cũng đã có kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người học. Hằng năm Nhà trường, Trung tâm HTSV&QHĐN và Viện đều có kế hoạch và tổ chức triển khai hoạt động hỗ trợ việc làm cho sinh viên (*Liên hệ thực tập, thực tế, trao đổi hợp tác với doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động, tăng cường kỹ năng mềm...*). Đặc biệt đối với sinh viên ngành KTĐK&TĐH Nhà trường có tổ chức các hoạt động tháng rèn nghề. Bên cạnh đó, Trung tâm Nghiên cứu-Khởi nghiệp và Sáng tạo cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm như: Tổ chức Hội thảo tư vấn và giới thiệu việc làm (*Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu sinh viên tốt nghiệp làm việc tại Nhật; Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp hằng năm giai đoạn 2016-2020*). Ngoài ra, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên của Trường và Viện cũng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để giúp sinh viên cải thiện việc học tập và kỹ năng tìm kiếm việc làm (*Kế hoạch tổ chức Chương trình Ngày môi trường thế giới; Kế hoạch tổ chức hội thảo tư vấn và giới thiệu sinh viên tốt nghiệp làm việc tại Nhật; Kế hoạch tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp; Kế hoạch tổ chức chương trình Tết ấm cho sinh viên Kỹ Hội 2019*).

Những hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ sinh, các hoạt động ngoại khóa các hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ trên đã góp phần cải thiện việc học tập của sinh viên. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp cho thấy có 78,21% trả lời hài lòng với chất lượng, hiệu quả các hoạt động giảng dạy, tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường (*Quyết định số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016 về việc ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh; Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học về hoạt động chung của Trường và các đơn vị hành chính các năm 2016-2020*). Tỷ lệ sinh viên ngành KTĐK&TĐH sau khi ra trường có việc làm tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2015-2020. Trung bình có 85,35% sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp (*Phụ lục 41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT*).

## 2. Điểm tồn tại:

Kết quả nghiên cứu hồ sơ và minh chứng cho thấy, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường còn hạn chế, chỉ mới khảo sát ý kiến của người học. Mặt khác, đây chỉ là khảo sát chung về các hoạt động của Trường. Nhà trường chưa tiến hành khảo sát riêng, có tính chất chuyên đề về ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Bên cạnh việc khảo sát lấy ý kiến của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Trường, Nhà trường nên mở rộng phạm vi và đối tượng khảo sát để có kết quả khách

quan hơn. Mặt khác, Nhà trường nên tiến hành khảo sát riêng về chuyên đề này để có kết quả đầy đủ hơn và chi tiết hơn và từ đó đề ra các biện pháp hữu hiệu hơn cho việc xây dựng, cải tiến môi trường, phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

#### ***Đánh giá chung Tiêu chuẩn 8***

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT: Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh, trong đó đã nêu rõ chính sách, quy định tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh và các phương thức tuyển sinh sinh đúng các quy định hiện hành, được rà soát, điều chỉnh, bổ sung hằng năm và được công khai minh bạch. Nhà trường đã có hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học với sự hỗ trợ của Phần mềm quản lý người học (LMS) và phần mềm quản lý điểm (CMC). Tỷ lệ sinh viên ngành KTĐK&TĐH sau khi ra trường có việc làm tăng dần đều qua từng năm trong giai đoạn 2015-2020. Trung bình có 85,35% sinh viên tìm được việc làm sau tốt nghiệp. Nhà trường đã có các đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, tư vấn việc làm và các hoạt động hỗ trợ khác. Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, cảnh quan sư phạm sạch sẽ đảm bảo vệ sinh an toàn, tạo không khí thoải mái và thuận lợi cho các đối tượng trong toàn trường/

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT: Kết quả nghiên cứu hồ sơ cho thấy, việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về Quy chế tuyển sinh, chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh chưa được Nhà trường thực hiện rộng rãi, chỉ mới dừng lại ở mức khảo sát ý kiến đóng góp của Trưởng các đơn vị trong toàn Trường. Trong các năm gần đây, số lượng tuyển sinh của ngành KTĐK&TĐH giảm đáng kể, cụ thể: Từ 101 SV (năm 2016) xuống còn 55 SV (năm 2020). Việc phân công, phối hợp giữa các bộ phận của Viện và các đơn vị của Nhà trường trong hệ thống giám sát về sự tiến bộ học tập và rèn luyện của người học chưa được rõ ràng, hiệu quả phối hợp chưa cao. Thời điểm triển khai các hoạt động thực tế tại các doanh nghiệp muộn và thời gian đi thực tập cuối khóa còn ít nên hiệu quả chưa cao. Mặt khác, năng lực giao tiếp và sử dụng tiếng Anh, nhất là tiếng Anh chuyên ngành còn hạn chế

- Kiến nghị đối với CTĐT: Nhà trường nên khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng ngoài Trường để có cơ sở khách quan hơn trong việc điều chỉnh, bổ sung quy chế tuyển sinh và chính sách tuyển sinh hằng năm của Nhà trường. Nhà trường cần có giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh của Trường nói chung và của ngành KTĐK&TĐH nói riêng. Để hệ thống giám sát về sự tiến bộ học tập và rèn luyện của người học được rõ ràng, hiệu quả, Nhà trường nên ban hành các văn bản quy định rõ trách nhiệm chính của từng bộ phận trong các lĩnh vực hoạt động cụ thể. Nhà trường nên có kế hoạch triển khai giảng dạy các học phần tiếng Anh chuyên ngành để tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cũng như trong hoạt động chuyên môn.

#### **IX. Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

1. Điểm mạnh

Để phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong những năm qua bằng nhiều nguồn kinh phí khác nhau Nhà trường đã đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Đối với hệ thống phòng làm việc, Nhà trường đã bố trí 90 phòng cho các đơn vị trực thuộc với tổng diện tích 15.938 m<sup>2</sup>, đạt gần 15,4 m<sup>2</sup>/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên. Đối với hệ thống phòng học, giảng đường, hiện tại toàn Trường có 282 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51.045 m<sup>2</sup>, phòng học tiếng nước ngoài và phòng học máy tính với diện tích 7.886 m<sup>2</sup>. Tính đến năm học 2019-2020, diện tích phòng học bình quân đạt 3,3 m<sup>2</sup>/SV (đảm bảo theo quy định số 24/ 2015/ TT-BGDĐT về quy định chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDDH). Viện Kỹ thuật và Công nghệ được bố trí 1 văn phòng chung của Viện, 1 phòng Hội đồng Viện, 6 phòng của các bộ môn, 7 phòng nghiên cứu chuyên ngành KTĐK&TĐH (Riêng Viện trưởng có phòng làm việc rộng 20m<sup>2</sup>).

Hệ thống phòng làm việc, phòng học, hội trường, giảng đường và các phòng chức năng được Nhà trường đầu tư trang bị CSVC và trang thiết bị đảm bảo điều kiện hỗ trợ cho hoạt động ĐT, NCKH và các hoạt động khác của các đơn vị. Hệ thống phòng làm việc, trong đó có CTĐT ngành KTĐK & TĐH được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc: hệ thống đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, mạng wifi, máy tính, máy in, điện thoại, tủ, bàn ghế,... Hệ thống phòng học được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, phương tiện dạy học trực tuyến. Trong số 282 phòng học, thì 230 phòng tại nhà A, B và D được lắp hệ thống điều hòa và máy chiếu, 73 phòng học kết nối trực tuyến. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, máy Projector, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, CBCNV có đủ điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị được kiểm kê, bảo quản, theo dõi tình trạng hoạt động, sử dụng, hư hỏng, cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm. Hệ thống phòng học được phòng Quản trị-Đầu tư quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tàn suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% số phòng học vào 02 ngày cuối tuần. Hằng năm, Viện phối hợp với Trung tâm TH-TN điều lập kế hoạch mua mới và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH. Theo báo cáo thường niên, giai đoạn 2016-2020 thì tổng kinh phí dành cho đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị là 312.885.468 triệu đồng, chiếm trên 20% tổng ngân sách chi, riêng năm 2020 là 59.740,000 triệu đồng, chiếm gần 18% ngân sách chi (riêng ngành KTĐK & TĐH tổng kinh phí đầu tư trong 5 năm là 6,762,098,462 đồng: năm 2016 (1,329,156,923 đồng), năm 2017 (1,407,624,615 đồng), năm 2018 (1,179,790,769 đồng), năm 2019 (1,338,240,000 đồng) và năm 2020 (1,507,286,154 đồng)). Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 63,6% số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 27,5% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

## 2. Điểm tồn tại:

Một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ, cần được trang bị lại để tạo điều kiện cho hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học.

## 3. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch mua sắm, thay thế các bàn ghế đã cũ hay bị hư hỏng để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Mức đạt được của TC 9.1: Đạt (mức 5/7)

**Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

1. Điểm mạnh:

Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay có tên gọi là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”, <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>, với tổng diện tích dành cho thư viện hiện nay là 9.952 m<sup>2</sup>. Trong đó, Thư viện chính được bố trí tại một tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn 9.275m<sup>2</sup> bao gồm: Không gian học tập tầng 1; 06 phòng học; 03 phòng máy tính; 09 kho sách và 6 phòng đọc với 1.420 chỗ ngồi. Thư viện cơ sở 2, tổng diện tích sử dụng là 677 m<sup>2</sup>, có 80 chỗ ngồi. Thư viện có 30 cán bộ viên chức, trong đó có 21 CBNV trình độ đại học ngành thư viện, 09 CBNV đào tạo ngành khác.

Hoạt động của Trung tâm TTTV được quản lý bởi các quy định rõ ràng, minh bạch (*Quyết định số 2396/QĐ-ĐHV ngày 6/9/2019 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Vinh*): Hướng dẫn sử dụng thư viện, quy định hoạt động của thư viện (trong năm học thư viện phục vụ bạn đọc 2 buổi/ngày, kể cả thứ bảy và chủ nhật). Tại thời điểm năm 2020, thư viện được trang bị 02 máy mượn - trả tự động tài liệu; 01 hệ thống trả sách 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, 01 máy scan-số hóa robot, 05 kiosk tra cứu thông tin, 02 máy photocopy và xây dựng không gian học tập có các trang thiết bị, dịch vụ cần thiết hỗ trợ bạn đọc. Trung tâm TTTV được trang bị CSVC và trang thiết bị: bàn ghế, tủ, giá sách, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, 124 bộ máy tính, ti vi,... để thực hiện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ cho dạy, học và NCKH của GV và SV.

Trung tâm TTTV có số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH của CB, GV, người học. Tính đến tháng 3/2020, số lượng tài liệu bản in có 17.124 tên sách, giáo trình, tài liệu tham khảo với 160.559 bản; 129 loại báo và tạp chí, 21.367 luận văn và luận án. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV hiện có nguồn tài liệu điện tử (địa chỉ truy cập: <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>) với 20.960 tên giáo trình và sách, 15.500 đề tài luận văn và luận án, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Trung tâm TTTV đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến và thư viện số giúp bạn đọc có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các CSGD, mua quyền truy cập dùng chung CSDL điện tử online Proquest Center đáp ứng nhu cầu tham khảo nguồn tạp chí khoa học nước ngoài, phục vụ công tác đào tạo trong nhà trường. Thực hiện việc ký kết thỏa thuận, kết nối chia sẻ nguồn học liệu và nguồn tin nội sinh, giúp người dạy và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Cần Thơ, Cục thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia... Từ năm 2019, Trung tâm TTTV đã tham gia vào Liên hiệp thư viện Việt Nam. Trong 5 năm, từ 2016 - 2020, số lượt người học và GV mượn tài liệu đạt 134.594 lượt, bình quân 26.919 lượt/năm, không tính lượt người download tài liệu (riêng ngành KTĐK-TĐH số lượng bạn đọc tham gia thư viện giai đoạn 2016-2020 tổng là: 6.703 người). Tính đến tháng 8/2019, về tài liệu truyền thống, Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào có khoảng hơn 310 đầu sách, gồm luận án và luận văn và giáo trình ngành KTĐK & TĐH. Định kỳ hằng năm, dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, TTTT-Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới ngành KTĐK & TĐH: như tạp chí Tự động hóa ngày nay, tạp chí của Hội tự động hóa Việt Nam và một số bài báo quốc tế thuộc danh mục tạp chí ISI, Scopus nhằm đáp ứng nhu cầu của

GV và người học. Các đầu sách của TTTT-Thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành KTĐK & TĐH.

Hàng năm, căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH của GV và người học (đặc biệt những CTĐT mới) trên cơ sở đề xuất của các đơn vị đào tạo, trong đó có CTĐT ngành KTĐK & TĐH. Trong chu kỳ 2016-2020, Trung tâm TTTV bổ sung số lượng giáo trình, tài liệu là 1.652 số đầu tài liệu với 14.536 bản; Kinh phí để mua cập nhật các nguồn tài liệu mới là 7.129.473.495 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 1.854.373.800 đồng, 2016-2017: 1.545.694.395 đồng, 2017-2018: 502.691.200 đồng, 2018-2019: 1.006.290.000 đồng, 2019-2020: 2.220.424.100 đồng (bình quân kinh phí đầu tư gần 106.000đ/SV/năm trong chu kỳ đánh giá).

Nguồn tài liệu của Trung tâm TTTV được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos hiện đại, phù hợp). Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Bạn đọc có thể tra cứu tài liệu theo ba cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Định kỳ hàng năm, trường đã khảo sát lấy ý kiến của bạn đọc. Kết quả khảo sát trong năm 2017 cho thấy có 65,9% sinh viên rất hài lòng về hoạt động của thư viện, chỉ số này tăng lên 77,6% trong năm học 2018-2019. Kết quả khảo sát việc đáp ứng nhu cầu cơ sở dữ liệu, nguồn tài liệu của người học trong học kỳ 2 năm học 2018-2019 có 69% sinh viên đánh giá tốt và chỉ số này tăng lên 80,2% trong học kỳ 1 năm học 2019-2020. Tháng 6/2020, trung bình có 94,1 % người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là từ khá trở lên. Ngoài ra, để lấy ý kiến về “Thư viện nhà trường có đủ học liệu đáp ứng nhu cầu học tập, NC của SV”, Nhà trường đã chọn SV tốt nghiệp năm 2019. Theo đó, với tổng số 6016 SV thì có 4860 SV đánh giá “Tốt” chiếm 80,8%, có 910 SV đánh giá “Khá” chiếm 15,1%.

## 2. Điểm tồn tại:

Theo báo cáo TĐG, kiểm tra minh chứng và khảo sát thực tế cho thấy, nguồn tài liệu phục vụ cho giảng dạy, học tập của ngành có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. So với quy mô và tiềm lực của Nhà trường thì kinh phí dành cho bổ sung nguồn học liệu mới còn thấp.

## 3. Những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng:

Trong kế hoạch bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm, Nhà trường cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo cho CTĐT ngành KTĐK & TĐH.

Nhà trường cần nâng mức đầu tư cho thư viện để bổ sung nguồn học liệu, đặc biệt là học liệu số.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Mức đạt được của TC 9.2: Đạt (mức 4/7)

**Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

## 1. Điểm mạnh:

Để phục vụ việc ĐT, NCKH của GV và người học ngành KTĐK & TĐH, trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường thành lập Trung tâm thực hành - thí nghiệm (TH-TN) và ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường (*Quyết định*



số 2396/QĐ-ĐHV ngày 6/9/2019 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Vinh). Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ đào tạo ngành KTĐK & TĐH được đầu tư đồng bộ và hiện đại trong những năm gần đây, có đầy đủ các trang thiết bị máy móc, dụng cụ đặc thù cho ngành KTĐK & TĐH, đã được sơ đồ hóa phục vụ công tác quản lý và quy hoạch phát triển: gồm 30 phòng, có 7 phòng thực hành chuyên ngành và các phòng máy tính; như hệ thống thí nghiệm điện tử công suất, truyền động điện; hệ thống thực hành robot công nghiệp; hệ thống thực hành máy tính nhúng; hệ thống thực hành PLC S7-300,... Ngoài ra, Trường có 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m<sup>2</sup>. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần; mỗi phòng thực hành, thí nghiệm đều có nhật ký để lưu giữ dữ liệu về quá trình hoạt động, tình trạng sử dụng trang thiết bị; theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả việc sử dụng các trang thiết bị.

Hằng năm, theo kế hoạch của nhà trường và theo trình tự được quy định các thiết bị, máy móc của các phòng thực hành, thí nghiệm được Trung tâm TH-TN **cập nhật, duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu ĐT và NCKH**. Nhà trường đã dành một khoản kinh phí để bổ sung, duy tu, bảo dưỡng các phòng thí nghiệm, thực hành, trong đó có các phòng TH của CTĐT KTĐK & TĐH với tổng kinh phí 2,824,413,077 đồng. Trong đó, năm học 2015-2016: 555,166,154 đồng, 2016-2017: 587,940,769, 2017-2018: 492,778,462, 2018-2019: 558,960,000, 2019-2020: 629,567,692 đồng. Để nâng cao chất lượng hoạt động của trung tâm Thực hành thí nghiệm, hằng năm Nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị. Theo đó, người học và các bên liên quan đều cho rằng PTN, thực hành và trang thiết bị của Trung tâm TH-TN là phù hợp và cập nhật.

Hệ thống phòng thực hành thí nghiệm được quản lý bởi đội ngũ NV (Biên chế và Hợp đồng tính đến 6/2020 là 39 người, trong đó về trình độ: TS (02 người), Ths (25 người), ĐH (11), khác (01 người)). Đội ngũ này được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị (*Quyết định số 2396/QĐ-ĐHV ngày 6/9/2019 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Vinh*). Sự phục vụ của kỹ thuật viên đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và người học. Học kỳ 2 năm 2018-2019, khi khảo sát 12.845 SV thì có 9290 SV đánh giá là Tốt (chiếm 72,32%); có 2031 SV đánh giá là khá (chiếm 15,81%). Kết quả của học kỳ II năm học 2019-2020 cho thấy tốt hơn: có 91,8 % số người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” và “khá”. Riêng SV ngành KTĐK-TĐH thì năm học 2016-2017, có 716 SV được khảo sát: có 634 SV đánh giá “Tốt”, chiếm 88,55%; có 59 SV đánh giá “Khá”, chiếm 8,24%; năm học 2019-2020, có 492 SV được khảo sát: có 411 SV đánh giá “Tốt”, chiếm 83,54%; có 56 SV đánh giá “Khá”, chiếm 11,38%.

## 2. Điểm tồn tại:

Việc khai thác trang thiết bị hiện đại còn hạn chế, nhất là trong việc NCKH tần suất sử dụng còn hạn chế.

## 3. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng:

Nhà trường cần có kế hoạch tăng cường khai thác, sử dụng CSVC và trang thiết bị phục vụ cho Dạy, học và NCKH, chú trọng khai thác những thiết bị hiện đại trong NCKH để kết quả nhận được có hàm lượng khoa học cao hơn.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Mức đạt được của TC 9.3: Đạt (mức 4/7)

**Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.**

1. Điểm mạnh:

Trung tâm CNTT được Nhà trường thành lập có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ban Giám hiệu quản lý các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT. Hiện tại, Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,...phù hợp đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của đơn vị. Số lượng máy tính để bàn toàn Trường là 1046 bộ, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho hoạt động đào tạo là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và hành chính là 330 bộ, 26 máy chủ, nhiều phần mềm quản lý dạy, học và NCKH, 10 phòng họp trực tuyến. Ngoài ra, Nhà trường còn trang bị máy tính xách tay cho tất cả 572 CB quản lý, trưởng bộ môn, các trợ lý đào tạo và các GV có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu. Công tác quản lý của Trường thực hiện bởi các phần mềm có bản quyền, bao gồm hệ thống iOffice, CMC, LMS... Các dữ liệu về công tác quản lý của Nhà trường và hoạt động đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Trang thông tin điện tử chính thức của Trường là <http://vinhuni.edu.vn/>, trong đó trang subweb của Viện KT&CN là: <http://vienkctn.vinhuni.edu.vn/>, bộ môn Điều khiển tự động chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý ngành KTĐK&TĐH: <http://vienkctn.vinhuni.edu.vn/co-cau-to-chuc/bm-dieu-khien-tu-dong>. Tất cả CB, GV và SV toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng của trường: @vinhuni.edu.vn. Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác.

Trong giai đoạn 2016-2020, hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn và đã hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH. Nhà trường đã có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm quản lý các hoạt động toàn trường. Để góp phần quản lý hoạt động dạy - học, Nhà trường đã triển khai hệ thống dạy học trực tuyến E-Learning <http://elearning.vinhuni.edu.vn/> nhằm đa dạng hóa hình thức dạy học, phù hợp với xu thế thời đại và bối cảnh nền kinh tế tri thức 4.0, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Ngoài ra, hệ thống dạy học trực tuyến và phần mềm hỗ trợ quản lý dạy học LMS phục vụ tốt cho đào tạo bậc đại học và cao học ngành KTĐK & TĐH cũng như bồi dưỡng chuyên môn nghề nghiệp.

Nhà trường có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống CNTT trong toàn Trường. Các phòng máy và phòng họp trực tuyến đều có NV kỹ thuật của TT CNTT phụ trách (Biên chế gồm 06 người, trong đó về trình độ: TS (01 người), Ths (04 người), ĐH (01)). Mỗi phòng đều có sổ theo dõi việc vận hành và bảo trì phần cứng, phần mềm để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Viện Kỹ thuật và Công nghệ (trong đó có CTĐT ngành KTĐK & TĐH) được trang bị đủ máy tính phục công tác hành chính, toàn bộ giảng viên đã sử dụng các phần mềm để Dạy học (hệ thống LMS), đảm bảo tương tác trực tuyến giữa GV và người học nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã đầu tư một khoản kinh phí lớn cho cơ sở hạ tầng của hệ thống CNTT với 79.177.000.000 đồng; trong đó, năm học 2015-2016: 18.101.000.000 đồng, 2016-2017: 16.457.000.000 đồng, 2017-2018: 19.641.000.000 đồng, 2018-2019: 15.127.000.000 đồng, 2019-2020: 9.851.000.000 đồng.

Hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi người học và các bên liên quan trong trường về mức độ đáp ứng nhu cầu về ĐT và NCKH của hệ thống CNTT. Kết quả khảo sát cho thấy có 58,7% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên) và 22,8% đánh giá mức độ “khá” (đáp ứng từ 70-89%).

2. Điểm tồn tại:

Trong đào tạo và quản lý, nhà trường còn dùng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu phân tán do vậy nên hợp nhất các phần mềm. Qua phỏng vấn các bên liên quan cho thấy vẫn còn khá nhiều CBVC, GV và SV chưa sử dụng email mang tên miền riêng của Trường: @vinhuni.edu.vn để phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học.

3. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng:

Nhà trường cần có kế hoạch hợp nhất hệ thống phần mềm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu nhà trường được thống nhất. Nhà trường cần khuyến khích CBVC, GV và SV về việc sử dụng email do trường cấp.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Mức đạt được của TC 9.4: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.***

1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã căn cứ văn bản quy định của các cấp (Chính phủ, các bộ, ngành liên quan) và thực tiễn của CSGD để ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú; quy định đối với SV tại làng SV cơ sở II; quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong công tác quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với HS, SV trên môi trường mạng tại Trường Đại học Vinh (số 3852/KH-ĐHV ngày 03/11/2014, số 3775/KH-ĐHV ngày 09/10/2015, số 4458/QĐ-ĐHV ngày 26/11/2015, số 07/KH-ĐHV ngày 24/2/2016, số 45/KH-ĐHV ngày 08/11/2016, số 36/KH-ĐHV ngày 12/10/2017, số 539/KH-CTCTHSSV ngày 18/5/2018, số 38/KH-ĐHV ngày 05/10/2018, số 2116/QĐ-ĐHV ngày 21/8/2020).

Trên thực tế, các quy định tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn đã được Nhà trường triển khai thực hiện. Về môi trường, Nhà trường quan tâm đến hệ thống cây xanh để tạo không gian thoáng mát cho CB, GV, NV và người học; phong trào “Chủ nhật xanh” được phát động và thực hiện thường xuyên để tạo cảnh quan “xanh, sạch, đẹp”. Trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường để đảm bảo vệ sinh trong khuôn viên CSGD; định kỳ tổ chức các đợt tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường. Về công tác bảo vệ sức khỏe cho CB, GV, NV và người học luôn được Nhà trường quan tâm. Nhà trường có Trạm y tế với diện tích mặt bằng 505 m<sup>2</sup> diện tích sử dụng là 360 m<sup>2</sup>, được trang bị khá đầy đủ các thiết bị y tế, thuốc điều trị ban đầu cho người bệnh. Đội ngũ tại Trạm y tế gồm: 02 bác sĩ, 03 y sĩ, 03 y tá/điều dưỡng, 01 dược sĩ đại học, tất cả đều có chứng chỉ hành nghề. Trạm y tế thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tuyên truyền, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản. Hệ thống ký túc xá của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu của người học gồm 10 tòa nhà từ 03 đến 09

tầng với 811 phòng, bố trí cho gần 4.000 chỗ ở cho SV. Tỷ số diện tích trên người học tại ký túc xá là 5,3m<sup>2</sup>. Hệ thống sân bãi phục vụ cho hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ được Nhà trường đầu tư xây dựng với 06 sân bóng chuyên, 06 sân bóng đá mini, 01 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho CB, SV với tổng diện tích là 35.000m<sup>2</sup>, 01 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho CB, GV, NV và SV nhà trường. Về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường được BGH quan tâm. Lực lượng bảo vệ của Trường thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên được cung cấp các thông tin về tình hình trật tự, trị an, an ninh của địa phương nơi đơn vị đóng. Lực lượng bảo vệ được trang bị các phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu công việc, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Đầu năm 2018 đến nay, Nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sĩ để tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cho con người và CSVC, trang thiết bị của nhà trường. Công tác phòng chống bão lụt, PCCC của Nhà trường thực hiện nghiêm túc và đảm bảo các điều kiện theo quy định. Trường đã thành lập Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ (Quyết định số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017, số 308/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2018, số 2349/QĐ-ĐHV ngày 28/8/2019). Hệ thống PCCC được bố trí ở tất cả các tòa nhà làm việc, phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm, ký túc xá, hội trường,... Trong giai đoạn 2015-2020, Nhà trường đã 02 lần (tháng 6/2018 và tháng 5/2020) phối hợp với Phòng cảnh sát PC&CC số 1 của lực lượng Cảnh sát PC&CC tỉnh Nghệ An tổ chức tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp cho các đối tượng liên quan trong CSGD.

Năm học 2016-2017, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học của CSGD về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả phản hồi cho thấy, đối với công tác vệ sinh môi trường có 66,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt” (đáp ứng từ 90% trở lên), 25,6% đánh giá mức “khá” (đáp ứng từ 70-89%); đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 51,5% người học được khảo sát đánh giá mức “tốt”, 29,8% đánh giá mức “khá”; đối với công tác an ninh, trật tự của Nhà trường có 64,1% người học được khảo sát đánh giá mức độ “tốt”, 26,1% đánh giá mức “khá”. Kết quả khảo sát năm học 2017-2018 cho thấy mức độ hài lòng của người học cao hơn năm học 2016-2017: đối với công tác vệ sinh môi trường có 75,1% người học đánh giá mức độ “tốt”; đối với công tác chăm sóc sức khỏe có 68,2% người học đánh giá mức “tốt”; đối với công tác an ninh, trật tự có 76,6% người học đánh giá mức “tốt”.

## 2. Điểm tồn tại:

Các công trình xây dựng chưa chú ý thiết kế dành riêng ưu tiên cho đối tượng là người khuyết tật.

Nhà trường chưa lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan một cách thường xuyên và hệ thống về môi trường, sức khỏe và an toàn (chỉ lấy ý kiến SV năm học 2016-2017).

## 3. Khuyến nghị để cải tiến chất lượng:

Nhà trường cần chú ý đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu của đối tượng là người khuyết tật.

Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn để có cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Viện.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Mức đạt được của TC 9.5: Đạt (mức 4/7)

**Đánh giá chung tiêu chuẩn 9:**

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp hỗ trợ các hoạt động ĐT và NCKH. Viện Kỹ thuật và Công nghệ và CTĐT ngành KTĐK & TĐH được trang bị 04 phòng làm việc, Viện trưởng có phòng làm việc riêng rộng 20m<sup>2</sup>, được trang bị đầy đủ máy tính kết nối internet, máy in. Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào với tòa nhà 7 tầng có diện tích gần 9.275 m<sup>2</sup>. Số lượng sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, luận văn, luận án phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của CTĐT ngành KTĐK & TĐH tính đến năm học 2019-2020 có 383 đầu sách. Nhà trường có hệ thống CNTT bao gồm 18 phòng máy tính, nhiều phần mềm quản lý Dạy và học, trang thông tin điện tử, phòng họp/học trực tuyến; Trung tâm TH-TN có đội ngũ NV kỹ thuật chuyên nghiệp, thiết bị thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng, hằng năm được tăng cường trang bị nhiều thiết bị, máy móc hiện đại để đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH ngành KTĐK & TĐH: Hệ thống phòng thực hành-thí nghiệm rộng lớn, tính riêng đối với ngành KTĐK&TĐH gồm 30 phòng, có 7 phòng thực hành chuyên ngành và các phòng máy tính; như hệ thống thí nghiệm điện tử công suất, truyền động điện; hệ thống thực hành robot công nghiệp; hệ thống thực hành máy tính nhúng; hệ thống thực hành PLC S7-300,... Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí, phủ khắp khuôn viên của Trường..... đáp ứng công tác đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động khác của Nhà trường. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của Trường: Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác HS, SV và HV nội trú, ngoại trú;...Các quy định của Nhà trường đã được triển khai thực hiện trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư bố trí trang thiết bị; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản; phòng chống cháy nổ, bão lụt; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trong Trường. Nhà trường đã có kế hoạch và tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan về CSVC và trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, hoàn thiện.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Tuy nhiên, một số phòng học hiện đang sử dụng các bàn ghế quá cũ và chưa được trang bị hệ thống amply đầy đủ. Nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và NCS còn chưa được phong phú; giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập cho ngành KTĐK & TĐH có thời điểm chưa được cập nhật kịp thời. Nhà trường dành kinh phí cho bổ sung nguồn học liệu mới chưa nhiều (bình quân gần 106.000 đồng/SV/năm). Số lượng phần mềm dùng để phục vụ đào tạo và NCKH còn nhiều, nên CSDL bị phân tán. Nhà trường chưa thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, góp ý của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Nhà trường cần có kế hoạch bổ sung mới cho các phòng học mà bàn ghế quá cũ, bị hư hỏng, bổ sung thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập; Cần lập kế hoạch và tăng cường đầu tư kinh phí để cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hằng năm, Nhà trường cần ưu tiên nguồn tài liệu phục vụ đào tạo SDH và cập nhật các giáo trình, tài liệu tham khảo cho CTĐT ngành KTĐK & TĐH. Nhà trường có kế hoạch đánh giá, nâng cấp và hợp nhất hệ thống phần mềm, số hóa CSDL cũng như trang LMS nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho CB, GV sử dụng

phục vụ cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ hiệu quả hơn. Nhà trường cần định kỳ khảo sát ý kiến các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn làm cơ sở cải tiến chất lượng phục vụ tốt hơn cho các hoạt động ĐT, NCKH và quản lý trong Trường và Viện Kỹ thuật và Công nghệ.

## **X. Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng**

***TC 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.***

### **1. Điểm mạnh**

Việc rà soát, thiết kế và phát triển CTĐT của ngành KTĐK&TĐH được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó Nhà trường xây dựng hệ thống các văn bản quy định cụ thể nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTDH. Công tác lấy ý kiến của người học, cựu người học, các nhà tuyển dụng và chuyên gia giáo dục tại các trường đại học về CTĐT, chất lượng dạy học, kiểm tra đánh giá và chất lượng hỗ trợ người học thông qua phiếu khảo sát trực tiếp hoặc qua phần mềm khảo sát trực tuyến CMC. Bên cạnh đó, hằng năm thông qua các hoạt động như tổ chức đi thực tế, thực tập cho SV; Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và SV, Nhà trường, Viện đã thu thập thêm các thông tin phản hồi rất hữu ích, sát với yêu cầu thực tiễn được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

Trên cơ sở các thông tin phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường và Viện đã lựa chọn, xử lý làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH. Trong giai đoạn 2016-2020, CTĐT đã được rà soát, điều chỉnh vào các năm 2016, 2017, 2018. Theo đó, việc điều chỉnh và cải tiến CTĐT có chú ý đến việc tăng khối lượng thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề; tích hợp các nội dung kiến thức bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành gần (nhóm ngành) và năm 2018 đã điều chỉnh CTĐT theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp, tăng kỹ năng mềm cho SV nhằm đáp ứng theo nhu cầu xã hội.

### **2. Điểm tồn tại**

Qua phỏng vấn cho thấy, việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan nhằm thiết kế và phát triển CTDH chưa thật sự đầy đủ để làm căn cứ trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Trong các lần rà soát CTDH tập trung chủ yếu vào ý kiến của người học, các thông tin phản hồi từ cựu người học, các nhà sử dụng lao động còn hạn chế. Đây là những đối tượng có vai trò rất quan trọng trong việc góp ý để xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH; một số phương thức lấy ý kiến chưa chứng minh được độ tin cậy làm căn cứ để thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTĐT.

### **3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**

Nhà trường, Viện cần thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan đầy đủ hơn trong việc thiết kế, điều chỉnh và phát triển CTDH. Đặc biệt là ý kiến của các nhà sử dụng lao động, đại diện các tổ chức xã hội-nghề nghiệp và cựu người học; cần có quy trình xử lý dữ liệu phản hồi của các bên liên quan để chọn lọc được những thông tin tin cậy và giá trị làm căn cứ trong việc thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH. Bên cạnh đó, cần rà soát lại một số phương thức lấy ý kiến phản hồi để đảm bảo được tính hiệu quả.

### **4. Những điểm chưa rõ: Không**

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***TC 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến.***

1. Điểm mạnh

Trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình, Nhà trường đã ban hành Quyết định thành lập Ban xây dựng và phát triển theo CDIO cấp khoa (QĐ số 160/QĐ-ĐHV, ngày 08/3/2016); Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO (số 10/KH-ĐHV, ngày 08/3/2016); Hướng dẫn xây dựng CDR trình độ đại học (số 03/HD-ĐHV, ngày 19/4/2016); Hướng dẫn xây dựng CTĐT CDIO (số 10/HĐ-ĐHV, ngày 30/8/2016); Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của SV dựa trên CDR theo phương pháp tiếp cận CDIO (số 1447/ĐHV-ĐT, ngày 09/12/2016); Hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Mục tiêu, CDR CTĐT hệ chính quy theo tiếp cận CDIO năm học 2020-2021 (số 09/HD-ĐHV ngày 23/12/2000).

Theo đó, việc xây dựng và phát triển CTĐT thực hiện quy trình theo đúng các bước hướng dẫn của Bộ GD&ĐT (Khoản 1 điều 6 và khoản 1 điều 8 của Thông tư 07/TT-BGDĐT), CTĐT được thiết kế theo nhóm ngành, có quy định cụ thể về khối lượng kiến thức; cấu trúc của chương trình, cấu trúc của đề cương môn học dựa trên CDR. Việc xây dựng CDR đã được Nhà trường hướng dẫn, phân nhiệm cụ thể theo từng cấp độ: CDR cấp trường (cấp độ 1); CDR chung nhóm ngành (cấp độ 2); CDR CTĐT (cấp độ 3 và cấp độ 4) đồng thời ban hành quy trình xây dựng, hoàn thiện CDR CTĐT cấp độ 4. Căn cứ vào CDR của CTĐT được ban hành trong mỗi giai đoạn, Viện kết hợp với Trung tâm ĐBCL, Phòng đào tạo tiến hành xây dựng đề cương chi tiết, bài giảng và giáo trình phù hợp với CDR của chương trình trước khi được Hội đồng Nhà trường xem xét, đề xuất Hiệu trưởng ban hành.

Từ năm học 2016-2017, Nhà trường đã triển khai xây dựng CTĐT trình độ đại học theo tiếp cận CDIO. Trên cơ sở phân tích thông tin liên quan về chuẩn năng lực nghề nghiệp theo quy định, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến phản hồi của các bên liên quan, xu hướng vận động của ngành nghề và được tham khảo với các CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế như: ĐH Bách khoa Hà Nội; ĐH Bách khoa TP Hồ Chí Minh; ĐH Công nghệ Nanyang; ĐH Quốc gia Singapore, CTDH được rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cải tiến vào các năm 2016, 2017, 2018.

2. Điểm tồn tại

Nhà trường và Viện chưa thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của GV, cựu người học, các nhà sử dụng lao động, về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để làm cơ sở cải tiến và nâng cao chất lượng việc thiết kế và phát triển CTDH.

Mặc dù CTDH của Viện có sự đối sánh với các CTDH trong nước và quốc tế, tuy nhiên việc đối sánh còn mang tính hình thức, chủ yếu tập trung vào so sánh về các khối lượng kiến thức, chưa có đánh giá, chất lọc những ưu điểm của các chương trình được tham khảo để cải tiến và nâng cao chất lượng CTDH của Viện.

3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường và Viện cần tăng cường lấy ý kiến phản hồi của GV, cựu người học, các chuyên gia, các nhà sử dụng lao động về quy trình thiết kế và phát triển CTDH để làm cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng CTDH.

Viện cần quan tâm đến chiều sâu của việc đối sánh với các CTDH trong nước và quốc tế, để từ đó có thể đúc kết được những mặt mạnh, mặt hạn chế của chương trình giúp cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng CTDH.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

1. Điểm mạnh

Năm 2017, Nhà trường đã ban hành hành văn bản quy định rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập (số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017) làm cơ sở cho hoạt động rà soát, đánh giá quá trình dạy học, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học. Hoạt động rà soát đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập của người học tại trường ĐHV được Nhà trường phân nhiệm rõ ràng và cụ thể, thể hiện các quyết định về việc ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ của các Khoa, Viện, đơn vị hành chính ĐH Vinh (số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016 và số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019). Công tác rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc dưới các hình thức: họp tổng kết sau các kỳ thi, giám sát công tác ra đề, chấm thi, tổ chức đánh giá đề thi, phổ điểm của các môn học/học phần, các hình thức đánh giá đối với đặc thù mỗi môn học/học phần, giám sát quy trình thực hiện khoá luận tốt nghiệp,.... Quá trình rà soát, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được phân nhiệm rất cụ thể và thực hiện qua các hình thức: tổ chức dự giờ (kế hoạch, phiếu dự giờ, biên bản dự giờ), quản lý thông qua phần mềm CMC, Phòng thanh tra pháp chế là đơn vị chuyên trách chịu trách nhiệm giám sát giờ lên lớp của GV, kiểm tra thanh tra quá trình thi giữa kỳ, cuối kỳ. Nhà trường và Viện rà soát ĐCCT môn học và kiểm tra bài giảng của GV. Trung tâm ĐBCL có trách nhiệm phối hợp với Phòng đào tạo và các Viện tổ chức các hội thảo seminar trao đổi về công tác ĐBCL với nội dung cơ bản về quy trình dạy và học, quy trình KTĐG. Hằng năm GV đảm nhận các học phần có trách nhiệm rà soát và cập nhật nội dung giảng dạy, KTĐG phù hợp, đáp ứng nhu cầu thực tiễn dưới sự chỉ đạo của Trường và Viện.

Công tác rà soát, đánh giá quá trình dạy-học, KTĐG được thực hiện thường xuyên. Sau mỗi học kỳ Phòng CTCT-HSSV phối hợp với Viện tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan đến chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động KTĐG. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi đã được Nhà trường, Viện lựa chọn để điều chỉnh CTDH, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

2. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể và rõ ràng về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, KTĐG. Viện chưa có kế hoạch cụ thể để các Bộ môn triển khai rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, KTĐG; chưa phân tích kết quả học tập của người học để nâng cao chất lượng dạy và học, tư vấn, hỗ trợ cho người học.



Qua phỏng vấn cho thấy việc lấy ý kiến của cựu người học, doanh nghiệp về công tác dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được diễn ra thường niên.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần có văn bản hướng dẫn cụ thể và rõ ràng việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, KTĐG và phân nhiệm cụ thể đến từng đơn vị đào tạo; cần phân tích kết quả học tập của người học để nâng cao chất lượng dạy và học, tư vấn, hỗ trợ cho người học.

Viện cần lấy ý kiến của cựu người học, doanh nghiệp về công tác dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học thường xuyên hơn để có cơ sở điều chỉnh, cải tiến CTDH.

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.***

#### 1. Điểm mạnh

Trong 5 năm của giai đoạn đánh giá, một số GV của Viện đã tham gia và chủ trì một số đề tài NCKH các cấp liên quan đến việc dạy và học, KTĐG. Cụ thể: 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường. Các kết quả của đề tài liên quan đến việc xây dựng CTĐT ngành KTĐK&TĐH theo tiếp cận CDIO và nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, KTĐG các học phần của ngành KTĐK&TĐH theo tiếp cận CDIO; ....

Hầu hết các kết quả NCKH đều được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTDH. Điển hình như các đề tài: "Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Kỹ thuật điều khiển và Robotics theo tiếp cận CDIO"; "Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Tự động hóa công nghiệp theo tiếp cận CDIO"; "Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Lý thuyết điều khiển tự động theo tiếp cận CDIO";....

Các đề tài NCKH của GV thuộc Viện trong 5 năm của chu kỳ đánh giá sau khi nghiệm thu đã được Viện tổ chức báo cáo trước toàn đơn vị để tranh thủ sự góp ý của các GV trước khi áp dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV. Cụ thể kết quả của các đề tài "Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Thiết kế hệ điều khiển nhúng theo tiếp cận CDIO"; Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Nhập môn ngành kỹ thuật theo tiếp cận CDIO"; "Nâng cao chất lượng học phần Lý thuyết điều khiển tuyến tính";.... Bên cạnh đó, các kết quả thu được từ 03 đề tài NCKH cấp Trường có giải thưởng của SV thuộc lĩnh vực KTĐK-TĐH đã giúp cho NH hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức học tập và nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học.

#### 2. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn đánh giá, số lượng đề tài NCKH của GV và SV cũng như các đề tài liên quan hoạt động dạy và học còn hạn chế nên việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học còn rất ít. Bên cạnh đó, các kết quả NCKH được áp dụng, chuyển tải thành nội dung/chuyên đề dạy và học trong CTDH còn khiêm tốn và thiếu các đề tài NCKH hợp tác với các cơ sở đào tạo mạnh trong nước và quốc tế.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường và Viện cần bổ sung lĩnh vực nghiên cứu giáo dục vào chiến lược khoa học công nghệ của Trường và Viện và có các chính sách để khuyến khích GV, SV thực hiện các đề tài thuộc lĩnh vực này, đồng thời có thêm các chính sách để GV, SV sử dụng các kết quả NCKH vào các nội dung dạy và học, cải tiến PPDH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Viện cần có các dự án NCKH hợp tác trong và ngoài nước.

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành Quy định về quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (Quyết định số 5007/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2015) và triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã cụ thể hóa hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trong một số văn bản: Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường ĐH Vinh (số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016; Kế hoạch triển khai thực hiện khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017-2018 (số 38/KH-ĐHV ngày 23/10/2017); kế hoạch năm học của trường.

Trên cơ sở các quy định đã ban hành, Nhà trường thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện; phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn người học, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa,...). thông qua công tác lấy ý kiến phản hồi SV và cựu SV; công tác kiểm kê định kỳ hằng năm; sinh hoạt lớp; ý kiến phản hồi của GV và SV về CSVC; sổ theo dõi phòng học. Ngoài ra, đối với dịch vụ hỗ trợ của các Trung tâm (Trung tâm thư viện, Trung tâm thực hành thí nghiệm, Trung tâm công nghệ thông tin,...), Nhà trường đánh giá trực tiếp thông qua Hội nghị tổng kết học kỳ, tổng kết nhiệm vụ năm học. Hội nghị sẽ đánh giá tất cả tình trạng của các trang thiết bị thực hành thí nghiệm, hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin, tình trạng học liệu của thư viện và các dịch vụ hỗ trợ. Các hoạt động tư vấn người học, công tác SV, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa cũng được đánh giá thông qua Báo cáo tổng kết năm học của các Trung tâm hỗ trợ (Trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm cứu hộ máy tính).

Trong 5 năm của giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã có những cải tiến về chất lượng, nâng cấp về số lượng các dịch vụ hỗ trợ SV nhằm phục vụ, hỗ trợ cho người học. Về CNTT, hiện nay tất cả hệ thống máy tính được nối mạng internet, mạng ổn định, wifi phủ toàn trường và sử dụng miễn phí. Ngoài ra, đã trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả trong các hoạt động quản lý của Nhà trường; nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ cho công tác dạy và học. Về thư viện, hiện nay đã số hóa khoảng 65% các học liệu của Trường.

#### 2. Điểm tồn tại

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, NV và người học về chất lượng của các hoạt động hỗ trợ và các dịch vụ tiện ích khác của CSGD. Tuy nhiên, báo cáo kết

qua khảo sát chỉ đơn thuần là báo cáo tổng hợp bao gồm các con số và tỷ lệ %, báo cáo thiếu sự phân tích, đánh giá và so chiếu giữa các năm học để thấy được những điểm cần cải tiến, những nội dung cần khắc phục trong thời gian đến làm cơ sở cho các đơn vị chức năng có kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Các báo cáo tổng hợp kết quả ý kiến phản hồi các bên liên quan cần được CSGD phân tích, đánh giá, so chiếu để đưa ra những nhận xét, khuyến nghị cho các đơn vị chức năng có kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.***

#### 1. Điểm mạnh

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong và ngoài CSGD được Nhà trường thực hiện đảm bảo tính hệ thống. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các Viện/Khoa, đơn vị hành chính ĐH Vinh (QĐ số 2106/QĐ-ĐHV ngày 01/8/2012; QĐ số 2396/QĐ-ĐHV ngày 06/9/2019; QĐ số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016), Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của người học và các đối tượng liên quan trong việc cải tiến, phát triển CTDH và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường, Phòng TCCB có nhiệm vụ nắm bắt tâm tư nguyện vọng, các vấn đề phản hồi của đội ngũ GV; Trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp là đơn vị chuyên trách có nhiệm vụ thu thập thông tin của cựu người học và doanh nghiệp.

Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động của Trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá một cách nghiêm túc và được phân nhiệm cụ thể, rõ ràng. Cụ thể, Phòng CT HSSV phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm thu thập được các thông tin hữu ích, có chất lượng. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi được Phòng CT HSSV cùng với các đơn vị liên quan tổng hợp, báo cáo với BGH và gửi đến các đơn vị liên quan để áp dụng các biện pháp cải tiến chất lượng sau khi được phê duyệt.

Từ năm 2015 trở đi, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến nên các thông tin thu được có tính trung thực, tức thời và hiệu quả hơn, Nhà trường thực hiện đa dạng hóa việc lấy ý kiến phản hồi và mở rộng đối tượng được lấy ý kiến phản hồi. Ngoài việc định kỳ hàng năm, Nhà trường thực hiện lấy ý kiến cán bộ, viên chức thông qua "Hội nghị công chức, viên chức" cấp Trường, cấp Khoa/Viện và lấy ý kiến phản hồi của người học thông qua Hội nghị dân chủ SV, phiếu hỏi và phần mềm quản lý đào tạo CMC như trước đây, Nhà trường còn lấy ý kiến thông qua các Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và SV; Đại hội chi đoàn hàng năm; Hội nghị cán bộ trẻ; diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng; mạng xã hội (Frampage facebook) của Nhà Trường và của Viện.

#### 2. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan chưa đảm bảo độ tin cậy, chưa có phân tích một cách bài bản; chưa đối sánh ý kiến của các bên liên quan để làm cơ sở cho việc

cải tiến; Trung tâm ĐBCL chưa có các hoạt động cụ thể để giám sát sự cải tiến của các đơn vị sau khi nhận kết quả phản hồi từ các bên liên quan.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần có quy trình phân tích, chọn lọc, đối sánh các thông tin phản hồi để đảm bảo các thông tin thu được có độ tin cậy; cần quán triệt và có biện pháp chế tài để các đơn vị thực hiện có hiệu quả việc điều chỉnh, cải tiến các thông tin phản hồi của các bên liên quan sau khi được phân tích và chọn lọc.

### 4. Những điểm chưa rõ: Không

### 5. Đánh giá mức đạt được của tiêu chí: Đạt (mức 4/7)

#### **Đánh giá chung tiêu chuẩn 10:**

##### - Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định cụ thể nhằm thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc xây dựng và phát triển CTĐT thực hiện quy trình theo đúng các bước hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh việc sử dụng các thông tin phản hồi để thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường còn đối sánh, tham khảo CTĐT của các trường đại học uy tín trong nước và quốc tế. Trong 5 năm của giai đoạn đánh giá, Viện đã thực hiện các đề tài NCKH: 03 đề tài cấp Bộ, 12 đề tài cấp trường. Các kết quả của đề tài liên quan đến việc xây dựng CTĐT ngành KTĐK&TĐH theo tiếp cận CDIO và nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, có 03 giải thưởng NCKH cấp trường của SV.

Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của CSGD. Chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được Nhà trường giám sát, đánh giá và đã có những cải tiến về chất lượng, nâng cấp về số lượng các dịch vụ hỗ trợ nhằm phục vụ, hỗ trợ cho người học. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trong và ngoài CSGD được Nhà trường thực hiện đảm bảo tính hệ thống; triển khai rà soát các chính sách, thủ tục, quy trình, hướng dẫn hoạt động ĐBCL của Trường.

##### - Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan nhằm thiết kế và phát triển CTDH chưa thật sự đầy đủ, chưa đảm bảo độ tin cậy để làm cơ sở cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Bên cạnh đó, CTDH của Viện có sự đối sánh với các CTDH trong nước và quốc tế, tuy nhiên việc đối sánh còn mang tính hình thức, chủ yếu tập trung vào so sánh về các khối lượng kiến thức, chưa có đánh giá, chất lọc những ưu điểm của các chương trình được tham khảo để cải tiến và nâng cao chất lượng CTDH của Viện. Số lượng đề tài NCKH được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề dạy và học trong CTDH còn khiêm tốn nên việc sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của người học còn ít và thiếu các đề tài NCKH hợp tác với các cơ sở đào tạo mạnh trong nước và quốc tế.

Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan chỉ đơn thuần là báo cáo tổng hợp bao gồm các con số và tỷ lệ %, thiếu sự phân tích, đánh giá và so chiếu giữa các năm học để thấy được những điểm cần cải tiến, những nội dung cần khắc phục trong thời gian đến làm cơ sở cho các đơn vị chức năng có kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Các thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm thiết kế và phát triển CTDH cần có đầy đủ các bên liên quan cần thiết. Các ý kiến phản hồi cần được phân tích, đối sánh để chọn lọc được các thông tin cần thiết, đảm bảo độ tin cậy để làm cơ sở cho việc thiết kế và phát triển CTDH. Bên cạnh đó, Nhà trường cần có các biện pháp để giám sát sự cải tiến của các đơn vị sau khi thu thập kết quả phản hồi từ các bên liên quan. Các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cần có sự phân tích, đánh giá và so chiếu giữa các năm học để thấy được những điểm đã cải tiến, những nội dung cần khắc phục trong thời gian đến, làm cơ sở cho các đơn vị chức năng có kế hoạch khắc phục và cải tiến chất lượng.

Nhà trường và Viện cần bổ sung lĩnh vực nghiên cứu giáo dục vào chiến lược khoa học công nghệ của Trường và Viện; cần có các chính sách để khuyến khích GV thực hiện các đề tài thuộc lĩnh vực này, đồng thời có thêm các chính sách để GV sử dụng các kết quả NCKH vào các nội dung dạy và học, cải tiến PPDH. Bên cạnh đó, Nhà trường, Viện cần có sự hợp tác NCKH với các đơn vị trong và ngoài nước.

**XI. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

***TC 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. Điểm mạnh TC 11.1

Nhà trường có ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy (QĐ số 1291/QĐ-ĐHV, ngày 15/8/2016). Ngay từ khi nhập học SV được cấp mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin, địa chỉ email thống nhất cho toàn khóa học. Vì vậy cơ sở dữ liệu người học tham gia CTĐT được hệ thống theo dõi tiến độ học tập của SV qua CVHT, trợ lý quản lý SV, trợ lý đào tạo của Viện do 1 lãnh đạo khoa trực tiếp chỉ đạo, trên cơ sở phối hợp với Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL. Trong hệ thống đó tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập, danh sách thôi học, tốt nghiệp cũng được cập nhật hằng năm và được quản lý bằng phần mềm quản lý đào tạo CMC (Số 4123/ĐHV-ĐT, ngày 02/11/2015). Trong chu kỳ đánh giá, tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành KTĐK&TĐH hoàn thành khóa học từ 5 đến 8 năm đạt mức trung bình khá, đạt 80%. Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (5 năm) đạt ở mức trung bình 5 năm là 73.4%, Chưa có SV nào tốt nghiệp trước thời hạn 5 năm. SV tốt nghiệp muộn (hơn 5 năm), trong giai đoạn đánh giá dao động từ 17.7% đến 24.6%, trung bình của 4 khóa là 27,2%. Tỉ lệ thôi học những năm vừa qua luôn ở mức cao từ 27% đến 28.1%, trong đó K53 cao nhất là 29 SV, chiếm 28.1%. Tính chung trong giai đoạn từ 2017 đến 2020, tỉ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học của ngành bình quân là 27,2% (SV bỏ học/ SV nhập học là 131/481).

Viện đã tìm hiểu nguyên nhân chủ yếu SV bỏ học: i) Không phù hợp với ngành kỹ sư KTĐK&TĐH, ii) Có cơ hội học ngành nghề khác phù hợp hơn, iii) Năng lực không đáp ứng, iv) Thôi học để đi làm,... Nhà trường, Viện đã có nhiều giải pháp, hoạt động tư vấn hỗ trợ SV như phát triển năng lực (hoạt động tình nguyện nâng cao nhận thức xã hội, hoạt động Đoàn, Hội làm phong phú đời sống tinh thần và không gian trải nghiệm, các loại hình câu lạc bộ, xây dựng quỹ học bổng từ NTD, doanh nghiệp, từ nhà tài trợ, giới thiệu việc làm, trao đổi tư vấn,

thông tin,...). Đặc biệt, Nhà trường đã bổ sung môn học phần “Nhập môn ngành KTĐK&TĐH” và từ năm 2018 CTĐT theo CDIO, giúp SV định hướng, hiểu biết ngành nghề.

Viện đã đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp của KTĐK&TĐH với các ngành khác trong trường cho thấy bình quân trong giai đoạn đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp ở mức tương đương và tỉ lệ thôi học ở mức thấp hơn. Giai đoạn 2016-2020, ngành KTĐK&TĐH có tỉ lệ SV còn lại tốt nghiệp đúng 5 năm/SV thôi học là 73.4%/27,2%; ngành KTĐK&TĐH là 68%/17,9%.

## 2. Điểm tồn tại

Tỉ lệ thôi học của SV luôn ở mức cao, 4 khóa liền kề K53, K54, K55 và K56 luôn ở mức lân cận 27% và tập trung chủ yếu ở 3 năm đầu, đặc biệt là K54 nhập học 144 SV, nhưng đã bỏ học đến 39 SV. Mặc dù Viện đã phân tích và tìm giải pháp cải thiện nhưng hiệu quả mang lại chưa rõ ràng, biến động theo chiều tăng.

Có SV bỏ học nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, có thể điểm tuyển sinh đầu vào thấp, nên SV không đủ năng lực theo chương trình học tập, do học lực còn yếu,... là những lý do có thể cải thiện được, nhưng các hỗ trợ, tư vấn của Viện vẫn chưa mang lại hiệu quả để giảm tỉ lệ SV thôi học.

Nhà trường, Viện chưa dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi cải tiến chất lượng; hỗ trợ người học tốt nghiệp một cách hiệu quả, chưa tổ chức đối sánh với các CTĐT của các trường đại học có đào tạo KTĐK&TĐH tương tự trong nước như ĐH Công nghiệp Hà Nội, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Bách khoa - ĐHQĐ và nước ngoài về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường và Viện cần xây dựng sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn cho người học sau khi thôi học.

Nhà trường và Viện cần nghiên cứu dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để đề xuất các biện pháp khả thi nhằm cải tiến chất lượng, hỗ trợ người học tốt nghiệp hiệu quả hơn.

Nhà trường và Viện cần tổ chức đối sánh về tỉ lệ SV thôi học và tốt nghiệp với các trường đại học kỹ thuật trong nước và nước ngoài. Sử dụng tốt kết quả thống kê tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học hằng năm để điều chỉnh chương trình và phương pháp dạy học, điều chỉnh hoạt động đào tạo của Viện trong giai đoạn tiếp theo.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Đánh giá mức đạt được của TC: Đạt (mức 4/7).

***TC 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

### 1. Điểm mạnh

Nhà trường và Viện chỉ đào tạo ngành KTĐK&TĐH chính quy và đã xây dựng kế hoạch đào tạo một khóa chuẩn là 5 năm, tối đa không quá 8 năm và từ khóa K57 giảm xuống còn 4,5 năm. Trong đó có xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT, thông báo tới SV bằng nhiều hình thức (sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân, CVHT,...) để SV chủ động hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp đúng tiến độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về quá trình tích lũy học phần, tín chỉ và điều kiện tốt nghiệp. Viện phối hợp với CVHT

nhắc nhở SV nắm thông tin, chủ động lên kế hoạch học tập cá nhân; tư vấn cho SV lựa chọn môn học tương đương thay thế cho các môn học còn nợ. Nhà trường và Viện có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của SV; đã đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT KTĐK&TĐH với CTĐT CNTP của Nhà trường và cho thấy ngành KTĐK&TĐH có thời gian tốt nghiệp trung bình cao nhất. Giai đoạn đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTĐK&TĐH là 5,3 năm. Khóa K54, K55 thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTĐK&TĐH là 5,33 và 5,45 năm; khóa K56 thì tốt nhất cũng là 5,24 năm.

Viện đã chú trọng tìm hiểu nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn chủ yếu là do năng lực ngoại ngữ B1 chưa đạt chuẩn quy định, chưa có chứng chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng,... Viện đã giám sát tiến độ học tập, thường xuyên thống kê, theo dõi và tư vấn lựa chọn học phần phù hợp, đổi mới phương pháp học tập cho các trường hợp chậm tiến độ, học lực yếu. Đặc biệt đối với SV dân tộc thiểu số Viện đã phân công SV khá giỏi kèm cặp (tutor) hỗ trợ chuyên môn và tiếng Việt.

Trong các cuộc họp thường kỳ, Viện đã có những báo cáo đánh giá tình hình học tập của SV, đề xuất các biện pháp hỗ trợ và tư vấn SV một cách hiệu quả nhất. Nhờ đó đã rút ngắn được thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành KTĐK&TĐH trong khóa tốt nghiệp năm 2020 (K56) đạt 5,24 năm.

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường và Viện chưa ban hành quy định về các điều kiện để có thể học vượt, chưa hướng dẫn học vượt; chưa có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (5 năm) xấp xỉ 73%, biến động không có quy luật, thể hiện việc cải tiến không đạt hiệu quả. Từ 87% (K53) lên 80,9% (K54), rồi lại xuống 56,4% (K55), tăng lên 70,2% (K56),

Nhà trường và Viện chưa tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường và Viện Kỹ thuật và Công nghệ nên nghiên cứu đặt mục tiêu rút ngắn thời gian học của SV, nên có quy định các điều kiện để có thể học vượt, hướng dẫn, tổ chức học vượt, quy định CVHT đơn đốc, tư vấn để SV cải thiện kết quả học tập và nâng cao chất lượng.

Nhà trường và Viện cần có giải pháp hiệu quả hơn để khuyến khích SV tốt nghiệp trước thời hạn và đặc biệt tốt nghiệp đúng hạn 5 năm; có quy định nhiệm vụ rõ ràng cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình; tổ chức học vượt, quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình; có nhật ký tư vấn/hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Viện cần tổ chức đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước để có các giải pháp cải tiến CTĐT và phương pháp đào tạo.

## 4. Những điểm chưa rõ: Không

## 5. Mức đạt được của TC 11.2: Đạt (mức 4/7).

***TC 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

**1. Điểm mạnh**

Nhà trường đã triển khai thực hiện điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp (QĐ 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016, QĐ 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 và QĐ 2396/QĐ-ĐHV, ngày 06/9/2019). Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp là đơn vị chủ trì làm đầu mối phối hợp với Viện và các bộ phận chức năng thu thập thông tin, khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp sau 1 năm theo quy định (QĐ 510/QĐ-ĐHV, ngày 17/5/2016 và QĐ 1106/ĐH-ĐHV, ngày 06/6/2018) với các nội dung theo Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Để nắm sát thực tế hơn Viện đã giao cho trợ lý quản lý SV phối hợp cùng Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp thực hiện việc khảo sát SV sau tốt nghiệp. Nhà trường đã sử dụng các hình thức: khảo sát qua mạng internet, qua thư tín, điện thoại, phỏng vấn trực tiếp. Thông tin phản hồi được nhập vào phần mềm quản lý của hệ thống.

CSDL về người học có thống kê, lưu trữ danh sách và có hệ thống theo dõi tình trạng việc làm của người học tốt nghiệp. Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp năm 2016 đến 2020 lần lượt là 54,5%, 75,2%, 83,8%, 83,2% và 84,9%. Tỷ lệ SV có việc làm có xu hướng tăng và giữ ổn định khoảng 80%, trong đó chủ yếu là làm trong khu vực tư nhân, một số ít tự tạo việc làm, đặc biệt trong khu vực có yếu tố nước ngoài ngày càng tăng và chiếm số cao nhất trong các ngành đào tạo của Nhà trường. Tỷ lệ SV KTĐK&TĐH làm việc trong khu vực tư nhân và tự tạo việc làm chiếm trên 95%.

Đối sánh với các ngành đào tạo kỹ sư khác trong trường cho thấy ngành KTĐK&TĐH có tỷ lệ SV có việc làm đạt ở mức nhóm khá cao của Trường, tương đương với các ngành CNTT và KTXD. Ngành KTĐK&TĐH có tỷ lệ việc làm tương ứng là 87,7%, 95,6%, 77,6%, và 79,7%; KTXD lần lượt là 83%, 93,9%, 81,5% và 74,2%

Nhà trường, Viện đã có các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của SV như tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín, giao lưu, nói chuyện chuyên đề với các doanh nhân, thông tin việc làm; tổ chức Ngày hội việc làm tại trường.

Đoàn ĐGN đã khảo sát 3 khóa SV ngành KTĐK&TĐH (K53, K54, K56) gồm 162 cựu SV, kết quả là tỷ lệ có việc làm/đúng ngành lần lượt là 100%/53%; 100/50% và 90%/67%.

**2. Điểm tồn tại**

Nhà trường và Viện có số liệu thống kê SV tốt nghiệp có việc làm theo khu vực làm việc nhà nước, tư nhân, tự tạo việc làm, có yếu tố nước ngoài,... nhưng chưa có đủ thống kê, lưu trữ đầy đủ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác; chưa dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Viện chưa thực hiện đối sánh về tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp và thu nhập với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước; chưa khảo sát, trao đổi với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết, hợp tác giữa hai bên. Viện chưa sử dụng hiệu quả các thông tin về tình hình và đối sánh việc làm của SV tốt nghiệp để cải tiến chất lượng.

**3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng**



Để nâng cao chất lượng, tỉ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp CTĐT KTĐK&TĐH, Nhà trường và Viện cần phân công thật rõ ràng các công việc liên quan đến việc làm của SV tốt nghiệp (bao gồm lập kế hoạch hành động nâng cao khả năng có việc làm của SV, theo dõi, khảo sát, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, việc làm và thu nhập của SV sau tốt nghiệp, kết nối với nhà sử dụng lao động trong phát triển, cải tiến các hoạt động dạy học hướng đến đạt CĐR, hỗ trợ SV tìm kiếm và tự tạo việc làm, xây dựng, cập nhật và quản lý CSDL về việc làm người học tốt nghiệp, ...), dự đoán xu thế về việc làm (nhu cầu về số lượng, chất lượng lao động, mức thu nhập...).

Nhà trường và Viện cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng bổ sung thêm Nhập môn ngành (chuyên ngành KTĐK&TĐH), tăng thêm học phần tự chọn với kiến thức cập nhật phù hợp thị trường lao động ngành KTĐK&TĐH, nâng cao thêm kỹ năng nghiên cứu, kiến tập, thực tập để nâng cao khả năng có việc làm, khả năng khởi nghiệp của người học; cần thống kê, lưu trữ danh sách người học tốt nghiệp về vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác và đưa thông tin này vào CSDL; cần thu thập, phân tích ý kiến tất cả các bên liên quan thường xuyên hơn; cần tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo và thực hiện các phương án hỗ trợ người tốt nghiệp có việc làm, tự tạo việc làm tốt hơn.

Phỏng vấn các nhà SDLĐ cho thấy Nhà trường và Viện cần phát triển các năng lực và kỹ năng sau đây của người học để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thị trường: (1) các kỹ năng làm việc nhóm; (2) kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, chịu áp lực, thích nghi với sự biến động của thị trường; (3) kỹ năng CNTT, ngoại ngữ (4) kỹ năng xử lý tình huống.

4. Mức đạt được của TC 11.3: Đạt (mức 4/7).

***TC 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. Điểm mạnh TC 11.4

Nhà trường có kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN, trong đó có đề cập hoạt động NCKH của SV (QĐ 393/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2017 và 766/QĐ-ĐHV, ngày 31/8/2018); khuyến khích SV tham gia NCKH bằng nhiều phương thức như: thực hiện các đề tài NCKH SV theo kinh phí trường cấp, tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, CLB khoa học, giải thưởng SV NCKH Trường ĐH Vinh và các giải thưởng KH&CN trong và ngoài nước, ứng dụng tiến bộ KH&CN, bài báo đăng trên các tạp chí khoa học; tổ chức hội nghị khoa học SV cấp trường, tổ chức hội thảo khoa học cấp khoa,... Hoạt động NCKH của SV được quản lý theo Chương 4 của Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường ĐHV (QĐ số 480/QĐ-ĐHV, ngày 09/5/2016).

Trong giai đoạn 2016–2020, SV của Khoa đã thực hiện một số đề tài NCKH dưới sự hướng dẫn của các GV của Viện, cũng như tham gia các đề tài NCKH các cấp của GV... với 14 SV tham gia chiếm tỉ lệ bình quân 4% (trong 4 năm). Các đề tài tập trung vào lĩnh vực tự động điện, ngôi nhà thông minh, năng lượng tái tạo,...

Nhà trường giao nhiệm vụ cho Phòng KH&HTQT theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV. Hàng năm có thống kê, đánh giá báo cáo tổng kết và báo cáo Bộ GD&ĐT về hoạt động KH&CN. Đặc biệt, trong giai đoạn đánh giá có một số NCKH có chất lượng và đạt được 3 giải thưởng cấp Trường ở các Hội nghị Nghiên cứu khoa học SV và công bố được 1

bài báo trên tạp chí ISI/Scopus (cùng với GV hướng dẫn) và Kỷ yếu Hội nghị SVNCKH của trường.

Đối sánh với ngành CNTP cho thấy số SV tham gia NCKH, số đề tài của SV, số bài báo khoa học, số giải thưởng SVNCKH thì ngành KTĐK&TĐH thấp hơn.

Nhờ hợp tác với các doanh nghiệp lớn liên quan đến chuyên ngành Điện, Điện tử, Tự động, ... nên SV có những điều kiện tiếp cận với thực tế sản xuất và những đòi hỏi bức thiết để nghiên cứu cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng với xu thế phát triển của thời đại, đặc biệt trong giai đoạn kỹ nguyên số này.

## 2. Điểm tồn tại

Nhà trường và Viện chưa sử dụng hết 3% từ nguồn thu học phí cho SV NCKH nên tỉ lệ SV hàng năm tham gia hoạt động NCKH chưa tương xứng với tiềm năng. Ngoài ra từ năm 2018 nhà trường chuyển đổi mô hình SVNCKH bằng chỉ triển khai “Giải thưởng SV NCKH” (Công văn 376/ĐHV-KHHTQT, ngày 13/4/2018) với 4 lĩnh vực Khoa học Giáo dục; Kinh tế - Luật; Tự nhiên, Kỹ thuật, Công nghệ và Khoa học xã hội và Nhân văn nên số SV ngành KTĐK&TĐH tham gia NCKH thấp, chưa tương xứng với năng lực và cơ hội hợp tác với doanh nghiệp. Số kinh phí chi cho NCKHSV mỗi năm của trường rất thấp và từ 2018 chỉ chi cho giải thưởng (bình quân 220 triệu đồng).

Nhà trường, Viện chưa xây dựng dữ liệu về việc tổ chức các hội nghị tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH của người học; chưa phát triển hợp tác với các doanh nghiệp ở khu vực phía Nam – nơi có CNH của Viện làm việc để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội; chưa thực hiện đối sánh loại hình, số lượng và kết các hoạt động nghiên cứu của người học CTĐT ngành KTĐK&TĐH với các CTĐT tương tự trong các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới.

## 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Nhà trường cần áp dụng nhiều giải pháp phù hợp để đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, tăng tỉ lệ SV tham gia thực hiện đề tài NCKH, số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học, tuyển tập hội nghị khoa học các cấp; cần có kế hoạch/chiến lược phát triển KHCN trong đó xác lập được các loại hình nghiên cứu và số lượng các hoạt động NCKH cho người học tương thích với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và CĐR của CTĐT; nên thu thập và cung cấp thông tin về nhu cầu thực tiễn và xây dựng các hướng/đề tài/nhiệm vụ KHCN tạo ra các sản phẩm, đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần thực hiện CĐR CTĐT để GV, SV nghiên cứu giải quyết, nâng cao hiệu quả, tính ứng dụng thực tiễn NCKH SV;

Nhà trường cần sử dụng đủ 3% từ nguồn thu học phí cho NCKH SV; cần chú trọng tăng cường liên kết, hợp tác với các bên liên quan, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trường trung học phổ thông để tạo nhiều cơ hội cho SV NCKH, phục vụ xã hội, cải tiến và nâng cao hiệu quả NCKH SV.

Nhà trường, Viện cần đối sánh hàng năm các loại hình, số lượng và kết quả hoạt động NCKH của người học CTĐT ngành SP Địa lý với các CTĐT tương tự trong Nhà trường, với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để để cải tiến chất lượng và số lượng NCKH SV.

4. Những điểm chưa rõ (Không)
5. Mức đạt được của TC: Chưa đạt (mức 3/7).

***TC 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.***

1. Điểm mạnh

Nhà trường có Trung tâm Hỗ trợ SV và QH doanh nghiệp và Phòng CTCT-HSSV được giao nhiệm vụ lấy ý kiến phản hồi từ người học theo quy định về quy trình/phương pháp, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan (QĐ số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016). Từ năm 2019, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của trường ĐH Vinh, trong đó quy định rõ trách nhiệm khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cho các bộ phận chức năng theo hệ thống ĐBCL bên trong (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019). Việc lấy ý kiến phản hồi của SV được tổ chức định kỳ (mỗi năm 2 lần, riêng năm 2016 1 lần) và bằng phiếu khảo sát online (qua trang web của trường), gửi qua thư tín và phỏng vấn trực tiếp. Kết quả được nhập vào phần mềm khảo sát và xử lý phân tích. Nội dung khảo sát bao gồm 4 nhóm: i) CTĐT, ii) Hoạt động giảng dạy của GV, iii) Tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất, iv) Mức độ đáp ứng mong đợi của SV (BC số 43/BC-ĐHV, ngày 14/9/2017, 44/BC-ĐHV, ngày 29/8/2018, 16/BC-ĐHV, ngày 26/3/2019, 51/BC-ĐHV, ngày 31/7/2019 và 09/BC-ĐHV, ngày 26/02/2020). Kết quả thống kê cho thấy tỉ lệ đánh giá tốt các chỉ số CTĐT đạt từ 67,1% đến 73%; đánh giá cho các chỉ số hoạt động giảng dạy của GV với mức độ đáp ứng khá và tốt (từ 65% đến 100%) đạt từ 89% đến 97,2%. Trong đó mức tốt (mức độ đáp ứng trên 80%) đạt từ 82,6% đến 90,2%. Mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63-70%. Nhà trường có cơ chế và hình thức khác nhau để CB, GV được bày tỏ ý kiến về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, cơ sở vật chất, về các mặt hoạt động khác của Nhà trường, Viện thông qua hội nghị CBVC hàng năm, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn thường kỳ. Các ý kiến phản ánh hợp lý được Nhà trường, Viện tiếp thu đưa vào kế hoạch để điều chỉnh kịp thời. Kết quả cải tiến được xác minh, đánh giá qua kỳ họp hoặc hội nghị. Đánh giá của NTD chủ yếu thông qua những cuộc họp tổng kết mỗi kỳ kiến tập, thực tập, hội thảo (Số 4972/KH-ĐHV, ngày 28/12/2015, Số 54/KH-ĐHV, ngày 23/12/2016, Số 52/KH-ĐHV, ngày 07/12/2017, Số 56/KH-ĐHV, ngày 07/12/2018) hay các buổi làm việc trong ngày hội việc làm thường niên.

Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động ĐBCL, trong đó có các quy định về quy trình, công cụ và tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức (QĐ số 584/QĐ-ĐHV, ngày 26/3/2019). Qua phỏng vấn trực tiếp NTD cho thấy họ đánh giá SV tốt nghiệp KTĐK&TĐH có kiến thức vững, rất chịu khó, cần cù, trách nhiệm với công việc, đoàn kết, giúp đỡ nhau; so với SV tốt nghiệp từ trường ở Hà Nội thì năng lực tương đương.

Trên cơ sở kết quả khảo sát đó, Nhà trường đã tham khảo cải tiến CTĐT ngành KTĐK&TĐH, như đổi mới nội dung các học phần về chuyên ngành, tăng cường thực hành dạy học, học theo dự án (PBL), đầu tư hạ tầng CNTT, cải tạo không gian học tập,...

2. Điểm tồn tại

Phương pháp đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường, Viện chỉ mới tập trung cho SV đang theo học. Chưa có khảo sát một cách

có hệ thống khảo sát sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan (cựu người học, nhà SDLĐ, CBQL, các tổ chức xã hội nghề nghiệp) về CTĐT, kết quả đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức. Nhà trường và Viện chưa đối sánh việc lấy ý kiến mức độ hài lòng của các bên liên quan của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

Kết quả khảo sát SV cho thấy tỉ lệ chưa hài lòng về các chỉ số CTĐT vẫn còn đạt từ 27% đến 33%; các chỉ số giảng viên chưa hài lòng từ 24% đến 28%. Mức độ chưa hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo từ 30-37%.

Nhà trường và Khoa chưa áp dụng nhiều giải pháp và đầu tư cải tiến chất lượng CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng dựa trên kết quả đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan.

### 3. Lĩnh vực cần cải tiến chất lượng

Để không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo, đáp ứng mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường cần: i) tổ chức đánh giá mức độ hài lòng, nhu cầu, yêu cầu của tất cả các bên liên quan đối với CTĐT KTĐK&TĐH; ii) trên cơ sở ý kiến các bên liên quan, cải tiến CTĐT KTĐK&TĐH bao gồm CĐR, nội dung, phương pháp đào tạo, điều kiện ĐBCL gắn với đạt CĐR và nâng cao chất lượng đào tạo; iii) tăng cường liên kết, hợp tác với các cơ sở sử dụng LĐ để nâng cao khả năng của NH có việc làm và tự tạo việc làm, chuyển giao tri thức đáp ứng tốt hơn nhu cầu, yêu cầu phát triển của vùng Bắc Trung bộ và đất nước; iv) đối sánh hằng năm về mức độ hài lòng của các bên liên quan về CTĐT và kết quả đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức, phục vụ cộng đồng của GV và SV ngành KTĐK&TĐH với các trường ĐH khác trong nước và trên thế giới để cải tiến chất lượng đào tạo; v) phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện các nhiệm vụ trên. vi) cần nghiên cứu điều chỉnh CTĐT theo hướng nâng cao thêm kỹ năng NC, TH TN để nâng cao khả năng NCKH, có việc làm, khả năng khởi nghiệp của người học.

4. Những điểm chưa rõ: Không

5. Mức đạt được của TC 11.5: Đạt (mức 4/7).

### **Đánh giá chung Tiêu chuẩn 11**

- Điểm mạnh cơ bản của CTĐT:

Nhà trường và Viện đã xác lập, giám sát được các tiêu chí: tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp; thời gian tốt nghiệp trung bình; loại hình và các hoạt động nghiên cứu của người học; mức độ hài lòng của một số bên liên quan. Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng 5 năm của ngành bình quân trong giai đoạn đánh giá/SV bỏ học 73,4%/27,2% Viện đã tổ chức cho SV thực hiện các đề tài NCKH và tham gia giải thưởng SVNCKH theo kế hoạch hàng năm của Trường, SV giành được 3 giải thưởng NCKH (cấp Trường), 1 bài báo ISI/Scopus. Tỉ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp tương đối ổn định, bình quân gần 80%, trong đó đa phần là khu vực tư nhân và tự tạo việc làm.

- Điểm tồn tại cơ bản của CTĐT:

Nhà trường và Viện có nhiều đầu mối quản lý CSDL đầu ra nên việc tích hợp liên thông về người học, đánh giá, đối sánh tiến độ học tập, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm (tỉ lệ có việc làm, tạo việc làm, thu nhập, đào tạo lại sau tốt nghiệp), hoạt động và kết quả NCKH SV, mức độ hài lòng các bên liên quan chưa mang lại hiệu quả cao; ii) chưa có CSDL tích hợp, liên thông về người học nói chung, cựu SV nói riêng, để dễ dàng tra cứu, truy xuất các thông tin theo yêu cầu của người dùng, trong đó tình hình thôi học và

nguyên nhân, tỉ lệ và thời gian tốt nghiệp trung bình, việc làm; iii) chưa tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp nâng cao tỉ lệ SV NCKH, công bố bài báo, tỉ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo. Nhà trường và Viện cũng chưa tổ chức đối sánh hàng năm với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số kết quả đầu ra.

- Kiến nghị đối với CTĐT:

Nhà trường, Viện cần có các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng đào tạo nhằm giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp trước và đúng hạn, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng chuyên ngành đào tạo,... nâng cao hiệu quả và tính ứng dụng của NCKH SV, khuyến khích SV đăng kết quả trên báo KH, tăng mức độ hài lòng của tất cả các bên liên quan. Cần đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước về các chỉ số và nội dung các tiêu chí của tiêu chuẩn 11; áp dụng quản trị theo nguyên lý và theo quy định và chu trình PDCA trong xây dựng, phát triển, thực hiện và cải tiến CTĐT cũng như phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, phát triển CSVC, trang thiết bị để thực hiện tốt CDR của CTĐT.

### **PHẦN III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

Kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh, nhưng cũng còn những điểm còn tồn tại, cần phải khắc phục. Đoàn ĐGN kiến nghị Nhà trường và Viện kỹ thuật và Công nghệ cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp đã nêu.

Kết quả đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa cũng cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “Đạt yêu cầu” là 48 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 96%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “Đạt yêu cầu”.

Với kết quả đạt được như trên, CTĐT ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa đã đáp ứng điều kiện để được chính thức đề nghị Trung tâm Kiểm định Chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng thẩm định, công nhận và cấp “Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng” cho CTĐT.

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐH Vinh, Viện Kỹ thuật và Công nghệ và CTĐT ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
  - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
  - Tiếng Việt: TDV
  - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&ĐT
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238) Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:  
Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
  - Tiếng Việt: Viện Kỹ thuật và Công nghệ/Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
  - Tiếng Anh: School of Engineering And Technology/Control Engineering & Automation
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:
  - Tiếng Việt: Điều khiển tự động
  - Tiếng Anh: Control Engineering & Automation
14. Tên trước đây (nếu có): Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa
15. Tên CTĐT
  - Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
  - Tiếng Anh: Control Engineering & Automation
16. Mã CTĐT: 7520216
17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa
18. Địa chỉ của Viện KT&CN thực hiện CTĐT: Tầng 1 Nhà A0, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Thành Phố Vinh

19. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; Số fax: 02388.552.269
20. E-mail: vienktcn@vinhuni.edu.vn; Website: www/http/vienktcn.vinhuni.edu.vn
21. Năm thành lập ngành Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa: 2012; Năm thành lập Viện Kỹ thuật và Công nghệ: 2017
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2012
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2017

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Trường Đại học Vinh được thành lập vào năm 2012, trực thuộc khoa Điện tử - Viễn thông và tuyển sinh khóa đầu tiên năm học 2012-2013. Đến năm 2016, Nhà trường thành lập khoa Vật lý và Công nghệ, bao gồm khoa Điện tử - viễn thông và một số ngành kỹ thuật của khoa Vật lý.

Thực hiện Đề án tổng thể tái cấu trúc Nhà trường theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tỉnh ủy Nghệ An, ngày 4/4/2017 Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã công bố quyết định thành lập Viện Kỹ thuật và Công nghệ và cử PGS.TS Nguyễn Huy Bằng làm Viện trưởng, cử PGS.TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, TS. Hoàng Hữu Việt và Ths. Đặng Thái Sơn làm Phó Viện trưởng. Ngày 05/04/2017 Nhà trường ra Quyết định số 287/QĐ-ĐHV về việc điều động 47 viên chức và hợp đồng lao động của Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Vật lý và Công nghệ về làm việc tại Viện. Theo quyết định này, Viện có 42 cán bộ giảng dạy, 03 cán bộ Trợ lý QLSV, 02 cán bộ chuyên viên văn phòng và tất cả cán bộ của Viện được phân bổ trong 06 bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật máy tính, Bộ môn mạng và truyền thông, Bộ môn Các hệ thống thông tin, Bộ môn Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử, Bộ môn Kỹ thuật điện tử và truyền thông, Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. Ngày 14/04/2017 Nhà trường ra quyết định số 649/QĐ-ĐHV về việc điều chuyển sinh viên của 05 ngành đào tạo đại học về Viện quản lý, gồm: Ngành Công nghệ thông tin và Ngành Khoa học máy tính của Khoa Công nghệ thông tin, Ngành Kỹ thuật điện, điện tử, Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa và Ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông của Khoa Vật lý và Công nghệ. Ngày 19/05/2017 Nhà trường ra Quyết định số 931/QĐ-ĐHV về việc điều chuyển các học viên cao học Ngành Công nghệ thông tin của Khoa Công nghệ thông tin về Viện quản lý. Như vậy, khi được thành lập, Viện có 05 ngành đào tạo đại học với hơn 2100 sinh viên và 01 ngành đào tạo bậc sau đại học với hơn 120 học viên.

Ngày 24/05/2017, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã công bố quyết định bổ nhiệm PGS.TS Nguyễn Huy Bằng giữ chức vụ phó Hiệu trưởng Nhà trường. Thực hiện quy trình kiện toàn Viện, Nhà trường đã công bố và trao Quyết định bổ nhiệm TS. Đặng Thái Sơn giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kỹ thuật và Công nghệ; đồng thời bổ nhiệm TS. Hoàng Hữu Việt, TS. Lê Văn Minh và TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa giữ chức vụ phó Viện trưởng. Tiếp tục thực hiện quy trình kiện toàn các Bộ môn, Nhà trường đã sáp nhập 03 bộ môn gồm Bộ môn Kỹ thuật máy tính, Bộ môn Mạng và truyền thông, Bộ môn Các Hệ thống thông tin thành 02 bộ môn là Bộ môn Hệ thống và Mạng máy tính và Bộ môn Khoa học máy tính và Công nghệ phần mềm, thành lập mới Bộ môn Công nghệ kỹ thuật Ô tô. Như vậy, sau 4 năm được thành lập, cơ cấu tổ chức của Viện Kỹ thuật và Công nghệ hiện nay như sau:

- 1) Ban lãnh đạo Viện:

- TS. Đặng Thái Sơn, Viện trưởng;
  - PGS. TS. Hoàng Hữu Việt, Phó Viện trưởng;
  - PGS. TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Phó Viện trưởng;
  - TS. Lê Văn Minh, Phó Viện trưởng;
- 2) Bí thư chi bộ cán bộ: TS. Nguyễn Tiến Dũng
  - 3) Bí thư chi bộ HVSV: TS. Dương Đình Tú
  - 4) Chủ tịch công đoàn: TS. Đỗ Mai Trang
  - 5) Bí thư đoàn thanh niên: ThS. Trần Đình Dũng
  - 6) Số bộ môn: 06
  - 7) Số cán bộ: 47 (3 PGS.TS, 13 TS, 28 ThS, 3 GVCC, 8 GVC)



**Phụ lục 2. Tóm tắt kết quả tự đánh giá CTĐT KTĐK&TĐH**

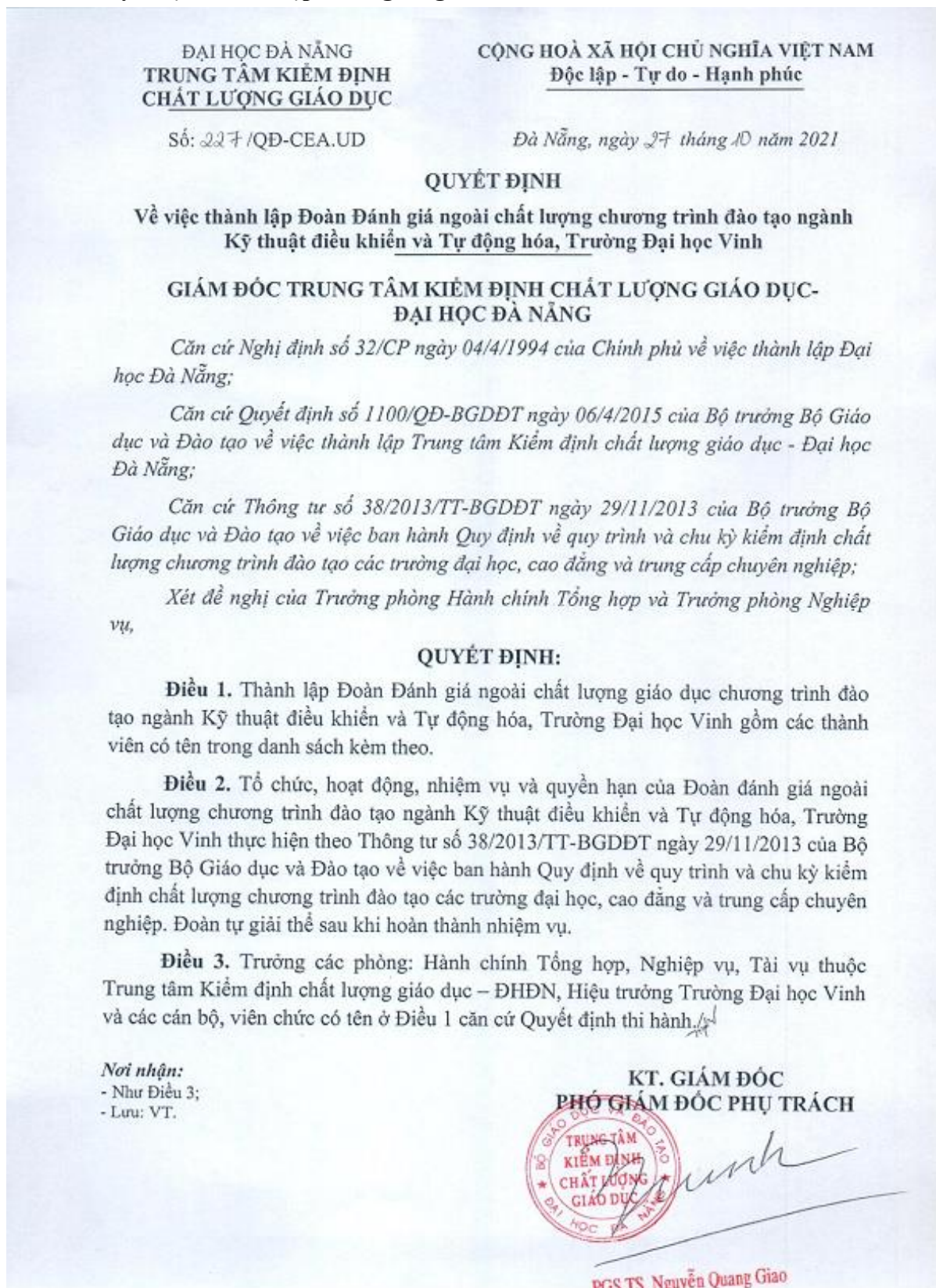
Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 2</b>								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 3</b>								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 4</b>								5.00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b>Tiêu chuẩn 5</b>								4.80	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
<b>Tiêu chuẩn 6</b>								4.57	7	100%
Tiêu chí 6.1				4						
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					

Tiêu chí 6.4				4							
Tiêu chí 6.5					5						
Tiêu chí 6.6				4							
Tiêu chí 6.7					5						
<b>Tiêu chuẩn 7</b>											
Tiêu chí 7.1				4				4.20	5	100%	
Tiêu chí 7.2				4							
Tiêu chí 7.3				4							
Tiêu chí 7.4				4							
Tiêu chí 7.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 8</b>											
Tiêu chí 8.1				4				4.40	5	100%	
Tiêu chí 8.2				4							
Tiêu chí 8.3					5						
Tiêu chí 8.4				4							
Tiêu chí 8.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 9</b>											
Tiêu chí 9.1					5			4.60	5	100%	
Tiêu chí 9.2				4							
Tiêu chí 9.3					5						
Tiêu chí 9.4				4							
Tiêu chí 9.5					5						
<b>Tiêu chuẩn 10</b>											
Tiêu chí 10.1				4				4.33	6	100%	
Tiêu chí 10.2				4							
Tiêu chí 10.3					5						
Tiêu chí 10.4					5						
Tiêu chí 10.5				4							
Tiêu chí 10.6				4							
<b>Tiêu chuẩn 11</b>											
Tiêu chí 11.1				4							

Tiêu chí 11.2					5			4.40	5	100%
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>4.66</b>	<b>50</b>	<b>100%</b>

### Phụ lục 3: Quyết định thành lập đoàn giá ngoài và Quyết định thành lập đoàn quan sát viên

#### 3.1. Quyết định thành lập đoàn giá ngoài





ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH**  
**ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-CEA.UD ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Số thẻ KĐV/CCKĐV
1.	GS.TS. Trần Văn Nam	Trưởng đoàn	Nguyễn Giám đốc Đại học Đà Nẵng	Thẻ KĐV: 2015.01.117
2.	TS. Châu Văn Lương	Thư ký	Nguyễn Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Thẻ KĐV: 2014.02.081
3.	PGS.TS. Hoàng Hữu Hòa	Thành viên Thường trực	Nguyễn Trưởng Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2014.02.072
4.	TS. Nguyễn Tinh	Thành viên	Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế	Thẻ KĐV: 2017.01.327
5.	ThS. Nguyễn Thị Khánh Linh	Thành viên	Phó Trưởng phòng, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Quy Nhơn	Thẻ KĐV: 2015.01.115
6.	PGS.TS. Nguyễn Chánh Tú	Thành viên	Trưởng bộ môn Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến, Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQĐHN	Thẻ KĐV: 2017.01.333
7.	ThS. Huỳnh Ngọc Thành	Giám sát	Trung tâm KĐCLOGD-ĐHQĐHN	CCKĐV: KĐV-0000161

Danh sách gồm có: 06 đánh giá viên và 01 giám sát

**Phụ lục 3.2. Quyết định thành lập đoàn quan sát viên**

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH  
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 163/QĐ-CEA.UD

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-BGDĐT ngày 06/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đăng ký của các cá nhân và xác nhận của cơ sở giáo dục về việc đăng ký quan sát viên đợt khảo sát chính thức đánh giá ngoài chương trình đào tạo tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Bà Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và Ông Trưởng phòng Nghiệp vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn quan sát viên đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Quan sát viên có nhiệm vụ thực hiện theo hướng dẫn từ phía Trung tâm Đoàn Đánh giá ngoài và Nhà trường theo từng nội dung làm việc của lịch trình khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

Đoàn tự giải thể sau khi kết thúc đợt khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài.

**Điều 3.** Trưởng các phòng: Hành chính Tổng hợp, Nghiệp vụ, Tài vụ thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐ, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh và các cán bộ, viên chức có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:  
- Như Điều 3;  
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**PGS.TS. Nguyễn Quang Giao**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


**DANH SÁCH**  
**QUAN SÁT VIÊN THAM GIA ĐỢT KHẢO SÁT CHÍNH THỨC PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 163/QĐ-CEA.UD ngày 28 tháng 7 năm 2020  
của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị	Trường
1	Trịnh Thế Anh	Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục	Trường ĐH Sư phạm, Đại học Đà Nẵng
2	Trần Thị Hà Vân	Chuyên viên Ban Đảm bảo chất lượng giáo dục-DHĐN	Đại học Đà Nẵng
3	Đỗ Đoàn Trang	Trưởng Khoa Kinh tế	Trường ĐH Bình Dương
4	Phạm Duy Dương	Phó trưởng Bộ môn Tự động hóa	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật, ĐHĐN
5	Trương Phúc Vinh	Trưởng Bộ môn Thú Y, Khoa khoa học sinh học ứng dụng	Trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long

Danh sách gồm có 05 người.

**Phụ lục 4. Lịch trình khảo sát chính thức của Đoàn ĐGN**




**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH**  
**CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 11 năm 2021

**CHƯƠNG TRÌNH KHẢO SÁT CHÍNH THỨC**  
**PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN, NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ,**  
**NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, NGÀNH KỸ THUẬT**  
**ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA**

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ NHẤT</b> (Thứ Ba, ngày 14/12/2021)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Khai mạc Đánh giá ngoài (Chương trình kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường A Trường Đại học Vinh
9:30-10:15	Đoàn ĐGN họp với Ban Giám hiệu Nhà trường, Ban lãnh đạo các Trường/Viện/Khoa thực hiện đánh giá ngoài CTĐT, Hội đồng tự đánh giá các CTĐT được đánh giá	Đoàn ĐGN, BGH, Ban Lãnh đạo 04 đơn vị, Hội đồng TĐG 04 CTĐT	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
10:15-11:30	Đoàn ĐGN nghiên cứu hồ sơ minh chứng	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
<b>12.00-13.30</b>	<b>Nghỉ trưa</b>		
	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các		



1



13:30-15:00	mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và Đầu tư, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phòng vấn <b>Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban lãnh đạo Trường/Viện/Khoa (lần 1):</b> Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LĐ Trường thuộc/Viện/Khoa có CTĐT đánh giá	Cả đoàn	Phòng phỏng vấn số 1 (Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành)
16:00-17:00	Phòng vấn <b>Nhóm CBQL chương trình đào tạo Sư phạm Ngữ văn</b>	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 2
	Phòng vấn <b>Nhóm CBQL chương trình đào tạo Sư phạm Địa lý</b>	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn số 3
	Phòng vấn <b>Nhóm CBQL chương trình đào tạo Công nghệ thực phẩm</b>	Nhóm 3	Phòng phỏng vấn số 4
	Phòng vấn <b>Nhóm CBQL chương trình đào tạo Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b>	Nhóm 4	Phòng phỏng vấn số 5
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn – Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ HAI</b> (Thứ Tư, ngày 15/12/2021)			
7:30-8:30	Hội trường, sân bãi TDTT, Nhà đa năng, KTX, Căn-tin/nhà ăn, trạm y tế, Trường Thực hành SP (THPT Chuyên)	Nhóm 1	Thực địa
	Trung tâm TTTV, Phòng thực hành, thí nghiệm, phòng máy tính, phòng tư liệu các Khoa (nếu có), văn phòng Khoa, phòng học	Nhóm 2	Thực địa
	Cơ sở 2 của Trường, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh Trường Đại học Vinh	Nhóm 3	Thực địa
8:30-9:30	Phòng vấn nhóm <b>CB trực tiếp hỗ trợ</b> cho CTĐT ngành <b>Sư phạm Ngữ văn</b>	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 2
	Phòng vấn nhóm <b>CB trực tiếp hỗ trợ</b> cho CTĐT ngành <b>Sư phạm Địa lý</b>	Nhóm 2	
	Phòng vấn nhóm <b>CB trực tiếp hỗ trợ</b> cho CTĐT ngành <b>Công nghệ thực phẩm</b>	Nhóm 3	
	Phòng vấn nhóm <b>CB trực tiếp hỗ trợ</b> cho CTĐT ngành <b>Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b>	Nhóm 4	
10:30-11:30	Phòng vấn <b>Giảng viên</b> giảng dạy CTĐT ngành <b>Sư phạm Ngữ văn</b> (trực tuyến)	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn số 2

	Phòng vấn Giảng viên giảng dạy CTĐT ngành <b>Sư phạm Địa lý</b> (trực tuyến)	Nhóm 2	Phòng phòng vấn số 3
	Phòng vấn Giảng viên giảng dạy CTĐT ngành <b>Công nghệ thực phẩm</b> (trực tuyến)	Nhóm 3	Phòng phòng vấn số 4
	Phòng vấn Giảng viên giảng dạy CTĐT ngành <b>Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b> (trực tuyến)	Nhóm 4	Phòng phòng vấn số 5
9:30-10:30	Phòng vấn Người học CTĐT ngành <b>Sư phạm Ngữ văn</b> (trực tuyến)	Nhóm 1	Phòng phòng vấn số 2
	Phòng vấn Người học CTĐT ngành <b>Sư phạm Địa lý</b> (trực tuyến)	Nhóm 2	Phòng phòng vấn số 3
	Phòng vấn Người học CTĐT ngành <b>Công nghệ thực phẩm</b> (trực tuyến)	Nhóm 3	Phòng phòng vấn số 4
	Phòng vấn Người học CTĐT ngành <b>Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b> (trực tuyến)	Nhóm 4	Phòng phòng vấn số 5
11:30-12:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
<b>12.00-13.30</b>	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-14:30	Phòng vấn nhóm <b>CB hỗ trợ cho CTĐT và CB Đoàn thể</b>	Cả đoàn	Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành
14:30-15:30	Phòng vấn nhóm <b>Nhà tuyển dụng</b> CTĐT ngành <b>SP Ngữ văn</b> (trực tuyến)	Nhóm 1	Phòng phòng vấn số 2
	Phòng vấn nhóm <b>Nhà tuyển dụng</b> CTĐT ngành <b>Sư phạm Địa lý</b> (trực tuyến)	Nhóm 2	Phòng phòng vấn số 3
	Phòng vấn nhóm <b>Nhà tuyển dụng</b> CTĐT ngành <b>Công nghệ thực phẩm</b> (trực tuyến)	Nhóm 3	Phòng phòng vấn số 4
	Phòng vấn nhóm <b>Nhà tuyển dụng</b> ngành CTĐT <b>Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b> (trực tuyến)	Nhóm 4	Phòng phòng vấn số 5
15:30-16:30	Phòng vấn nhóm <b>Cựu người học</b> CTĐT ngành <b>SP Ngữ văn</b> (trực tuyến)	Nhóm 1	Phòng phòng vấn số 2
	Phòng vấn nhóm <b>Cựu người học</b> CTĐT ngành <b>Sư phạm Địa lý</b> (trực tuyến)	Nhóm 2	Phòng phòng vấn số 3
	Phòng vấn nhóm <b>Cựu người học</b> CTĐT ngành <b>Công nghệ thực phẩm</b> (trực tuyến)	Nhóm 3	Phòng phòng vấn số 4
	Phòng vấn nhóm <b>Cựu người học</b> ngành CTĐT <b>Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa</b> (trực tuyến)	Nhóm 4	Phòng phòng vấn số 5
16:30-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành

NGÀY LÀM VIỆC THỨ BA (Thứ Năm, ngày 16/12/2021)			
7:30-8:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
8:00-9:30	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 1	Trực tuyến
	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 2	Trực tuyến
	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 3	Trực tuyến
	Quan sát hoạt động dạy học	Nhóm 4	Trực tuyến
9:30-12:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
<b>12.00-13.30</b>	<b>Nghỉ trưa</b>		
13:30-15:00	Đoàn ĐGN nghiên cứu minh chứng và làm việc trực tiếp với các cán bộ phụ trách các mảng của CTĐT: Hành chính-Tổng hợp, Tổ chức Cán bộ, Đào tạo, Khoa học Công nghệ và HTQT, Kế hoạch-Tài chính, Quản trị và ĐT, Công tác chính trị-Học sinh Sinh viên, Thanh tra Giáo dục, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin-Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm CNTT, Trung tâm TH-TN, Trung tâm Nội trú, Trung tâm GDQP & AN, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, cán bộ phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
15:00-16:00	Phỏng vấn <b>Nhóm Lãnh đạo Nhà trường và Ban LĐ Trường/Viện/Khoa (lần 2):</b> Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng trường, Ban LĐ Trường/Viện/Khoa có CTĐT đánh giá	Cả đoàn	Phòng phỏng vấn số 1 (Phòng họp tầng 2, Nhà Điều hành)
16:00-17:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
17:00-18:00	- Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn; - Cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8,

	tự do gặp gỡ Đoàn ĐGN (nếu có nhu cầu)		Nhà Điều hành
<b>NGÀY LÀM VIỆC THỨ TƯ</b> (Thứ Sáu, ngày 17/10/2021)			
7:30-12:00	Đoàn ĐGN làm việc nội bộ: - Các nhóm/cá nhân trình bày kết quả đánh giá - Trưởng đoàn và Thư ký tổng hợp chung kết quả đánh giá - Trưởng đoàn thống nhất sơ bộ kết quả đánh giá trước toàn Đoàn, hoàn thành báo cáo khảo sát chính thức	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
12.00-13.30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30-14:00	Đoàn ĐGN hội ý chuyên môn	Cả đoàn	Phòng làm việc của Đoàn-Hội trường tầng 8, Nhà Điều hành
14:00-17:00	Bế mạc đánh giá ngoài (Chương trình Bế mạc kèm theo)	Trung tâm KĐCLGD-ĐHĐN, Đoàn Đánh giá ngoài, Trường Đại học Vinh	Hội trường A
	<b>Ký biên bản hoàn thành khảo sát chính thức</b>		

**Phụ lục 5. Công văn phản hồi của cơ sở giáo dục có CTĐT được đánh giá về dự thảo báo cáo ĐGN**

**Phụ lục 6. Văn bản của Đoàn ĐGN gửi cơ sở giáo dục có CTĐT được đánh giá về việc tiếp thu hoặc bảo lưu ý kiến của Đoàn ĐGN**

**PHÊ DUYỆT CỦA GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM KĐCLGD-ĐHVN**

*(Chữ ký, đóng dấu)*

**TRƯỞNG ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI**

*(Chữ ký, họ và tên)*

